

HỒNG KHANH

Chuyện thường ngày
của **BÁC HỒ**

(Tái bản có sửa chữa, bổ sung)



ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Chuyện thường ngày
của **BÁC HỒ**

HỒNG KHANH

Chuyện thường ngày
của **BÁC HỒ**

(Tái bản có sửa chữa, bổ sung)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
Hà Nội - 2015

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương đạo đức của một vĩ nhân, một lãnh tụ cách mạng, người cộng sản vĩ đại, anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn, nhưng đồng thời cũng là một con người bình dị, gần gũi, ai cũng có thể học và làm theo, đặc biệt về phong cách của Bác.

Trong đời sống hằng ngày, ngoài những lúc làm việc và tiếp khách, Bác thường tranh thủ đi thăm, chuyện trò thân tình với các cụ già, gặp gỡ chiến sĩ và đồng bào các địa phương để nắm tình hình và tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Bác đến với mọi người một cách rất tự nhiên và bình dị. Điều đó đã trở thành một nhu cầu, một nếp sống, trở thành điều tâm niệm suốt đời của Người.

Để tiếp tục đẩy mạnh việc tuyên truyền, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách:

Chuyện thường ngày của Bác Hồ của Nhà báo Hồng Khanh - Nguyên ủy viên Ban Biên tập Báo Nhân dân.

Cuốn sách được khởi thảo năm 2003 và liên tục được tái bản tại Nhà xuất bản Thanh niên, lần xuất bản gần đây nhất là năm 2011 tại Nhà xuất bản Thế giới. Thông qua lời kể của các đồng chí nguyên là cận vệ của Bác, Nhà báo Hồng Khanh đã ghi lại những câu chuyện thường ngày của Bác theo các chủ đề: *Người giúp việc; Những nơi ở; Khi mặt trời lên; Cách ăn mặc; Ngoài giờ làm việc; Đến với dân; Đêm xuống; Giấc ngủ ngon lành*. Mỗi câu chuyện đều thể hiện phong cách giản dị, gần gũi nhưng rất tinh tế của Bác. Lối sống, tác phong quần chúng thường ngày của Bác luôn là chuẩn mực nhân cách con người cách mạng nhưng lại không xa lạ với mỗi con người bình thường, mà ai cũng có thể soi mình, học tập, noi theo.

Cuốn sách mỏng, nội dung phong phú, dễ hiểu, rất bổ ích cho những ai muốn quan tâm nghiên cứu, tìm hiểu về Bác Hồ và đạo đức, tác phong của Bác.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 4 năm 2015

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Sáng kiến của tác giả Hồng Khanh viết cuốn sách về *Chuyện thường ngày của Bác Hồ* chắc chắn được đông đảo bạn đọc hoan nghênh. Cuốn sách này góp phần vào việc giúp thế hệ trẻ tìm hiểu về con người vĩ đại của dân tộc ta qua đời thường bằng những mẫu chuyện sinh động. Một nét nổi bật trong cuộc sống đời thường thể hiện sự cao thượng của Bác Hồ là sự giản dị, gần gũi với mọi người, sống và làm việc như đồng bào, đồng chí.

Những chuyện kể cũng cho chúng ta thấy những người là nhân chứng đã phục vụ Bác Hồ trên 20 năm Người làm Chủ tịch nước. Những nhân chứng này cũng nêu gương sáng về tinh thần phục vụ Tổ quốc bằng sự sẵn sàng chu đáo người lãnh đạo của nhân dân ta.

Đồng chí Hồng Khanh là nhà báo lâu năm của báo *Nhân dân*. Trong thời gian kháng chiến chống Mỹ,

cứu nước, Hồng Khanh là phóng viên của một tờ báo ở Vĩnh Linh viết nhiều cho báo từ tuyến lửa ở dưới địa đạo. Sau chiến tranh, đồng chí viết về lĩnh vực kinh tế với những bài điều tra và bình luận sắc sảo. Là một nhà báo chiến sĩ, từng trải qua gian khổ, thử thách, Hồng Khanh là người có thể đảm trách những bài viết quan trọng của cuốn sách này.

Ngày 11 tháng 6 năm 2003

HOÀNG TÙNG

*Nguyên Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam,
nguyên Tổng Biên tập báo Nhân dân*

NGƯỜI GIÚP VIỆC

Người ta sinh ra ở đời, dù làm đến chức cao nhất nước, hay chỉ là người dân bình thường, hằng ngày đều phải ăn, mặc, ở, đi lại, làm việc, tiếp xúc với mọi người... Những sinh hoạt thường ngày không thể thiếu ấy được thể hiện cầu kỳ hay giản dị, lịch sự hay buông thả, xa hoa hay tiết kiệm, đài các hay bình dân..., phụ thuộc một phần điều kiện vật chất, hoàn cảnh xã hội, nhưng phần lớn hơn có tính quyết định là phụ thuộc ý thức, tư tưởng và ý chí rèn luyện không ngừng của con người đó.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - nhà cách mạng lỗi lạc, nhà văn hóa kiệt xuất của dân tộc Việt Nam. Người đã sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận, Nhà nước và Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng. Bao nhiêu sách báo trong nước và ngoài nước đã, đang và tiếp tục viết về sự nghiệp hoạt động cách mạng, tư tưởng và cả cuộc sống sinh hoạt thường ngày của Người.

Từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đến ngày Người đi xa (2-9-1969), khoảng xấp xỉ tròn một phần tư thế kỷ ấy, đất nước Việt Nam gặp biết bao thăng trầm, sóng gió, nhưng dưới tay lái vững vàng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, con thuyền cách mạng Việt Nam vẫn tiến lên vượt mọi khó khăn gian khổ, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Chủ tịch Hồ Chí Minh - một con người Việt Nam không những vĩ đại trong tư tưởng, trong sự nghiệp vì dân, vì nước, mà còn vĩ đại, mẫu mực cả trong nếp sống thường ngày.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Để giúp việc Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ điều hành đất nước, Văn phòng Phủ Thủ tướng được hình thành, trong đó có một bộ phận đặc biệt, bước đầu gồm tám người được phân công phục vụ trực tiếp Bác Hồ về các công việc sự vụ hằng ngày từ hành chính, cận vệ, chăm sóc sức khỏe đến lái xe...

Sáng ngày 6-3-1947, tại một địa điểm sơ tán ở xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và tám đồng chí trực tiếp giúp việc cho Người ngồi bàn công tác “quân sự hóa”. Nghĩa là cơ quan giúp việc cho Bác phải gọn, nhẹ, cơ động,

bí mật, nhanh chóng, đi không ai biết, đến không ai hay. Cho nên mỗi người phải có một cái balô. Ngoài ra, thêm một cái balô đựng máy chữ của Bác Hồ mang từ Hà Nội lên. Khi ấy, các đồng chí trực tiếp giúp việc cho Người được coi là cán bộ Văn phòng Chủ tịch nước, hoặc Văn phòng Thủ tướng Chính phủ, là một bộ phận đặc biệt thuộc biên chế Văn phòng Chủ tịch nước. Bởi lẽ, sau Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946, Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bầu Người làm Chủ tịch nước kiêm luôn Thủ tướng Chính phủ¹. Bộ phận này trong suốt thời gian ở chiến khu Việt Bắc, để bảo đảm bí mật, thường được gọi là C.Q41, nghĩa là cơ quan 41. Con số 41 là lấy hai số cuối của năm 1941, năm Bác Hồ về nước sau 30 năm bôn ba nước ngoài tìm đường cứu nước.

Cuộc họp vừa kết thúc, cả tám đồng chí đang ngồi quanh Người, bỗng càng lấy làm phấn khởi khi thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh âu yếm nhìn từng người một. Đó là các đồng chí: Võ Chương, quê ở

1. Mãi tới tháng 8-1949 mới có Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng ở bên Bác; đến tháng 9-1955, đồng chí Phạm Văn Đồng mới là Thủ tướng.

Thừa Thiên Huế, nguyên là giáo viên, hoạt động Việt Minh tại Thanh Hóa, Hà Nội, sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trở thành chiến sĩ trong đội tự vệ cứu quốc thành Hoàng Diệu, được chọn bổ sung vào tổ cận vệ Bác Hồ. Đồng chí Nguyễn Cần, quê ở Thường Tín, Hà Nội, từng tham gia Thanh niên phản đế Trường Bưởi, Hà Nội, bị Sở Mật thám Pháp bắt giam ở Hỏa Lò năm 1943, tháng 3-1945 vượt ngục, trở về công tác tại nội thành Hà Nội. Đồng chí Nguyễn Văn Lý, quê ở tỉnh Thái Bình, tham gia hoạt động cách mạng trong phong trào công nhân từ trước năm 1940, bị địch bắt giam ở Sơn La, Thái Nguyên, rồi vượt ngục trở về hoạt động ở căn cứ địa Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang. Đồng chí Nguyễn Hữu Văn, quê ở tỉnh Hải Dương, từng hoạt động trong phong trào Thanh niên cứu quốc Hà Nội, cuối năm 1945 được tuyển vào tổ cận vệ Bác Hồ. Đồng chí Hoàng Văn Lâm, người dân tộc Tày ở Lạng Sơn, sớm giác ngộ cách mạng. Đồng chí Chu Phương Vương, người dân tộc Tày, quê ở tỉnh Cao Bằng, giúp việc cho Bác từ tháng 7-1945. Các đồng chí Nguyễn Quang Chí, Trần Đình, dân tộc Nùng, quê ở tỉnh Cao Bằng, là chiến sĩ giải phóng quân, giúp việc cho Bác trước tháng 8-1945 ở khu giải phóng Việt Bắc.

Cả tám đồng chí nói trên đang im lặng thì bỗng thấy Bác vừa đưa tay chỉ từ trái sang phải theo thứ tự từng đồng chí đang ngồi sát nhau theo hình vòng tròn, vừa nhẹ nhàng nói:

- Từ hôm nay, Bác đặt tên cho mỗi chú như sau: Chú Võ Chương là Trường; chú Nguyễn Cần là Kỳ; chú Nguyễn Văn Lý là Kháng; chú Nguyễn Hữu Văn là Chiến; chú Hoàng Văn Lâm là Nhất; chú Chu Phương Vương là Định; chú Nguyễn Quang Chí là Thắng; chú Trần Đình là Lợi.

Nói xong, lặng im giây lát, Bác lại nhắc tên tám đồng chí vừa mới đặt: Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi.

Rồi Bác nhẹ nhàng hỏi một câu:

- Các chú có biết tại sao Bác đặt tên các chú như vậy không?

Cả tám người liếc nhìn nhau, suy nghĩ, chưa ai lên tiếng. Bác giải thích luôn:

- Nhân dân ta vừa giành được chính quyền chưa bao lâu thì đã phải bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của Bác là cùng với Đảng, Chính phủ lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc kháng chiến đến ngày thắng lợi. Bác đặt tên các chú theo khẩu hiệu “Trường

kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi” là để hằng ngày Bác gọi đến tên các chú, hay nhớ đến các chú là nhắc nhở Bác phải lo làm sao tìm mọi mưu kế, biện pháp để hoàn thành bằng được nhiệm vụ cao cả đó.

Niềm vinh dự, tự hào được Chủ tịch nước đặt tên mình gắn với ý chí và quyết tâm của toàn dân tộc đang bước vào cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đầy gian khổ nhưng nhất định thắng lợi càng thôi thúc tám đồng chí không ngừng vươn lên làm tốt nhiệm vụ. Từ đấy, trong tiếp xúc hằng ngày, hai tiếng “Bác Hồ” chính thức được gọi thay cho năm chữ “Chủ tịch Hồ Chí Minh” với cả tấm lòng kính trọng, biết ơn, gần gũi và thương yêu vô hạn. Đối với những người được vinh dự trực tiếp giúp việc cho Bác Hồ càng hết sức vui mừng được Bác gọi bằng “chú” với cả tình thương ân cần, trìu mến, giúp đỡ, dạy bảo, không hề có chút cách biệt. Nhiều đồng chí đã lấy tên Bác đặt cho mình làm tên chính thức suốt đời, như Kỳ là đồng chí Vũ Kỳ - tức Nguyễn Cần; Kháng là đồng chí Hoàng Hữu Kháng - tức là Nguyễn Văn Lý; Chiến là đồng chí Tạ Quang Chiến - tức Nguyễn Hữu Văn...

Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược bước sang giai đoạn chuẩn bị cho tổng phản công,

khối lượng công việc ở C.Q41 càng bẽ bộn, khẩn trương. Người nào cũng làm việc chăm chỉ, ít được ngơi nghỉ, hòa trong khí thế sôi động từ các chiến trường Bắc - Trung - Nam dội về nơi làm việc của Bác. Và càng náo nức, hồ hởi khi được Bác gợi ý là nên có một số chú đi xuống cơ sở dài ngày để vừa hiểu biết thực tế cuộc sống chiến đấu gian khổ nhưng rất anh dũng của đồng bào, đồng chí, vừa có dịp học tập, rèn luyện, góp phần phát huy khả năng của mình vào sự nghiệp cách mạng. Bác còn nhấn mạnh nếu chú nào cũng cứ ngồi hoài ở văn phòng để nắm tình hình qua các bản báo cáo hoặc điện thoại ở dưới gọi lên thì làm sao hiểu được thực tế, làm sao tiến kịp theo đà phát triển chung. Thực tế, ở cơ sở cũng là một trường học để rèn luyện mình. Ít hôm sau, được đồng chí Trường Chinh cho biết là Bác đã đưa gợi ý đó ra trước Thường vụ Trung ương Đảng và được Thường vụ rất đồng tình. Thế là cả C.Q41 càng lấy làm phấn chấn và tích cực hưởng ứng gợi ý của Bác. Không bao lâu sau, đồng chí Vũ Kỳ được về Hà Nội làm công tác “địch vận”. Khi chuẩn bị mở chiến dịch Điện Biên Phủ, năm 1953, Bác lại chỉ đạo cho đồng chí Vũ Kỳ đi vào lực lượng thanh niên xung phong, phụ trách Đoàn Thanh niên xung phong

Trung ương. Cũng trong thời gian bí mật, khẩn trương, náo nức đó, một số đồng chí của C.Q41 cũng rời văn phòng xuống cơ sở, như đồng chí Tạ Quang Chiến xuống phụ trách Đội Thanh niên xung phong tại “An toàn khu”. Đồng chí Hoàng Hữu Kháng làm Trưởng Ban tiếp tế An toàn khu Trung ương, Cục trưởng Cục Cảnh vệ Bộ Công an... Số đồng chí ở lại giúp Bác càng làm việc bận rộn hơn. Thông cảm với hoàn cảnh đó, những khi chưa có người bổ sung kịp, Bác vừa thảo công văn, chỉ thị, vừa tự đánh máy lấy. Một không khí làm việc sôi động, hồ hởi, không quản mệt nhọc, tất cả vì cơ sở, vì tiền tuyến và chiến thắng. Những đồng chí do yêu cầu công việc phải chuyển sang đơn vị khác, Bác lại đặt tên cho đồng chí mới được bổ sung như tên đồng chí đã chuyển. Câu khẩu hiệu “Trường kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi” luôn ở bên Bác. Vì thế, khi kháng chiến thắng lợi đã có ba đồng chí mang tên *Trường*, hai đồng chí mang tên *Nhất*, hai đồng chí mang tên *Thắng*. Một số đồng chí bổ sung trong hai năm 1948 - 1949 được Bác đặt tên mang những ý nghĩa mới: Trung, Dũng, Đông, Tâm, Kiên, Quyết, Tiết, Kiệm.

Một hôm, trong không khí hòa bình, mới về lại Thủ đô Hà Nội, nhân lúc Bác cháu đang nói chuyện

vui sau bữa cơm chiều, một đồng chí quá lạc quan, đề nghị với Bác:

- Thưa Bác! Để phù hợp với tình hình mới, xin Bác cho đổi tên của hai đồng chí *Kháng* và *Chiến* thành hai tên *Hòa* và *Bình*!

Bác nhẹ nhàng trả lời, nhưng nét mặt hơi nghiêm:

- Có kháng chiến mới có hòa bình. Song hiện nay chưa thể gọi là hòa bình, còn phải chuẩn bị kháng chiến ở miền Nam, vì kẻ địch chưa để gì ngoan ngoãn làm theo Hiệp định Giơnevơ năm 1954. Chớ có chủ quan!

Quả câu nói của Bác là một lời tiên tri. Thực tế đã diễn ra đúng như vậy. Hai mươi năm sau, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Kết thúc thắng lợi chiến dịch Điện Biên Phủ, miền Bắc hoàn toàn giải phóng. Bác Hồ, Trung ương Đảng, Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc, ngày 10-10-1954 về lại Thủ đô Hà Nội. Các đồng chí Vũ Kỳ, Tạ Quang Chiến lần lượt được trở lại giúp việc cho Bác Hồ. Từ đấy, trong hoàn cảnh miền Bắc được giải phóng, miền Nam còn tạm thời trong tay địch, tính chất công việc ở bộ phận trực tiếp giúp Bác lại càng đòi hỏi mỗi người làm việc sâu sát hơn, tỉ mỉ hơn, chính xác hơn, hiệu quả hơn. Một số đồng chí mới

rút từ Văn phòng Trung ương Đảng và một vài địa phương lần lượt được điều động, bổ sung vào bộ phận giúp việc cho Bác, như các đồng chí Đinh Văn Cẩn, Lê Văn Nhượng (bổ sung năm 1950), Cù Văn Chúc, Lê Hữu Lập, Trần Văn Vượng, Nguyễn Văn Mùi, Lưu Quang Lập, Ngô Văn Các, Hoàng Tấn Quang... Tất cả gồm hơn mười người. Nếu kể tách bạch ra thì công tác văn thư chỉ có bốn người, kể cả đồng chí Vũ Kỳ. Số đồng chí khác được phân công: người lo đánh máy, người làm cần vụ, người lo nấu ăn, người lái xe, người làm vườn, người tiếp khách, phục vụ hội nghị do Bác chủ trì... Phân công chuyên môn như vậy, nhưng khi cần thiết là có sự hỗ trợ công việc lẫn nhau trong từng bộ phận văn thư hoặc hậu cần. Bộ phận bảo vệ tiếp cận Bác thuộc Cục Cảnh vệ, Bộ Công an. Về tổ chức, tài vụ, công tác đảng, văn phòng phẩm, lương cán bộ, nhân viên của số anh em giúp việc cho Bác đều do Văn phòng Phủ Thủ tướng phụ trách. Khi Bác đón những đoàn khách lớn nước ngoài hoặc tổ chức tiệc tùng chiêu đãi thì chuyển giao cho các bộ phận giao tế hoặc Bộ Ngoại giao đảm nhiệm.

Hơn chục anh em trực tiếp giúp việc cho Bác chỉ lo làm sao bảo đảm được mọi nhu cầu về vật chất và

tin thần cần thiết hằng ngày của Bác để Bác vừa có thêm thời gian lo việc dân, việc nước, vừa còn có thể thư giãn, nghỉ ngơi, giải trí. Anh em thường nói với nhau: “Sức khỏe của Bác là tài sản quốc gia”. “Ngày nào Bác cũng vui, cũng khỏe, cũng thanh thản là mong ước của đồng bào cả nước”. Vì vậy, hơn chục anh em này đều chí thú lo toan công việc được giao. Và mỗi khi Bác đi công tác xa vài ba ngày trở lên, Bác không quên nhắc đồng chí phụ trách có thể cho anh em thay nhau về nghỉ với vợ con, gia đình, quê hương. Sự quan tâm dù nhỏ ấy của Bác càng động viên anh em phấn khởi làm việc hết mình.

*

* *

Năm 2001, năm đầu tiên của thế kỷ XXI. Tôi lần lượt tìm đến nhà riêng của những đồng chí đã có thời gian gần gũi giúp việc Bác. Với dụng ý, qua các nhân chứng đặc biệt này, có thể được biết thêm về những công việc sinh hoạt thường ngày của Bác Hồ. Nhất là trong suốt thời gian 24 năm Người làm Chủ tịch nước, bận trăm công nghìn việc của Đảng, của Chính phủ, của chế độ dân chủ cộng hòa mới ra đời

và hình thành. Hằng ngày, Bác vẫn rèn luyện, xây dựng cho mình một phong cách sống thư thái, giản dị, trong sáng, mẫu mực, hết lòng vì dân, vì nước.

Trong số tám đồng chí đầu tiên giúp việc cho Bác Hồ mà đã vinh dự được Người đặt tên “Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi” thì đến năm 2001 đã có sáu đồng chí nối tiếp nhau theo Bác Hồ về cõi vĩnh hằng trong những năm cuối của thế kỷ XX. Hai đồng chí còn lại, ít tuổi nhất so với các đồng chí kia, là đồng chí Vũ Kỳ, tuổi đã ngoài 80, sức khỏe có giảm, nhưng vẫn tinh táo, minh mẫn; đồng chí Tạ Quang Chiến, tuổi đã 77, trời cho còn khỏe mạnh, hồng hào, nói năng lưu loát. Các đồng chí bổ sung sau năm 1954, khi miền Bắc đã được giải phóng, tuổi cũng đã trên dưới 70. Nhưng may mắn thay là đồng chí nào cũng còn nhanh nhẹn, hoạt bát. Điều rất mừng là khi kể lại, đồng chí nào cũng còn nhớ khá đậm nét những kỷ niệm về công việc và sinh hoạt thường ngày của Bác Hồ mà các đồng chí đó, cũng như các đồng chí tiền nhiệm đã kể lại, được vinh dự ở bên Người, giúp việc cho Người trong suốt những năm tháng Người nhận trách nhiệm cao cả trước Đảng, trước nhân dân là làm Chủ tịch nước.

Cuốn sách này chủ yếu ghi lại những lời kể về cuộc

sống đời thường: ăn, mặc, ở, đi lại, giải trí, rèn luyện sức khỏe của Bác Hồ mà các đồng chí giúp việc cho Người từng chứng kiến. Những việc thường ngày ấy cũng là một yếu tố rất quan trọng góp phần quyết định tạo nên con người Hồ Chí Minh với ý nghĩa đầy đủ, tuyệt vời cả tài - đức - trí - lực. Qua đó, giúp chúng ta hiểu thêm về phong cách, phẩm chất, tư tưởng nhất quán trong mục đích, hướng đi, sự nghiệp cách mạng của Bác Hồ - vị lãnh tụ muôn vàn kính yêu của dân tộc Việt Nam đã suốt đời hy sinh quên mình cho cách mạng, cho sự ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Để bạn đọc tiện theo dõi, chúng tôi sắp xếp nội dung các câu chuyện theo thứ tự sau:

- Những nơi ở
- Khi mặt trời lên
- Cách ăn mặc
- Ngoài giờ làm việc
- Đến với dân
- Đêm xuống
- Giấc ngủ ngon lành.

TÁC GIẢ
Hồng Khanh

NHỮNG NƠI Ở

Các đồng chí kể rằng, nếu tính từ ngày rời căn cứ cách mạng Tân Trào, lần đầu tiên Bác về Hà Nội, vào nội thành là chiều thứ bảy, ngày 25-8-1945, tức ngày 18-7 năm Ất Dậu. Ngày đó, Hà Nội mới giành được chính quyền trọn một tuần, đang trong khí thế sục sôi Cách mạng Tháng Tám. Phố xá treo đầy cờ đỏ sao vàng và biểu ngữ “Ủng hộ Việt Minh!”, “Việt Nam độc lập muôn năm!”. Vào lúc sâm sẩm tối, tại làng Phú Gia, cạnh sông Hồng, đồng chí Trường Chinh đã đến chò sẵn để đón Bác. Chiếc xe Ford cũ màu đen đưa Bác từ Phú Gia chạy dọc theo đê sông Hồng, về Yên Phụ, xuống dốc Hàng Than, qua phố Chả Cá, đến trước số nhà 35 Hàng Cân, rồi rẽ vào phía trong có cửa phụ. Đến đây, xe ô tô dừng lại. Bác xuống xe. Đồng chí Trường Chinh - Tổng Bí thư của Đảng, mời Bác vào nhà, lên gác hai là nơi Thường vụ Trung ương Đảng bố trí Bác đến ở. Ngôi nhà này

xây ba tầng, khá cao giữa phố cũ Hà Nội, của một thương gia lớn là ông bà Trịnh Văn Bô. Nhà có cửa chính phía trước mang biển số 48 phố Hàng Ngang. Cửa chính bằng sắt chắc chắn, rất thuận lợi cho công tác bảo vệ. Góc hai của ngôi nhà này có một căn phòng rộng mà chủ nhà dùng làm phòng ăn. Giữa phòng kê một bàn gỗ dài, to. Quanh bàn có tám ghế tựa đệm mềm. Bộ bàn ghế này là nơi Bác Hồ thường làm việc với các đồng chí Thường vụ Trung ương Đảng. Cuối phòng, ở sát tường phía sau, kê một chiếc bàn tròn mà Bác và số đồng chí giúp việc cho Bác thường dùng làm chỗ ngồi ăn sáng và ăn cơm bữa tối. Bác Hồ thường ngồi suy nghĩ, làm việc, hoặc đánh máy ở chiếc bàn con kê sát tường góc phía trong. Mặt bàn này hình vuông, bọc da màu xanh lá mạ, vừa đủ để tập giấy, bút và chiếc máy chữ nhỏ, cũ, mang từ căn cứ cách mạng Tân Trào về. Chính tại góc hai ngôi nhà này, Bác Hồ đã trầm ngâm suy nghĩ phác thảo nên bản *Tuyên ngôn độc lập* lịch sử.

Ngày 29-8, Bác Hồ và một số đồng chí giúp việc được Trung ương bố trí đến ở và làm việc tại nhà số 12 Ngô Quyền, cạnh vườn hoa Chí Linh, nơi trước đó là dinh của Thống sứ Bắc Kỳ, nay là Nhà khách Chính phủ.

Ngày 31-8, để chuẩn bị cho lễ ra mắt Chính phủ Cách mạng lâm thời trước quốc dân đồng bào, Bác hỏi anh em giúp việc:

- Nơi dự định họp mítting như thế nào? Các chú thử vẽ phác qua cho Bác xem.

Xem xong sơ đồ, Bác hỏi:

- Liệu chứa được bao nhiêu người?

- Dạ! Thừa Bác khoảng vài vạn người!

Bác hỏi thêm:

- Đã bố trí chỗ đồng bào đi vệ sinh chưa?

Thấy anh em nhìn nhau hơi lúng túng, đoán là chưa nghĩ đến, Bác gọi ý ngay:

- Việc đó tuy nhỏ, nếu không chú ý bố trí cho tốt thì dễ mất trật tự.

Theo gợi ý thêm của Bác, mọi công việc chuẩn bị cho cuộc mítting được tiến hành khẩn trương, hoàn thành chu tất.

Đúng ngày 2-9-1945, trước hàng vạn đồng bào, đồng chí tập trung ở Quảng trường Ba Đình, thay mặt Chính phủ Cách mạng lâm thời, Bác Hồ trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*. Đang đọc, bỗng Bác dừng lại hỏi một câu:

- Tôi nói đồng bào nghe rõ không?

Cả biển người cả trai, gái, trẻ, già, ăn mặc đủ màu sắc, đồng thanh trả lời: “Nghe rõ! Nghe rõ!”.

Bác trịnh trọng tuyên bố tiếp với đồng bào Thủ đô thay mặt nhân dân cả nước và qua làn sóng phát thanh truyền ra thế giới: “... Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đông minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!... Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”¹.

Từ đó, trong không khí đất nước hồ hởi giành được chính quyền về tay nhân dân, Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo càn quét bôn bề mọi công việc. Số nhà 12 Ngô Quyền không những là nơi ở và làm việc của Bác, mà còn là điểm son tìm đến của bao nhân sĩ, trí thức, người giàu có và nhân dân lao động để góp phần đem sự hiểu biết, lòng trung thành và của cải, sức lực của mình ra sức xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ do Bác Hồ lãnh đạo. Ít lâu sau, chính tại nơi ở 12 Ngô Quyền này, một sự việc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.3.

hết sức đặc biệt đã xảy ra, bất ngờ sau hơn ba thập kỷ anh chị em ruột xa nhau. Đó là sau khi lần đầu tiên thấy ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, bà con họ hàng bên nội ở làng Kim Liên, bên ngoại ở làng Hoàng Trù, thuộc huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, bàn tán nhau nửa tin, nửa ngờ: “Phải chăng, Chủ tịch Hồ Chí Minh là Nguyễn Ái Quốc, là Nguyễn Tất Thành, là Nguyễn Sinh Công?”¹. Để rõ sự thật, bà con cả hai bên nội ngoại liền cử cô Thanh, tên thật là Nguyễn Thị Bích Liên - chị gái Bác Hồ, khăn gói lên đường ra Hà Nội xem sao.

Khi đến cổng số 12 Ngô Quyền, cô Thanh để tạm xuống đất hai con vịt và chiếc bị cói trong đưng vài chục quả trứng gà xung quanh phủ trấu, mang từ trong quê ra. Rồi cô đứng phúi phúi bộ quần áo nâu đang mặc, sửa sang lại ngay ngắn chiếc khăn nhung đen vấn quanh đầu. Vừa lúc, người gác cổng bước đến hỏi cô:

- Bà có việc gì, cần gặp ai?

- Tôi là chị ruột Cụ Hồ. Tôi ra thăm Cụ một chút rồi tôi về!

1. Tên của Bác Hồ lúc còn nhỏ là Nguyễn Sinh Cung, tiếng địa phương gọi là Nguyễn Sinh Công.

Nghe vậy, người gác cổng bảo cô chờ. Quả nhiên, chờ một chốc là có người ra dẫn cô vào nhà. Hai chị em gặp nhau sau mấy chục năm xa cách, người nào cũng nghẹn ngào xúc động. Chuyện trò được một lát, khoảng nửa giờ, thấy có người vào trình việc, biết Cụ Hồ đang phải giải quyết nhiều việc cần kíp của đất nước khi mới giành được độc lập, cô Thanh về nhà người quen ở phố Hàng Nón. Hôm biết cô Thanh sắp về quê, Bác Hồ đang bận rộn quá nhiều công việc, phải nhờ người đem đến biếu cô mấy mét vải lĩnh để về may quần áo gọi là chút quà kỷ niệm sau nhiều năm chị em xa cách giữa lúc đất nước chìm đắm trong tối tăm, nô lệ. Nay hai chị em gặp lại trong không khí Tổ quốc đã giành được chính quyền về tay nhân dân.

Còn ông Cả Khiêm, tức Nguyễn Sinh Khiêm (tức Nguyễn Tất Đạt), người anh ruột hơn Bác Hồ hai tuổi, nhưng kém bà Thanh bốn tuổi, ít lâu sau cũng ra gặp Bác Hồ ở tầng hai của ngôi nhà số 12 Ngô Quyền. Khi thấy Bác Hồ trong phòng làm việc bước ra, nhận rõ là em ruột mình, không nén nổi xúc động, ông Cả Khiêm bước nhanh đến ôm chầm lấy Bác, miệng nói lặp đi, lặp lại:

- Chú Công! Chú Công! Chú có khỏe không?

Bác Hồ cũng rất xúc động, ôm chặt lấy ông Cả Khiêm, áp chòm râu rung rung lên má người anh ruột của mình nói rất thân tình:

- Anh đã ra thăm em... Đáng lẽ em phải về thăm anh trước... Anh có khỏe không?

Hai người cứ ôm nhau như vậy, lặng đi hàng phút, rồi ông Cả Khiêm mới buông tay và nói tiếp:

- Chị Thanh về có nói chuyện lại, bảo là chú gây lảm, công việc bận suốt ngày...

Nói xong, ông Cả Khiêm mở chiếc vali đan bằng sợi mây cũ kỹ, lấy mấy quả cam Xã Đoài biếu Bác Hồ.

Bác Hồ đỡ lấy cam, cảm động rom róm nước mắt. Nỗi nhớ họ hàng, quê hương trào lên, Bác đọc luôn câu ca về xứ Nghệ:

*Quê ta ngọt mía Nam Đàn
Bùi khoai Chợ Rộ, thơm cam Xã Đoài
Ai về ai nhớ chẳng ai
Ta như dâu đượm thấp hoài năm canh.*

*

* *

Sau ngày 2-9-1945, Bác Hồ tuy hằng ngày làm

việc chính thức tại nhà số 12 Ngô Quyền, họp Hội đồng Chính phủ, tiếp khách trong nước và quốc tế, nhưng ban đêm rất ít khi Bác nghỉ tại đây mà về số 8 Lê Thái Tổ, là nhà của nguyên chánh án Tòa thượng thẩm Đông Dương, trước là Nhà hàng Thủy Tạ bây giờ. Hoặc Bác lui tới địa điểm dự bị bí mật tại Đê La Thành gần chợ Bưởi (từ tháng 10-1945 đến tháng 4-1946).

Tại nơi ở nhà số 8 Lê Thái Tổ và nhà số 12 Ngô Quyền lúc đó có một số nhân viên phục vụ chính quyền cũ. Bác Hồ chỉ thị giữ lại cho họ có việc làm. Tất cả số người này tận tụy phục vụ chính quyền cách mạng, và sau đó đi theo kháng chiến. Con cái của họ đều công tác tiến bộ; có hai người là đại tá Quân đội nhân dân Việt Nam.

Kháng chiến toàn quốc sắp bùng nổ, Bác tạm sơ tán về làng Vạn Phúc, Hà Đông. Tại đây, Bác ở, làm việc và ăn ngủ trong một căn gác xép của một nhà dân. Ban đêm, các đồng chí Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp... từ Hà Nội vào báo cáo tình hình cho Bác, rồi lại trở về Hà Nội. Chính tại căn gác xép ở làng Vạn Phúc này, với ngọn đèn dầu leo lét, chiếc bút sắt, cái bàn gỗ cũ, ngày 19-12-1946, Bác Hồ đã viết lời kêu gọi *Toàn quốc kháng chiến*: ... Chúng ta

thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!¹.

Ngày 19-12-1946, lúc 18 giờ 45 phút, Bác Hồ và anh em giúp việc rời làng Vạn Phúc, mang balô, máy chữ và những thứ cần thiết lên Xuyên Dương, Cần Kiệm, Sài Sơn. Rồi từ Sài Sơn, Hà Nội, đi lần lên chiến khu Việt Bắc để cùng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tiến hành cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp xâm lược.

Trong những năm tháng đầy gian khổ và kiên cường đó, do hoàn cảnh giữ bí mật phải sơ tán luôn, Bác đã di chuyển nơi ở và làm việc tới 30 địa điểm trên địa bàn của các tỉnh Phú Thọ, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Kạn... Thay đổi chỗ ở luôn, cũng có nghĩa là mỗi lần đến địa điểm mới lại phải làm nhà mới. Thời gian đầu chưa có người biết làm nhà, anh em giúp việc Bác chỉ dựng tạm tre nứa như một túp lều để ở. Sau đó Cơ quan 41 (C.Q41) bổ sung thêm các đồng chí Cần, Kiệm công tác tại Ban xây dựng An toàn khu Trung ương là hai thợ mộc

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.534.

khéo tay; việc làm nhà đỡ vất vả hơn. Mỗi lần chuyển đến địa điểm mới, anh em giúp việc thường cố gắng đáp ứng yêu cầu của Bác là chỉ cần một mái lán tranh xinh xinh, dưới tán cây cao, gần sông hoặc suối thì càng tốt. Dần dần anh em làm nhà cho Bác theo kiểu nhà sàn ở miền núi, Bác rất thích nhưng chỉ cho làm vừa đủ ở và làm việc. Nhà sàn đó, tầng dưới dùng làm việc ban ngày; tầng trên dùng làm việc và nghỉ ban đêm. Kiểu nhà sàn này tránh được khí hậu ẩm thấp và phòng thú dữ bất ngờ tấn công. Ngõ nhà sàn ấy chiều cao mỗi tầng có thể đứng nhón chân với tay được; chiều ngang thì đưa tay sang phải, đưa tay sang trái là có thể lấy được các vật dụng gài trên vách. Từng tầng tuy đơn sơ, nhưng vẫn có cái bàn con và mấy chiếc ghế đơn giản. Đồ dùng của Bác cũng giản dị, chỉ có cái chăn chiên, cái màn một, vài bộ quần áo... Cho nên khi phải di chuyển chỉ việc lấy quần áo, màn cuộn vào cái chăn thành một gói nhỏ. Số tài liệu cần thì đựng trong chiếc túi vải Bác mang lấy. Bác chỉ để anh em giúp việc mang hộ chiếc máy chữ. Nơi Bác ở lâu nhất khoảng hơn năm tháng là Khâu Lấu, Tuyên Quang, và Diêm Mặc, Định Hóa, Thái Nguyên (từ tháng 5 đến tháng 10-1947). Tổng cộng trong chín năm kháng chiến chống thực dân

Pháp, Bác Hồ và bộ phận giúp việc cho Bác đã ở các địa điểm thuộc tỉnh Thái Nguyên là 19 tháng, thuộc tỉnh Tuyên Quang là 5 năm, 10 tháng... Có địa điểm ở rồi chuyển đi, năm sau lại trở về, như: Khuôn Tát (Thái Nguyên) ba lần; Khâu Lấu (Tuyên Quang) bốn lần... Đạo ở Khâu Lấu, Sơn Dương, Tuyên Quang, nhà sàn của Bác được làm gần sông, dưới tán cây rừng ken dày lá. Có vạt đất rộng, bằng, làm được sân bóng chuyền để chiều chiều sau khi làm việc căng thẳng, Bác có điều kiện chơi bóng chuyền. Cạnh sân bóng chuyền Bác cho làm một dãy bàn tre. Hai bên bàn tre là hai dãy ghế dài dùng làm nơi ngồi nghỉ cho những “cầu thủ” trong khi tập, vừa là chỗ tiếp khách khi cần, vừa làm nơi ăn cơm của Bác và số anh em giúp việc. Dưới gầm nhà sàn có đường hào đi ra hầm trú ẩn. Những quả bầu, quả bí do Bác trông được quanh nhà sàn thì để gần nhà bếp nấu ăn. Bác thường nói với anh em giúp việc:

- Trồng bầu, trồng bí là nhanh thu hoạch, cho ta ăn được cả hoa, lá, quả. Nếu phải chuyển địa điểm đến nơi khác thì để lại cây tăng gia được cho bà con khác.

Hàm ý của Bác đạo đó là giáo dục mọi người luôn quán triệt tư tưởng đánh địch lâu dài: “Trường

kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi". Cho nên mỗi lần một vài cán bộ của các ngành, đơn vị có dịp đến báo cáo công việc cho Bác nghe, gặp lúc vào mùa quả, trước khi ra về, thường được Bác tặng, người thì quả bầu, người thì quả bí. Vừa tặng, Bác vừa nói rất tự nhiên:

- Chú cầm về..., góp thêm cải thiện bữa ăn.

*

* *

Cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp xâm lược thắng lợi. Ngày 10-10-1954, Thủ đô Hà Nội được giải phóng. Bác Hồ, Trung ương Đảng, Chính phủ về lại Thủ đô. Để đề phòng âm mưu phá hoại của địch, Bác Hồ và một số đồng chí trong Bộ Chính trị cùng Văn phòng Trung ương Đảng đến ở tạm tại nhà thương Đồn Thủy của Pháp, nay là Bệnh viện Hữu nghị và Bệnh viện Quân đội 108. Trong thời gian đó, Văn phòng Chính phủ và Văn phòng Trung ương Đảng giao cho một số anh em chuẩn bị nơi ở và nơi làm việc cho Bác và Trung ương. Do biết là Bác Hồ không chịu về ở và làm việc tại Dinh Toàn quyền cũ mà ta vừa tiếp quản, cho nên anh em đã

chọn một căn nhà hai tầng, lợp ngói, trong khu nhà làm việc của các viên chức giúp việc viên Toàn quyền Pháp trước kia, tại góc khuôn viên của Phủ Toàn quyền, nay là Phủ Chủ tịch. Ngôi nhà này có sáu phòng. Anh em đã sửa sang lại và trang bị đầy đủ đồ đạc cho từng phòng: Bàn ghế ở phòng ăn; salông ở phòng khách; tủ áo, giường lò xo có đệm và khăn trải giường ở phòng ngủ... Tất cả các tiện nghi, đồ dùng bát đĩa, tách chén... đều là đồ ngoại còn mới nguyên.

Sau khi chuẩn bị xong, khoảng một tháng, anh em báo cáo Bác và mời Bác về nơi ở mới này. Bác chưa trả lời ngay.

Buổi chiều hôm ấy, Bác bảo anh em cho Bác đi thăm Hồ Tây. Theo đồng chí Dũng, người bảo vệ tiếp cận của Bác kể lại thì khi xe đưa Bác đến đầu đường Quán Thánh, Bác bảo rẽ vào thăm khu nhà mà anh em Văn phòng đã chuẩn bị cho Bác về ở. Đến nơi, Bác đi dạo quanh cả khu nhà này, trong đó có căn nhà đã chuẩn bị cho Bác. Xem xong, Bác không nói gì, rồi Bác đi tiếp ra phía hồ nước. Đến đây, Bác bảo:

- Hồ này mà thả cá thì thả hồ cải thiện.

Lúc này, trời đã sâm sẫm tối. Bác lên xe về, không nói gì thêm.

Vài ngày sau, đồng chí Vũ Tuân, hồi đó là Phó Văn phòng Trung ương Đảng, gọi đồng chí Hoàng Phát Hiền và đồng chí Xiển là cán bộ của Văn phòng lên báo:

- Hai cậu lên gặp ngay đồng chí Trường Chinh có việc cần!

Đồng chí Hoàng Phát Hiền và đồng chí Xiển đến ngay phòng làm việc của đồng chí Trường Chinh để nhận chỉ thị. Đồng chí Trường Chinh chậm rãi nói:

- Hôm qua, sau khi làm việc, Bác có nói với chúng tôi là Bác đã đến xem căn nhà anh em chuẩn bị cho Bác đến ở, thấy có bày biện tủ, bàn ghế, giường chiếu, tách chén toàn thứ mới, sang quá. Bác nói mua sắm như vậy là không cần thiết và tốn kém, trong khi ta vừa tiếp quản cơ ngơi của chính quyền cũ chỉ có chiếc “két” rỗng mà còn bao nhiêu việc cần phải chi tiêu; nơi Bác ở chỉ cần những thứ Bác đã dùng ở chiến khu căn cứ Việt Bắc cũng được rồi. Bác Hồ còn dặn những thứ trong ngôi nhà mà các đồng chí đã chuẩn bị cho Bác thì chuyển sang cho nhà khách của Trung ương để dùng tiếp khách, nhất là khách quốc tế.

Với giọng xúc động, chậm rãi, đồng chí Trường Chinh nói tiếp:

- Bác còn bảo: Không ngờ nếp sinh hoạt giản dị của chín năm kháng chiến đã thay đổi nhanh thế!

Ngừng một lát, đồng chí Trường Chinh lại nói:

- Các đồng chí ạ! Tôi có khuyết điểm không kiểm tra lại việc chuẩn bị nơi ăn ở của Bác làm Bác phiền lòng. Vậy các đồng chí cùng bên Văn phòng Chính phủ bàn bạc sắp xếp lại nơi ở của Bác cho chu đáo. Các đồng chí đã biết ý Bác xưa nay rồi. Không phải Bác không biết ở nhà cao, tiện nghi đầy đủ, mà chính là vì nước ta còn nghèo, dân ta còn khổ, Bác chịu khó ở tiết kiệm, giản dị là điều rất đáng cho chúng ta suy nghĩ, học tập. Các đồng chí chuẩn bị cần lưu ý là nơi Bác ở và làm việc cũng sẽ có khách đến thăm nữa đấy, giản dị nhưng mà lịch sự.

Thế là anh em văn phòng lại ngồi bàn với nhau mà trong lòng nặng trĩu những lời chỉ bảo của Bác Hồ đã được đồng chí Trường Chinh nói lại. Việc khó nhất của buổi bàn hôm ấy là chọn ngôi nhà nào đây để Bác vừa làm việc được, lại vừa ở được, hợp với ý của Bác. Đang bí thì đồng chí Dũng - người bảo vệ tiếp cận của Bác, như sực nhớ ra điều gì, nói luôn trong cuộc họp:

- À! Tôi nhớ thế này... Buổi chiều hôm đi thăm ngôi nhà hai tầng, Bác Hồ có dừng lại trước ngôi

nhà ba gian nho nhỏ cạnh hồ nước, rồi Bác nói một câu nhè nhẹ: “Ngôi nhà này gần hồ nước thoáng mát đây nhi!”.

Cùng với mọi người lặng đi một lúc, đồng chí Dũng nhấn mạnh:

- Hay là chúng ta sửa sang ngôi nhà đó để mời Bác ở!

Ý kiến đề xuất của đồng chí Dũng được cả hai Văn phòng trao đi đổi lại khá kỹ. Cuối cùng, mọi người đồng tình và báo cáo lại với đồng chí Phó Văn phòng Vũ Tuân. Phương án này được chấp nhận. Công tác chuẩn bị được phân công cụ thể và khẩn trương tiến hành. Bên Văn phòng Trung ương Đảng cử đồng chí Hoàng Phát Hiền, một cán bộ “đa năng”, nhanh nhẹn, tháo vát, “tay hòm chìa khóa” phụ trách tài liệu kiêm luôn cả cần vụ và từng được vinh dự cắt tóc cho Bác Hồ, cùng với vài đồng chí khác đi lo các đồ đạc trong nhà. Bên Văn phòng Chính phủ lo sửa chữa nhà cửa, tu bổ những chỗ hư hỏng. Hai tuần sau, công việc chuẩn bị đã hòm hòm. Bàn làm việc, tủ đựng quần áo, bộ bàn ghế ngồi ăn thì lấy ở các nhà của cơ quan chính quyền cũ; trông cũ kỹ, giản dị nhưng lại có vẻ “cổ kính”. Còn chiếc giường ngủ cho Bác thì tìm không ra vì toàn là giường Tây;

đành phải ra phố tìm mua. May quá, anh em đã tìm mua được hai chiếc giường gỗ cá nhân, hai đầu có ba dẻ quạt, giá 120 nghìn đồng (đồng tiền lúc đó), đem kê gọn vào phòng ngủ cho Bác. Mọi việc chuẩn bị xong xuôi, đầy đủ, anh em báo cáo lại với đồng chí Trường Chinh. Đồng chí Trường Chinh lại cử đồng chí Vũ Tuân đến kiểm tra lại để báo cáo với Bác. Và một ngày sau đó, vào buổi chiều, sau khi cơm nước xong, những người giúp việc cho Bác mừng đến rơi nước mắt vì đã làm được một việc khiến Bác vui lòng. Từ nơi ở tạm khoảng một tháng tại Bệnh viện Đồn Thủy, Bác Hồ - vị Chủ tịch nước vô vàn kính yêu của dân tộc ta - chuyển đến ở ngôi nhà ba gian nhỏ nhỏ của người thợ điện tại góc khuôn viên của Phủ Toàn quyền Pháp, nay là Phủ Chủ tịch. Anh em giúp việc cho Bác thường gọi ngôi nhà này là ngôi nhà "54", vì Bác chuyển đến đây ở là vào tháng cuối năm 1954.

Ngày nay, nếu ai vào tham quan khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở trong khuôn viên Phủ Chủ tịch, đến ngôi nhà "54" này thì thấy mọi hiện vật sắp xếp, bày đặt, cách ngăn chia phòng vẫn y nguyên như thời gian Bác ở đây từ cuối năm 1954 đến ngày 18-5-1958, xấp xỉ bốn năm rưỡi. Cụ thể, trong phòng ngủ có một

quạt trần; một chiếc giường rộng mét hai; một tủ gỗ ngoài cánh gắn một tấm gương; một bàn, một ghế; một chiếc ghế salông. Trong phòng làm việc và tiếp khách có một tủ sách năm ngăn xinh xinh, trên tủ sách có ảnh C. Mác và V.I. Lênin, một bàn làm việc, một ghế mây, hai salông, một bàn nhỏ, hai ghế đệm nhỏ, một quạt điện, một cột mắc áo. Phòng ăn có quạt trần, bàn ăn. Trên bàn ăn có một chiếc cà-men dùng đựng cơm; một đĩa nhỏ dùng đựng miếng chanh và ít gia vị; một bát con dùng đựng nước chấm; một bát ăn cơm; một đôi đũa; một chiếc radiô; một đồng hồ để bàn; một lọ tắm; một lọ thủy tinh dùng cắm hoa. Sáu cái ghế tựa để sẵn khi có khách đến Bác mời ăn cơm...

Ngôi nhà nhỏ hai tầng ở gần đó mà Bác đã đến xem nhưng không ở (kể trên), Bác nói để cho đồng chí Phạm Văn Đồng sử dụng. Thế là từ cuối năm 1954, đồng chí Phạm Văn Đồng là người luôn luôn ở bên Bác, thường cùng ăn cơm với Bác, đồng thời bàn công việc. Hiếm thấy một quốc gia nào trên thế giới, Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ ở cùng một địa điểm liên kê nhau.

Ngày 18-5-1958, sau bốn năm rưỡi ở ngôi nhà "54", Bác mới chuyển sang ở ngôi nhà sàn bằng gỗ do kiến trúc sư Nguyễn Văn Ninh - Viện trưởng

Viện thiết kế - kiến trúc, Bộ Kiến trúc, thiết kế, đơn vị của Cục Doanh trại thuộc Tổng cục Hậu cần quân đội thi công bằng cách làm sẵn các cấu kiện từ nơi sản xuất rồi đem vào lắp dựng. Khi vào ngôi nhà sàn này, xem qua một lượt, Bác khen nhà làm thoáng, sạch, gọn, hợp lý. Bác nói:

- Nước ta còn nghèo, dân ta còn khổ, nhiều người chưa đủ chỗ ở. Bác ở thế này là tốt lắm rồi.

Ngôi nhà sàn có hai tầng. Tầng một, gian phía trong có chiếc cầu thang gỗ, 14 bậc, gian phía ngoài chỉ kê một chiếc bàn dài, to và gần chục chiếc ghế tựa dùng làm nơi Bác tiếp khách hoặc làm việc với một số đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước.

Bước theo cầu thang gỗ 14 bậc là lên tầng hai nhà sàn. Tầng này ngăn làm hai: một phòng làm việc, một phòng ngủ. Trong phòng làm việc có một bàn, một ghế, một đèn bàn và mấy ô ngăn đựng tài liệu, sách báo... Phòng ngủ có một chiếc giường rộng một mét hai. Bốn góc giường cắm bốn cọc gỗ xinh xắn dùng để mắc màn. Phía đầu giường có hai chiếc gối, một để kê đầu nằm, một để chống lên gối ngủ cho cao thêm khi Bác nằm đọc sách, báo. Bên cạnh gối có chiếc quạt lá cọ để sẵn. Khi mất điện đã có máy nổ dự phòng. Dùng quạt tay là Bác không để quạt điện

chạy liên tục. Bác thường nói: “Máy cũng phải nghỉ để bền lâu”. Hơn nữa, trong lúc đất nước còn khó khăn, thiếu thốn, Bác không muốn sống xa cách cuộc sống của nhân dân. Dọc theo mạn giường tay phải, Bác bảo đồng chí giúp việc lắp ba công tắc: một nối với dây điện đèn; một nối với chiếc quạt điện đặt trên bàn phía đầu giường ngủ; một nối với chiếc đài Ôrêôngtông. Đang nằm, khi cần bật đèn sáng hay tắt đèn, khi cần quạt quay hay quạt dừng, khi cần nghe đài hay tắt đài, Bác chỉ việc đưa tay phải xuôi theo mạn giường ấn vào nút công tắc là được. Rất giản dị, mà lại sử dụng hợp lý và thuận tiện.

KHI MẶT TRỜI LÊN

Sáng nào cũng vậy, mùa hè thường là khoảng 5 giờ, mùa đông thường là khoảng 5 giờ 30 phút, Bác Hồ thức dậy. Người lạng lẽ đặt chân xuống giường, nhẹ nhàng đi trên sàn gỗ, quanh ra phía hè bên phải, rồi bước xuống 14 bậc cầu thang gỗ của ngôi nhà sàn ở trong khuôn viên Phủ Chủ tịch. Bác thư thả lần lượt xỏ chân vào đôi dép cao su đã để sẵn ở chân cầu thang. Đôi dép mà có lần đồng chí giúp việc đã nói thật lòng với Bác:

- Dạ thưa Bác! Đôi dép của Bác đã sửa nhiều lần. Đôi dép bán ngoài phố chỉ với giá ít thôi, xin Bác cho mua đôi mới!

Bác nhẹ nhàng giải thích:

- Vấn đề là không phải nhiều hay ít tiền, mà xem nó có dùng được không và đã cần thay chưa. Đôi dép của Bác còn dùng được thì chưa cần thay. Khi nào nó thực sự hỏng thì hãy thay. Đất nước còn nghèo, mỗi người càng phải có ý thức tiết kiệm...

Với đôi dép đã nhiều lần sửa ấy, từ nhà sàn Bác đi ra “đường xoài”. Con đường rộng chừng bốn mét. Hai bên đường có những cây xoài cổ thụ, cành lá xum xuê, tỏa rộng mà nhà thơ Tố Hữu đã có câu thơ “Đường xoài hoa trắng nắng đu đưa”. Ra đến đây, Bác bắt đầu tập thể dục buổi sáng. Trước hết Bác đi bộ những bước dài, hai tay sải mạnh, mắt nhìn thẳng phía trước. Rồi Bác từ từ chuyển sang đi bộ thư thả, khoan thai. Đi bộ đến gần cổng “Đỏ”, còn một quãng nữa là giáp đầu đường Hoàng Hoa Thám, Bác đi vòng sang phải. Bác đi tiếp trên con đường có hai dãy cây mận hảo cao quá đầu gối trồng hai bên mà người ta thường gọi “hai ngà voi”, đối diện bên ngoài là đường phố lớn Hùng Vương, đến trước ngôi nhà “54” Bác dừng lại. Đoạn đường Bác đi bộ vòng uốn lượn theo hình bầu dục trong khuôn viên Phủ Chủ tịch dài khoảng 600 mét. Khuôn viên này rộng 14 ha, trong đó gần một nửa diện tích trồng cây xanh với hàng ngàn cây thuộc 150 loài của 54 họ thực vật. Những loài cây, cỏ trồng ở đây, già một nửa có nguồn gốc trong nước, non một nửa có nguồn gốc nước ngoài. Cây xà cừ thì cao, to, sừng sững. Cây muồng thì xum xuê lá. Những cây sồi, cây bồ đề thì thẳng đứng, lá xanh đậm... Phía đông nam khuôn

viên là vườn cây của Bác được hình thành từ tháng 5-1959, trên cơ sở sửa sang, cải tạo bãi đất hoang thành khu vườn bao quanh nhà sàn Bác ở. Vườn hoa thì ở trước nhà sàn, trồng đủ các loại hoa nhài, trướng gà, mộc, hòe, sồi... Các loại hoa này có mùi thơm quyến rũ và nở xen kẽ nhau. Hoa nhài thì nở từ tháng 5 đến cuối hè. Hoa mộc nhỏ li ti thì nở vào mùa xuân. Hoa hòe, hoa sồi thường nở vào tháng 7. Vì vậy vườn của Bác lúc nào cũng thoang thoảng hương thơm. Bác thường gợi ý cho anh em giúp việc chăm sóc vườn cây là hạn chế trồng những hoa chóng tàn, mà nên trồng nhiều các loại hoa không phải trồng nhiều lần trong năm; như vậy đỡ tốn công sức, tiền của mà vẫn có hương thơm bốn mùa. Cây hoa và ao cá ở đây đã tạo thành vùng tiểu khí hậu đặc biệt. Mùa hè thì mát mẻ; mùa đông có cây cao che chắn đỡ bớt cái lạnh giá của gió mùa đông bắc thổi về. Thường ngày, Bác coi việc tập thể dục buổi sáng trong khuôn viên này là kỷ luật bắt buộc, là liều thuốc bổ không mất tiền để nâng cao thể lực.

Sau vài ngày đầu thấy Bác Hồ đi bộ trong khuôn viên vào lúc mặt trời chưa lên hẳn, một số người giúp việc, nhất là các đồng chí cảnh vệ lấy làm áy náy. Các đồng chí đó đã vội vàng lặng lẽ bước theo

con đường đó, đi cách phía sau Bác khoảng 4 - 5 m để bảo vệ Bác. Cho nên động tác đi bộ của số đồng chí này không thực sự dứt khoát, mạnh mẽ. Thấy vậy, đang đi bộ, Bác dừng lại, chờ số đồng chí đó bước đến gần, Bác nói nhẹ nhàng nhưng nghiêm túc:

- Các chú đã tập thể dục thì phải làm động tác thực sự. Chứ nếu đi để bảo vệ Bác thì bớt người đi. Các chú làm như Bác là... người tù!

Câu nói nghiêm túc và chân tình đó của Bác làm nhiều người nhớ lại không ít trường hợp Bác đã đi công tác trong hoàn cảnh khẩn cấp, bí mật, không kịp tổ chức nhiều lớp lang bảo vệ; có khi một mình Bác vào “hang cọp”, nơi đối phương ở. Chẳng hạn, lúc nước nhà mới giành được độc lập, tình hình như đang đứng trước “ngàn cân treo sợi tóc”: Trong Nam thì quân Pháp, quân Anh câu kết nhau xâm chiếm trở lại. Ngoài Bắc thì quân Tưởng Giới Thạch tràn sang. Chúng ùa vào nước ta theo thỏa thuận của Đồng minh để tước vũ khí của quân Nhật đã đầu hàng vô điều kiện. Quân Tưởng Giới Thạch lúc đó là đội quân nước ngoài lớn nhất với khoảng 20 vạn người. Chúng là đội quân ô hợp, thiếu kỷ luật, đói ăn, đã và đang hung hăng gây phiền hà và tạo thêm nhiều rối ren, khó khăn cho nước ta. Ngay ở

giữa Hà Nội, chúng cũng ra mặt công khai, hống hách, đưa ra yêu sách đòi gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh và khiêu khích đơn vị vũ trang bảo vệ Bác. Trước tình hình nước sôi lửa bỏng đó, nhờ tài ngoại giao, Bác Hồ đã ký một Hiệp ước tạm thời để quân Pháp vào miền Bắc thay thế quân Tưởng Giới Thạch rút về nước, loại bỏ một kẻ thù đã tràn vào miền Bắc đông nhất lúc đó. Nhưng quân Tưởng cứ chần chừ, do dự không chịu rút. Thấy vậy, Bác Hồ quyết định đến gặp người chỉ huy quân Tưởng Giới Thạch vào miền Bắc nước ta lúc đó là Lư Hán. Nghe tin đột ngột này, một số đồng chí ta không muốn để Bác đi như vậy, sợ quân Tưởng Giới Thạch lật lọng, gây ra tình huống xấu.

Hiểu nỗi lo lắng của đồng chí mình, Bác Hồ bình tĩnh, ân cần giải thích:

- Các chú thấy đấy! Chính quyền cách mạng mới thành lập còn non trẻ. Nhiều mũi nhọn cùng một lúc chĩa vào ta. Ta không thể đủ sức cùng một lúc chống lại tất cả các mũi nhọn đó. Ta cần tách dần các mũi nhọn đó ra, để chỉ còn lại một mũi nhọn, đó là thực dân Pháp thì ta mới tìm cách đối phó được. Các chú đừng lo cho Bác. Họ không làm gì Bác đâu.

Quả vậy. Xe đưa Bác đến Phủ Toàn quyền cũ, nơi tướng Lư Hán đang tạm thời ở và làm việc. Xuống xe, qua cổng gác, Bác Hồ là cấp cao nhất, ung dung, dàng hoàng đi thẳng vào gặp Lư Hán.

Kết quả sau chuyến đi đó của Bác, 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch rút về nước. Quân Anh ở miền Nam cũng rút đúng như dự kiến của Bác¹.

*

* *

Đi bộ được một vòng trong khuôn viên Phủ Chủ tịch, chưa hết giờ tập thể dục buổi sáng, Bác dừng lại trước ngôi nhà "54", tập tiếp các động tác của bài *Bát bộ liên hoa quyền*. Bài quyền này Bác bắt đầu tập từ sau Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9-1945, do đồng chí Hoàng Hữu Kháng, tức Nguyễn Văn Lý - người trực tiếp bảo vệ Bác Hồ từ năm 1945 đến năm 1951 và đã từng học được của một võ sư người Trung Quốc hướng dẫn cho Bác. Đạo ấy, Bác mới từ

1. Về Trung Quốc, Lư Hán đã viết lại buổi đối thoại trực tiếp giữa Bác Hồ và Lư Hán ngày ấy, đăng trên tờ *Nhật báo Vân Nam*.

căn cứ cách mạng Tân Trào về Hà Nội, còn ở tạm và làm việc tại nhà số 12 Ngô Quyền. Sáng dậy, Bác lên sân thượng tập thể dục cùng với một số đồng chí giúp việc. Một hôm, trong làn gió thu mon man nhẹ của sáng sớm từ sông Hồng thổi vào, từ Hồ Gươm tỏa lên, sau mấy động tác vươn vai, vặn mình, bỗng Bác dừng lại rồi hỏi đồng chí Hoàng Hữu Kháng:

- Chú có biết võ không? Nếu biết, chú xem có bài nào hợp với sức khỏe và tuổi tác của Bác thì dạy Bác.

Thế là từ đó, theo hướng dẫn của đồng chí Hoàng Hữu Kháng - một võ sư giỏi, một thanh niên nhiệt tình, khỏe mạnh, từng tham gia hoạt động cách mạng trong phong trào công nhân từ trước năm 1940, sáng nào cũng cùng Bác lên sân thượng tập bài *Bát bộ liên hoa quyền*. Không đầy một tuần, Bác đã tập tương đối thành thạo bài quyền này gồm 49 động tác. Theo đồng chí Hoàng Hữu Kháng kể lại, ít lâu sau, trông Bác tập như một võ sư uyển chuyển, khỏe khoắn. Hai chân Bác đứng “thế tấn” chắc, khi thì vững như trụ cầu, khi thì tiến từng bước dứt khoát, mạnh mẽ. Hai tay Bác khuỳnh chỏ ra, khi thì vượt thẳng phía trước như mũi lao, khi thì vặn người qua trái, qua phải chém phần phật trong không khí. Những động tác võ này, trong những năm phải tạm

rời Thủ đô, lên chiến khu Việt Bắc cùng Đảng và Nhà nước lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược, Bác vẫn mang theo đến những nơi sơ tán trong rừng và tập đều đặn vào sáng sớm khi mặt trời lên.

Bác Hồ còn thích bóng chuyền và bơi. Khi ở Việt Bắc, Bác đề ra nguyên tắc chỗ ở của Bác nên có bãi để làm sân bóng chuyền và gần sông để bơi. Quả là tìm được chỗ ở như vậy không dễ nhưng anh em giúp việc đã cố gắng đáp ứng được phần lớn yêu cầu của Bác. Nguyên tắc đó, anh em đã đặt thành thơ, để nhớ:

*“Trên có núi.
Dưới có sông.
Có đất ta trồng.
Có bãi ta vui”.*

Hết giờ làm việc buổi chiều, Bác thường bảo anh em giúp việc cùng ra đánh bóng chuyền. Động tác “nâng” bóng của Bác cũng như của anh em chưa phải là chuẩn xác, nhưng cả Bác và cháu đã vào sân là rất vui và thoải mái, quên hết mệt nhọc sau mỗi ngày làm việc. Có khi Bác vừa dướn người, đưa hai tay lên cao chụm vào đỡ quả bóng đối phương phát sang, vừa nói dí dỏm:

- A... a..., họ truy “tử” đây!

Hoặc có khi Bác “phát” bóng không qua lưới, mọi người cười ồ. Bác liền chống chế vui, mọi người càng thích thú hòa trong không khí bình đẳng rèn luyện sức khỏe. Bác nói:

- Quả đó là Bác đánh ngoại giao!

Hôm nào có một số anh em giúp việc bận đi công tác xa, thiếu người đánh bóng chuyên thì Bác cháu đi bơi. Bác thích bơi theo kiểu nằm sấp sải tay tự nhiên. Bác thường nói, bơi là một cách rèn luyện thân thể toàn diện.

Hòa bình lập lại năm 1954, trở về Thủ đô, Bác càng vận động nhiều người tập thể dục buổi sáng. Đã có lần Bác nói với các đồng chí cảnh vệ:

- Muốn bảo vệ tốt thì người bảo vệ không những phải khỏe mà còn phải biết cả võ giỏi.

Mùa hè, trong giờ tập thể dục buổi sáng, có hôm Bác mặc áo mayô, quần thường. Tập được một lúc, mồ hôi ướt thấm đẫm cả vạt áo trước ngực, sau lưng Bác. Lúc này trông Bác như một lão võ sĩ thực thụ.

Sáng nào trời đổ mưa, mùa đông cũng như mùa hè, không ra sân được, Bác tập dưới hiên nhà sàn, hoặc ở hiên nhà “54”. Tập xong, Bác vào buồng nhà “54” đánh răng, rửa mặt, lau người. Thói quen của

Bác ít tắm vào buổi sáng hoặc buổi chiều, mà thường tắm vào sau giờ nghỉ trưa, trước khi vào làm việc buổi chiều. Buồng tắm này mới làm sau năm 1954, khi chuẩn bị cho Bác đến ở. Chứ khi người thợ điện ở ngôi nhà này dưới chế độ cũ, không có buồng tắm và nhà vệ sinh.

Buồng tắm nhà “54” là nơi hằng ngày Bác tắm rửa trong suốt 15 năm kể từ cuối năm 1954 cho đến ngày Người đi xa, 2-9-1969. Nhà sàn của Bác chỉ để ngủ và làm việc; buồng vệ sinh ở nhà dưới bên cạnh. Từ nhà sàn đến nhà “54”, đi theo đường quanh hồ cá xa khoảng 200 mét. Những lúc trời mưa, đến giờ ăn, anh em phục vụ đề nghị đưa cơm từ nhà “54” sang nhà sàn để Bác dùng. Bác không chịu, Bác nói:

- Bác đi ăn cũng là luyện tập. Bác tránh được mưa thì đồng chí phục vụ cũng bị ướt. Các chú muốn một người vất vả hay nhiều người vất vả?

Thế là Bác đội ô từ nhà sàn sang nhà “54” ăn cơm như thường lệ. Bác lấy đó cũng là dịp để rèn luyện sức khỏe.

Đồng chí Lê Văn Mẫn, bác sĩ chăm sóc sức khỏe Bác Hồ từ năm 1958 đến năm 1969 kể lại, một hôm trời nóng nực quá, Bác vẫn đi bộ quanh vườn. Thấy vậy, bác sĩ Mẫn cầm vội cái quạt lông

chim đi bên cạnh, quạt cho Bác đỡ ra mồ hôi. Mới đưa quạt lên phe phẩy vài cái, đã nghe Bác nhẹ nhàng phê bình:

- Chú làm như ở trong triều.

Ngày hôm sau bác sĩ Mẫn dùng quạt lá cọ quạt cho Bác. Không thấy Bác nói gì. Nhưng sau mấy phút đi bách bộ, Bác bảo bác sĩ Lê Văn Mẫn để quạt lại cho Bác. Bác còn nói thêm, đại ý: Bác cũng dùng quạt giấy, nhưng quạt giấy có nhược điểm là lúc mới thì có mùi hôi khó chịu, lúc cũ hay gãy nan. Quạt lá cọ này có cái tiện là nếu đầu tua rách thì cắt bớt đi.

Thế là từ đó, những lúc nóng bức tập thể dục, thể thao, Bác thường dùng quạt lá cọ phe phẩy trong lúc nghỉ ngơi ngồi bên gốc cây cổ thụ cho đỡ ra mồ hôi. Những phút đó trông Bác hồng hào, sáng khoái như ông tiên.

Chính nhờ chịu khó tập luyện đều đặn, Bác ít bị ốm đau. Đồng chí Lê Văn Chánh - bác sĩ đã vinh dự tám năm chăm sóc sức khỏe cho Bác Hồ, từ năm 1947 đến năm 1955, kể lại trong thời gian ấy Bác chỉ có hai lần ốm: Một lần bị sốt rét và một lần bị đau bụng. Lần Bác bị sốt rét, bác sĩ Lê Văn Chánh đến khám và đang tính xem nên dùng thuốc gì cho Bác thì Bác đã nói vui mà rất thực:

- Bác ra lệnh cho chú chữa hai hôm là phải hết sốt!

Đồng chí Lê Văn Chánh lo quá. Bác sốt cao thế, chữa hai ngày khỏi hẳn sao được! Sau khi hỏi ý kiến bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, bác sĩ Lê Văn Chánh tiêm cho Bác một ống Bimốcphin loại 50 đơn vị và tiếp tục theo dõi. Được vài giờ, thấy nhiệt độ giảm và không có phản ứng gì, đồng chí Chánh báo lại với bác sĩ Phạm Ngọc Thạch. Hôm sau tiêm thêm hai ống thuốc như vậy cho Bác. Thế là Bác dứt cơn sốt. Bác cười, nói với đồng chí Lê Văn Chánh:

- Đấy! Chú xem! Bác ra lệnh chữa hai ngày phải khỏi, đúng y như vậy!

CÁCH ĂN MẶC

Làm vệ sinh cá nhân xong, Bác ăn sáng. Bữa ăn của Bác hôm thì bát cháo; hôm thì vài củ khoai lang theo yêu cầu của Bác; hôm thì chiếc bánh mì loại nhỏ và một cốc sữa; hôm thì đĩa con xôi đậu. Đồng chí Đinh Văn Căn - người lo giúp việc nấu ăn cho Bác, luôn có sáng kiến, hôm thì làm bánh cuốn hoặc bát phở, hôm thì làm bát mì vằn thắn hoặc vài cái bánh bao nhỏ để Bác ăn sáng được ngon miệng.

Vừa ăn sáng, Bác vừa nghe Đài Tiếng nói Việt Nam đưa tin trong nước, thế giới và điểm vài số báo mới ra trong ngày. Bữa ăn trưa của Bác thường vào lúc 11 giờ. Đến thời điểm đó, nếu ngồi làm việc trên nhà sàn, Bác dừng lại, đưa hai tay xoa xoa vào nhau mấy cái, rồi đứng dậy thư thái bước xuống 14 bậc cầu thang, đi ra theo đường bờ ao bên phải, đến nhà "54", vào phòng ăn. Đoạn đường bờ ao này dài gần 200 mét. Vài ngày đầu, thấy Bác đi bộ vậy, đồng

chí lái xe vội vàng đưa xe đến đón Bác. Bác kiên quyết từ chối. Bác nói:

- Chú cứ bày chuyện. Từ nhà sàn sang nhà ăn, đường có xa gì đâu mà Bác phải đi xe.

Từ đó trở đi thành nếp đi lại thường ngày của Bác: Đến giờ ăn cơm trưa hay cơm chiều, Bác tự mình rời nhà sàn đi đến nhà "54". Anh em phục vụ lo việc nấu nướng cũng theo đó thành nền nếp rất đúng hện. Nghĩa là khi Bác vào phòng ăn là đã có cơm nước sẵn sàng, nóng sốt.

Bữa ăn của Bác ngày nào cũng vậy, đúng theo ý Bác đề ra là "ba món, một canh", kể cả những lúc Bác đi công tác xuống cơ sở. Ba món đó gồm "hai mặn, một nhạt". Món mặn thứ nhất, khi thì thịt nạc, khi thì thịt gà, khi thì cá kho. Món mặn thứ hai là vài quả cà, ít nước mắm có trộn tí chanh, ớt. "Một nhạt" là đĩa rau luộc, hay bầu, đậu luộc. Bát canh thì tùy mùa vụ rau quả bà con nông dân gieo trồng và thị trường cung cấp do người cấp dưỡng quyết định lấy: Khi thì canh rau cải; khi thì canh rau ngót; khi thì canh me, sấu nấu với cá hay thịt... Phần lớn là những loại rau quả lành, mát. Bác không bao giờ ăn rau sống. Riêng cá thì Bác ưa thích nhất là món cá bống, cá quả bỏ tí quýt hay lát gừng kho khô. Cơm thì người cấp dưỡng,

sắp đến giờ ăn thì xới sẵn vào cặp lồng, ủ nóng; lượng chỉ khoảng đủ hai bát xới voi voi là vừa. Ăn cơm xong, Bác ăn tráng miệng, hôm thì quả chuối, hôm thì quả cam, hay vài quả táo. Nước uống thì loại trà bình thường như mọi người dân dùng; Bác không đòi hỏi trà sang. Trà thì cho vào phích nóng. Bác ngồi làm việc một mình trên nhà sàn, khi cần uống nước, Bác tự tay rót lấy. Người giúp việc chỉ chuẩn bị sẵn cho Bác bằng cách lấy trà bỏ vào phích nóng và có thêm một chai nước lọc kèm theo, không phải đi lên xuống nhiều. Những lúc thời tiết thay đổi, hoặc làm việc căng thẳng, giữa buổi Bác uống thêm cốc sữa. Thường ngày Bác ăn ba bữa chính và ba bữa phụ rất đơn giản. Mỗi bữa phụ của Bác chỉ là một cốc sữa.

Có người cho rằng Bác ăn uống như vậy kham khổ quá, tiết kiệm quá, hoặc cho rằng anh em phục vụ chưa biết chăm sóc Bác. Hoàn toàn không phải vậy. Bác thường nói với anh em giúp việc, không phải Bác không biết ăn ngon, mà nên ăn ngon vào những lúc nào. Trong khi nhân dân còn nghèo, đất nước còn phải kháng chiến, bao nhiêu chiến sĩ, đồng bào đang phải chịu đói, chịu rét, làm việc hết sức vất vả, gian khổ mà Bác cháu ta ở giữa Thủ đô lại ăn uống quá mức sao đành. Bác thường dặn đồng chí

cấp dưỡng phải tính toán làm sao đã nấu món ăn là cố gắng bảo đảm được yêu cầu: đủ chất, giản dị, vô trùng, vừa phải, không thừa, không thiếu. Ăn xong là hết, không dư, ế. Đây cũng là điều mà các đồng chí cấp dưỡng luôn lo lắng để phấn đấu bằng được. Đồng chí Đinh Văn Cẩn - một đảng viên tận tụy, có kỹ thuật, đã nấu ăn phục vụ Bác từ năm 1952 đến ngày Bác đi xa (2-9-1969), còn nhớ mãi một kỷ niệm. Đồng chí Đinh Văn Cẩn kể rằng hôm đó, anh làm món trứng hấp có thịt băm lẫn, là một món ăn Việt Nam thơm ngon. Đồng chí lấy làm phấn khởi và định ninh rằng hôm nay thế nào Bác cũng ăn ngon miệng hơn. Nào ngờ xong bữa cơm rồi mà vẫn thấy Bác không hề dính đũa vào đĩa trứng hấp thịt băm đó. Ngại quá, đồng chí Đinh Văn Cẩn không dám trực tiếp hỏi Bác, mà lặng lẽ nhờ đồng chí Vũ Kỳ thử tìm cách hỏi Bác xem sao. Khi được nghe đồng chí Vũ Kỳ kể lại, đồng chí Đinh Văn Cẩn mới bớt lo về kỹ thuật chế biến và kịp thời rút kinh nghiệm. Bác nói với đồng chí Vũ Kỳ như sau:

- Chú nói với chú Cẩn là Bác thấy thơm ngon, hấp dẫn, nhưng đĩa trứng hấp thịt đó nhiều quá, Bác dính đũa vào ăn thừa không tiện.

Bác ăn uống tuy vừa phải, giản dị, tiết kiệm, nhưng không vì thế mà đơn giản. Khi cần thiết, Bác vẫn không quên động viên anh em cấp dưỡng cố gắng duy trì và khơi dậy truyền thống văn hóa ẩm thực của dân tộc. Chẳng hạn khi có chiến sĩ “anh dũng diệt Mỹ” hay cán bộ lẫn lộn phong trào cơ sở từ trong bụng biển Đồng Tháp Mười ra Hà Nội công tác, chữa bệnh; biết được là Bác bảo đến ăn cơm với Bác. Hôm đó thế nào Bác cũng bảo đồng chí cấp dưỡng cố gắng nấu vài món ăn theo kiểu dân gian Nam Bộ như canh chua cá lóc, cá rô kho tộ, mắm cá... Nếu là khách Quảng Ngãi, Bình - Trị - Thiên ra thì Bác bảo đồng chí cấp dưỡng cố gắng làm vài món ăn của người miền Trung hay cố đô Huế. Bác coi việc ăn uống không chỉ là để duy trì, bồi dưỡng sức khỏe làm việc dẻo dai có năng suất cao, hiệu quả tốt, mà còn là dịp bày tỏ tình cảm, phát huy tình đoàn kết cộng đồng, giúp nhau biết thêm tình hình để cùng nhau phát huy cái hay, cái tốt, khắc phục cái xấu, cái yếu kém. Cho nên thỉnh thoảng, sau nhiều bữa ăn một mình - một phòng - một mâm, chưa có dịp gặp các anh hùng, chiến sĩ thi đua, Bác lại bảo đồng chí Phạm Văn Đồng, hoặc đồng chí Võ Nguyên Giáp, hay đồng chí Nguyễn Lương Bằng, đồng chí Phạm Ngọc Thạch... đến ăn cơm với Bác.

Đến nay nhiều anh em giúp việc cho Bác còn nhớ những trường hợp thật cảm động về cách sinh hoạt thường ngày của Bác rất chan hòa, bình đẳng, không hề có chút phân biệt mình là Chủ tịch nước. Xin nêu một trường hợp: Đó là vào dịp những ngày đầu sau Cách mạng Tháng Tám mới thành công, Bác Hồ từ căn cứ địa cách mạng Việt Bắc về Thủ đô Hà Nội. Bác ở nhà số 8 Lê Thái Tổ - đối diện với cửa hàng Thủy Tạ bên Hồ Gươm. Nấu ăn cho Bác những ngày đó là đồng chí Tiêu Văn Khương đã từng là tù chính trị bị giam cầm ở Sơn La nhiều năm. Ban ngày làm việc, Bác đến Bắc Bộ phủ số 12 Ngô Quyền, nay là nhà khách Chính phủ. Hằng ngày, đồng chí Tiêu Văn Khương nấu cơm xong, bỏ vào cặp lồng, đạp xe đến Bắc Bộ phủ, để Bác ăn trưa. Thời kỳ đầu, sau ngày 2-9-1945, Bác thường ăn trưa cùng với anh em giúp việc. Một hôm, Bác đang cùng ăn trưa với các đồng chí phục vụ thì Cố vấn Bảo Đại đến. Nhìn vào mâm cơm của Bác chỉ có đĩa rau muống xào, một bát canh và một đĩa đựng mấy miếng đậu phụ kho, lại thấy người Bác Hồ lúc đó hơi xanh và gầy, Cố vấn Bảo Đại thưa:

- Nếu cụ Chủ tịch cho phép, tôi sẽ mang thức ăn Huế đến để cụ Chủ tịch dùng!

Bác Hồ vui vẻ trả lời thản nhiên:

- Cảm ơn Cố vấn! Tôi cùng ăn với anh em quen rồi!

*

* *

Khi đi công tác xuống cơ sở, nếu chỉ trong một ngày, tối lại về Hà Nội, Bác báo trước cho tổ công tác chuẩn bị mang cơm trưa đi theo. Cơm được bỏ trong cặp lồng ủ kỹ, giữ nóng. Hoặc có hôm cơm được nắm vắt thật nhuyễn, để bay hết hơi, gói lại. Canh thì cho vào phích nóng. Còn đi cơ sở từ hai ba ngày trở lên, Bác báo trước để anh em phân công người đi theo nấu nướng, phục vụ.

Đợt đi công tác vào cuối năm 1966, từ Lạng Sơn theo đường 1B qua Thái Nguyên để về Hà Nội, qua được đèo Đình Cả, đến địa điểm do Tỉnh ủy Thái Nguyên bố trí, Bác và anh em phục vụ dừng lại. Vừa vượt qua một chặng đường dài quanh co, lắm chỗ khấp khiêng, gồ ghề, dừng lại nghỉ ai cũng muốn vào trong nhà tìm chỗ ngồi tựa lưng một lát. Nhưng thấy Bác vẫn đi đi lại lại, không vào nhà; mọi người chờ đợi. Bỗng thấy Bác dừng lại trên một khoảng đất trống, cỏ mọc dày, xanh, phẳng. Anh em phục vụ

nhìn theo, vừa lúc đồng chí lãnh đạo tỉnh mời Bác và đoàn thắp tùng vào nhà. Bác rất tự nhiên, nói lại, đại ý: “Bác đi công tác qua, dừng chân nghỉ tạm, chứ đâu phải Bác đến làm việc”. Nói xong, Bác ngồi xuống bãi cỏ, rồi bảo đồng chí cấp dưỡng: “Đưa thức ăn mang theo ra đây”. Bữa cơm trưa ăn đường hôm đó Bác đã báo trước cho cấp dưỡng chuẩn bị: Xôi nắm, thịt kho và mấy quả chuối. Bữa ăn “dã ngoại” tuy đạm bạc, nhưng đầy ấm cúng. Chừng nửa giờ sau đó, Bác cháu lại lên đường về Hà Nội như đã dự kiến.

Nếp sinh hoạt ăn uống giản dị, tiết kiệm thường ngày của Bác xuất phát từ một ý thức tư tưởng xuyên suốt là luôn luôn vì dân, vì nước. Ngay sau khi nước nhà giành được độc lập, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 3-9-1945, lúc phát biểu, Bác Hồ đã nêu và phân tích ba loại giặc cần chống. Đó là giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Về chống giặc đói, Bác đề nghị:

- Trong khi chờ đợi ngô, khoai và những thứ lương thực khác phải ba, bốn tháng mới có thì ngay bây giờ phải mở một cuộc lạc quyên là cứ mười ngày một lần, tất cả đồng bào nhin ăn một bữa để giúp người nghèo.

Sau buổi họp đó, Bác thực hiện ngay.

Thấy Bác gầy yếu sau đợt ốm sốt rét từ trên chiến khu mới về Hà Nội, mấy anh em giúp việc mạnh dạn đề nghị Bác chưa nên nhịn ăn như thế. Bác nói với tình cảm đầy xúc động:

- Các chú thử nghĩ xem! Bác kêu gọi đồng bào mười ngày nhịn ăn một bữa thì Bác cũng phải gương mẫu nhịn ăn như đồng bào. Nếu Bác cứ ăn thì hóa ra Bác chỉ hô hào suông, làm gương cho ai được!

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đầy khó khăn, gian khổ, Bác đọc báo, nghe đài biết tin vùng nào đó trong nước gặp phải mất mùa, hạn hán, lụt bão, đang lâm vào cảnh đói kém, Bác thường tự đề ra yêu cầu cho mình mỗi tuần ăn một bữa cháo, hoặc một bữa com trộn ngô và vận động mọi người trong cơ quan cùng thực hiện. Thấy vậy, có anh em nói thẳng với nhau:

- Chúng mình còn trẻ, ăn thế có thể chịu đựng được. Chứ Bác đã có tuổi, lại làm việc căng thẳng, ăn thế sức đâu chịu!

Nghe được, Bác càng kiên trì vận động anh em cấp dưỡng chịu khó chế biến. Những lúc đó đồng chí Đinh Văn Cẩn lại phải trở tài kỹ thuật chọn hạt ngô ngâm kỹ, giã nhỏ và nấu sao cho dẻo để Bác ăn hết suất.

Bác coi việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là đạo đức và nếp sống thường ngày của mọi người, nhất là đối với cán bộ. Nhiều đồng chí giúp việc còn nhớ một kỷ niệm khó quên và là một bài học cho người cán bộ nọ, và cũng là bài học chung cho những ai mới có ăn, có mặc đã vội quên mất thuở hàn vi, xem thường những cái nhỏ.

Chuyện là, trong một bữa ăn trưa tại Hà Nội, vào dịp đầu xuân năm 1955, khi hòa bình mới trở lại trên miền Bắc, có một số cán bộ từ một số ngành, địa phương được Bác mời dự. Ăn cơm xong, có chuối tráng miệng. Chuối để nguyên nải tại bàn uống nước. Đạo đó, nhà ăn của cơ quan còn bày đặt bàn ghế đơn sơ, thiếu nhiều dụng cụ bát đĩa cần thiết. Một cán bộ ăn cơm xong, đến bàn uống nước, đưa tay bẻ một quả chuối để ăn tráng miệng, nhưng không may bẻ phải quả chuối có nẫu một chút. Người cán bộ đó thấy vậy liền bỏ lại, bẻ quả chuối khác, rồi bóc vỏ ăn rất thản nhiên. Lúc đó, Bác ngồi mâm bên cạnh, cũng vừa ăn xong cơm. Bác lặng lẽ đứng dậy, đến bàn uống nước, đưa tay cầm quả chuối mà người cán bộ nọ vừa bỏ lại, dùng dao cắt bỏ chỗ nẫu, bóc vỏ, đưa lên miệng ăn ngon lành. Vừa ăn Bác vừa nói rất tự nhiên như để mọi người ngồi quanh cùng nghe:

- Hồi ở chiến khu Việt Bắc, nhiều lúc Bác cháu ta thèm một quả chuối nấu cũng không có!

Người cán bộ đó hơi tái mặt, lấy làm ân hận. Anh em trong cơ quan giúp việc cũng nhìn nhau, thăm thía lời góp ý nhẹ nhàng mà rất sâu sắc đó của Bác.

Trong việc khuyên răn, giáo dục cán bộ, Bác Hồ không nói nhiều đến lý luận, mà dùng những hành động thực tế, hình ảnh so sánh dễ thuyết phục. Người thường nói: “Học cái tốt thì khó, vì như người ta leo núi, phải vất vả, khó nhọc mới lên đến đỉnh. Học cái xấu thì dễ, như ở trên đỉnh núi, trượt chân một cái là nhào xuống vực thẳm”.

Đứng trước cái ranh giới hết sức mỏng manh giữa cái tốt và cái xấu, chỉ một phút dao động, không vững vàng trước những cám dỗ tầm thường của đồng tiền, của vật chất, con người ta sẽ bị sa sút về đạo đức, sẽ sa vào con đường phạm tội, sẽ không còn có ích cho Tổ quốc, cho nhân dân. Bởi vậy, có lần Bác nói:

- Nếu không giữ được thói quen tiết kiệm thì sẽ tham ăn ngon, tham mua các thứ xa hoa. Lương không đủ thì người cán bộ đó sẽ lấy các thứ đó ở đâu? Lúc ấy chỉ có hai cách: Một là ăn cắp của Chính phủ; hai là bị tiền mua chuộc.

Nhớ lại đầu năm 1952, Trung ương Đảng và Chính phủ phát động phong trào sản xuất và tiết kiệm. Tại một địa điểm sơ tán ở Việt Bắc, Bác đã viết bài *Thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu*. Phác thảo xong, Bác cho một số anh em giúp việc xem để có thể tham gia ý kiến, rồi Bác mới hoàn chỉnh. Bài viết đó đã trở thành tài liệu học tập cho cán bộ và nhân dân. Trong bài viết, Bác giải thích tiết kiệm không phải là bủn xỉn, không phải xem đồng tiền bằng cái nong, gặp việc đáng làm cũng không làm, đáng tiêu cũng không tiêu; tiết kiệm không phải ép bộ đội, cán bộ và nhân dân nhịn ăn, nhịn mặc. Trái lại, tiết kiệm cốt để giúp vào việc tăng gia sản xuất, mà tăng gia sản xuất là để nâng cao mức sống của bộ đội, cán bộ và nhân dân. Nói theo khoa học, thì tiết kiệm là tích cực chứ không phải là tiêu cực.

Rồi Bác chỉ rõ cách làm: “Trong 80 năm nước ta bị đế quốc Pháp rồi đến đế quốc Nhật vơ vét hết, vì vậy mà kinh tế của ta nghèo nàn, lạc hậu.

Nay chúng ta cần phải có một nền kinh tế khá, để kháng chiến và kiến quốc. Muốn xây dựng kinh tế thì phải có tiền của để làm vốn...”¹.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.352.

Bác chỉ rõ *phải tiết kiệm thời giờ*. Thí dụ: Việc gì trước kia phải làm hai ngày, nay vì tổ chức sắp xếp khéo, năng suất cao, ta có thể làm trong một ngày là xong. *Phải tiết kiệm sức lao động*. Thí dụ: Việc gì trước kia phải dùng mười người, nay ta phải tổ chức sắp xếp cho khéo, phải nâng cao năng suất của mỗi người, nhờ vậy mà chỉ dùng năm người cũng làm được. *Phải tiết kiệm tiền của*. Thí dụ: Việc gì trước kia phải dùng nhiều người, nhiều thời giờ, phải tốn hai vạn đồng. Nay vì tiết kiệm được sức người và thời giờ, nguyên liệu, cho nên chỉ tốn một vạn đồng là đủ.

Về tham ô, Bác viết: Đứng về phía cán bộ mà nói, tham ô là ăn cắp của công làm của tư, đục khoét của nhân dân, ăn bớt của bộ đội, tiêu ít mà khai nhiều. Lợi dụng của chung, của Chính phủ làm quỹ riêng cho địa phương mình, đơn vị mình cũng là tham ô.

Đứng về phía nhân dân mà nói, tham ô là ăn cắp của công, khai gian, lậu thuế.

Bác coi tham ô là trộm cướp.

Bác chỉ ra lãng phí có nhiều cách: Lãng phí sức lao động, lãng phí thời giờ, lãng phí tiền của. Lãng phí tuy không lấy của công đút túi, song kết quả cũng rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ, có khi tai hại hơn nạn tham ô.

Bác nói rõ nguyên nhân có nạn tham ô và lãng phí là vì bệnh quan liêu. Vì những người và những cơ quan lãnh đạo từ cấp trên đến cấp dưới không sát công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng, đối với công việc thì trọng hình thức mà không xem xét khắp mọi mặt, không vào sâu vấn đề, chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, chứ không kiểm tra đến nơi đến chốn.

Bác kết luận: “Nói tóm lại: Vì những người và những cơ quan lãnh đạo mắc *bệnh quan liêu* thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững. Kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ tham ô, lãng phí”¹.

Bác cho việc tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân, của bộ đội, của Chính phủ. Nó là kẻ thù khá nguy hiểm. Vì nó không mang guom, mang súng, mà nó nằm trong các tổ chức của ta, để làm hỏng công việc của ta... Vì những lẽ đó, chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận. Đây là mặt trận tư tưởng và chính trị.

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sdd*, t.7, tr.357.

Bác đã nói là làm, đâu chỉ có khuyên răn người khác làm. Trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Bác Hồ luôn luôn là người nêu tấm gương thực hiện “chí công, vô tư”. Ngay cả những lúc mời khách ăn cơm, bao giờ Bác cũng báo trước cho người cấp dưỡng biết để lo liệu, và số tiền chi đó là trừ vào tiền lương của Bác. Tuyệt đối Bác không tơ hào một đồng nào của công vào việc riêng tư. Những năm 1960, trong số anh em trực tiếp giúp việc cho Bác, có ba đồng chí là Vũ Kỳ, Cù Văn Chúc và Lê Hữu Lập được vinh dự “quản” thu và chi tiền lương và tiết kiệm của Bác. Ba đồng chí này phân công như sau:

Đồng chí Vũ Kỳ lo việc xem xét thực hiện theo ý Bác.

Đồng chí Cù Văn Chúc ghi chép và giữ sổ sách.

Đồng chí Lê Hữu Lập gửi và rút tiền.

Riêng đồng chí Lê Hữu Lập có vinh dự đặc biệt được đứng tên là “Lê Hữu Lập” vào sổ tiết kiệm của Bác Hồ gửi ở quầy tiết kiệm phố Hàng Gai, Hà Nội. Tiền tiết kiệm là gom góp, dành dụm từ tiền lương hằng tháng của Bác còn lại sau khi trừ các khoản chi tiêu, ăn uống, và tiền nhuận bút mà thỉnh thoảng dù bận trăm công nghìn việc, Bác vẫn tranh thủ viết bài cho báo *Nhân dân* để góp phần chỉ đạo

công tác cách mạng, cố vũ động viên người tốt, việc tốt, phê bình uốn nắn cái xấu, cái tiêu cực và đấu tranh với địch. Còn những tặng phẩm do những đơn vị, cá nhân ở trong nước hay nước ngoài gửi đến tặng Bác, Bác liền báo cơ quan để riêng ra và Bác thường dùng làm quà tặng cho thanh thiếu niên, đơn vị xuất sắc, người tốt, việc tốt, chiến sĩ thi đua, hoặc nhập vào quỹ Đảng, quỹ Nhà nước. Ngay như lần đi ra nước ngoài dự Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô, là đại biểu mời, Bác Hồ được nhận một số tiền của Đảng bạn tặng, nhưng Bác liền báo đồng chí Vũ Kỳ nhập số tiền ấy vào quỹ Đảng ta. Bác coi số đó là của chung, không phải do sức lao động của Bác trực tiếp làm ra.

Một ngày trong năm 1965, đồng chí Lê Hữu Lập vừa đi đến trước cửa phòng làm việc của Bác thì bỗng nghe Bác bảo:

- Chú Lập! Sáng nay Bác nhờ chú ra quây tiết kiệm Hàng Gai rút cho Bác hai trăm đồng. Xong chú đem số tiền đó đến nhờ anh Nguyễn Sinh Định làm việc ở Văn phòng Ủy ban hành chính thành phố Hà Nội chuyển về Kim Liên cho kịp.

Thì ra, hôm đó, sau khi Bác Hồ được tin ông Nguyễn Sinh Mọi - người anh thúc bá của Bác, bố

của Nguyễn Sinh Định, vừa qua đời ở quê Nam Đàn mà Bác không có thời gian về thăm viếng. Bác liền gửi số tiền đó về để góp phần cùng gia đình, họ hàng lo liệu việc tang lễ cho ông Mọi.

Hoặc giữa mùa hè năm 1967, sau giờ làm việc buổi sáng, thấy Bác mặc áo mayô, quần thường, đồng chí Lê Hữu Lập nhanh miệng nói:

- Dạ! Thưa Bác! Hôm nay trời nóng.

Không ngờ đồng chí Lê Hữu Lập vừa nói xong, đã nghe Bác nhẹ nhàng động viên:

- Càng nghĩ tới nóng thì càng nóng thêm. Mà cứ nghĩ tới lúc này bà con nông dân trên đồng ruộng, anh công nhân bên lò cao, người chiến sĩ trên mâm pháo... thì thấy đỡ nóng. Chú nhìn thấy... kia...

Bác vừa đưa tay chỉ bên phía sân thượng Hội trường Ba Đình, nơi đang có một số bộ đội phòng không trực chiến đấu dưới ánh nắng chói chang, gay gắt giữa trưa hè Hà Nội.

Thế là ngày hôm sau, theo lệnh Bác, đồng chí Vũ Kỳ bảo đồng chí Lê Hữu Lập ra quầy tiết kiệm phố Hàng Gai rút hết số tiền trong sổ của Bác đem trao cho Bộ Quốc phòng, nói là Bác gửi tặng bộ đội phòng không để có thêm nước giải khát. Chuyện này khi nhắc đến, anh em cơ quan, nhất là đồng chí Lê Hữu Lập

càng xúc động và lấy làm tiếc là giá như lúc đó mạnh dạn bỏ ra vài trăm đồng để giữ lại cuốn sổ tiết kiệm ấy thì chắc nay sẽ là một kỷ vật quý góp phần thêm cho Bảo tàng Hồ Chí Minh. Nhưng lúc đó đang chiến tranh quyết liệt, chưa ai nghĩ đến, hơn nữa lại phải giữ bí mật tuyệt đối, không dám hé ra đó là sổ tiết kiệm của Bác Hồ. Và cũng không ai ngờ được rằng, ít lâu sau, Bác Hồ muôn vàn kính yêu của chúng ta đi xa.

*

* *

Còn chuyện mặc? Bác rất bình dị. Bộ quần áo đầu tiên mang ý nghĩa là bộ lễ phục mà Bác đã mặc trong buổi Chính phủ Cách mạng lâm thời ra mắt trước quốc dân đồng bào ngày 2-9-1945 tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội. Theo ông Vũ Đình Huỳnh - người bí thư của Bác lúc đó, kể lại là do ông bà Trịnh Văn Bô, một thương gia ở phố Hàng Ngang chọn vải; ông thợ may Phú Thịnh ở phố Hàng Quạt cắt may. Khi đem mẫu vải được chọn về xin ý kiến Bác, Bác nói ngay với người giúp việc:

- Tôi mặc đơn giản thôi, không len, dạ đất tiên

làm gì, cốt tươm tất, giản dị, không phải cà vạt, cổ
cần làm gì.

Bộ áo quần với ý nghĩa “lễ phục” mà Bác mặc hôm
ra mắt trước quốc dân đồng bào may bằng vải kaki, áo
thì bốn túi, cổ bẻ, lúc cần kín cổ thì cài khuy áo lại. Mặc
vào không cần cà vạt, vẫn oai nghiêm và giản dị.

Những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, ở
chiến khu Việt Bắc, Bác thường mặc áo chàm, áo nâu -
những tấm áo mỏng đậm đà bản sắc dân tộc. Bộ “đại
cán” cũ bằng vải kaki tay và gấu có chỗ hơi sòn
nhưng vẫn phẳng phiu sạch sẽ, Bác thường mặc khi
hội họp, tiếp khách. Còn những lần đi chiến dịch,
Bác mặc gọn gàng trong bộ quần phục đã sòn với
chiếc khăn mặt vắt vai, như một người lính già thực
thụ. Hòa bình lập lại trên miền Bắc, về lại Thủ đô,
anh em văn phòng xin phép Bác được may thêm cho
Bác một bộ áo quần kaki mới. Anh em nêu lý do là
để phòng những lúc âm trời, bộ quần áo cũ giặt chưa
khô, kíp có cho Bác mặc. Bác nhẹ nhàng bảo lại:

- Ta vừa kháng chiến xong, đất nước còn nghèo,
đời sống nhân dân còn khó khăn. Bác có hai bộ kaki
tuy cũ nhưng vẫn còn mặc tốt, các chú đừng may
thêm, lãng phí.

Mùa hè ở Hà Nội, có hôm trời nóng 37-38 độ. Tiếp khách, Bác vẫn mặc bộ quần áo kaki đã phai màu, bạc trắng. Lúc nóng quá, Bác cởi bớt khuy áo. Anh em cơ quan xin phép Bác được may cho Bác hai áo sơ mi ngắn tay để mặc mùa hè; hai áo sơ mi dài tay để mặc mùa thu. Nghe xong, Bác cười, nói lại:

- Tiếp khách mà mặc đại cán là tôn trọng khách. Ngồi ở nhà làm việc, Bác mặc áo bà ba bằng vải mỏng là đỡ nóng rồi. Các chú không phải may áo sơ mi cho Bác, vừa tốn vải vừa không cần thiết, trong khi nhiều gia đình ở nông thôn, thành thị còn phải mặc quần áo vá.

Quả là Bác không hề có áo sơ mi. Trong tủ áo quần của Bác có một bộ quần áo bằng dạ đen do Chính phủ Tiệp Khắc tặng. Bác chỉ dùng bộ quần áo này khi đến thăm các nước ở xứ lạnh mà ta thường thấy trên phim ảnh chiếu.

Đồng chí cận vệ Phạm Lệ Ninh từng kể một câu chuyện cảm động. Năm 1957, Bác đi thăm nước bạn Miến Điện (Mianma). Một đồng chí giúp việc cho Bác được vinh dự đi cùng. Hôm đó, đồng chí này mặc khác hẳn: đóng bộ comlê, cổ thắt caravat. Thấy vậy, Bác nhẹ nhàng hỏi:

- Hôm nay chú mặc comlê, thắt caravat?

Đồng chí đỏ lúng túng, chưa biết trả lời ra sao. May mà lúc đó Thủ tướng Phạm Văn Đồng đứng bên Bác, đỡ lời cho:

- Thưa Bác! Lần này Bác đi thăm các nước tư bản, xin phép Bác cho anh em mặc như thế nào phù hợp với nghi thức ngoại giao.

Bác thân mật nói với Thủ tướng và số anh em cùng đi, đứng gần đó:

- Không phải Bác không muốn cho các chú mặc đẹp, Bác rất muốn cho cả dân tộc ta ai cũng được mặc đẹp. Các chú biết đấy. Liên Xô sau khi chiến thắng phátxít Đức, thanh niên tự nguyện bảy năm không thắt caravat, phụ nữ ba năm không thắt nơ; tiết kiệm để xây dựng lại đất nước. Chúng ta kháng chiến chống Pháp đã thắng lợi, nhưng đất nước còn nhiều khó khăn, một nửa đất nước đang sống dưới ách kìm kẹp của Mỹ - ngụy, nếu ai cũng muốn caravat, và khi có caravat thì phải có áo sơ mi, phải có thêm áo vét. Như vậy tiền lương sao đủ, chỉ còn cách bớt xén của công!

Đồng chí Lê Văn Cân - người cần vụ cho Bác kể rằng, những năm tháng hòa bình ở Hà Nội, Bác vẫn mặc rất giản dị, tiết kiệm như thời ở chiến khu Việt Bắc. Quần áo Bác mặc chỉ có vài bộ, lại may cùng

kiểu, nhất là quần áo bà ba. Sau khi may xong, mang đi xí nghiệp Tô Châu nhuộm màu gụ hết. Khi Bác mặc, bộ nào hơi cũ, được thay bộ mới vào. Vì áo quần may cùng một kiểu, vải giống nhau, cho nên lúc đầu Bác không nhận ra. Sau thấy quần áo mặc nhiều mà vẫn mới, Bác nghi nghi. Đoán biết là anh em văn phòng tự động may thêm áo quần cho mình. Bác bèn đánh dấu và phát hiện ra quần áo đã bị thay đổi. Bác phê bình. Nhân đó, Bác kể một câu chuyện, như để anh em giúp việc hiểu thêm sự nghiêm khắc trong ăn mặc của Bác không phải vì Bác sống quá đơn giản, thiếu lịch sự mà xem thường việc “đi sang mặc đẹp”, không quan tâm đến sự lo lắng của những người giúp việc. Bác kể là khi hoạt động cách mạng ở Quảng Châu, Trung Quốc, Bác được giao nhiệm vụ cần đến gặp trực tiếp bà Tống Khánh Linh. Bà Tống Khánh Linh là vợ của ông Tôn Dật Tiên - người đã đề ra học thuyết Tam dân chủ nghĩa¹. Nhưng chỗ ở của bà Tống Khánh Linh có mấy người lính Tưởng Giới Thạch canh gác cẩn thận. Sự canh gác đó bề ngoài tỏ ra coi trọng bảo vệ bà, nhưng bên trong

1. Dân tộc, dân quyền, dân sinh.

chính là muốn hạn chế quan hệ chính trị của bà. Vì bà Tống Khánh Linh kiên quyết và dũng cảm bảo vệ học thuyết Tam dân chủ nghĩa của ông Tôn Dật Tiên. Vậy Bác làm thế nào đến gặp bà Tống Khánh Linh? Hồi ấy ở nước ngoài Bác vừa bí mật hoạt động cách mạng vừa tìm cách kiếm tiền nuôi sống mình, nghèo túng luôn. Bác tìm hiểu biết được tâm lý mấy người lính gác đó là rất trọng hình thức, rất sợ những người giàu sang quyền quý. Bác dồn hết số tiền dành dụm được mấy tháng trước đó, thuê một bộ áo quần x-mô-kinh (smoking) kèm mũ phớt, ba toong, đôi giày và cặp kính đen loại sang nhất. Bác mặc bộ đồ sang trọng đó vào người và thuê một ô-tô có người lái cũng vào loại sang nhất. Xong đầu đấy, Bác bảo người lái xe cho nhắm hướng nhà bà Tống Khánh Linh đi đến. Mấy người lính thấy xe ô-tô bóng nhoáng, người ngồi trong xe ăn mặc rất sang trọng, vội vàng lễ phép bồng súng chào, không hỏi han gì cả. Thế là Bác vào nhà đảng hoàng gặp bà Tống Khánh Linh.

Kể xong Bác nhẹ nhàng nhắc lại lời phê bình và kiên quyết bảo anh em giúp việc không được tự động may quần áo mới cho Bác, nếu bộ quần áo cũ vá lại còn dùng được.

Đã có lần một cán bộ cấp cao của Đảng thấy Bác mặc áo có chỗ vá trên vai, lấy làm áy náy, nói ra lời. Bác khuyên lại, rất chân tình:

- Chú ạ! Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước mặc áo vá vai thế này là cái phúc của dân đấy! Đừng bỏ cái phúc ấy đi!

Ý của Bác không bắt mọi người sống như Bác. Chủ yếu là Bác khuyên chúng ta sống bằng thu nhập chính đáng của mỗi người, phù hợp với hoàn cảnh đất nước và cuộc sống của đồng bào, đồng chí.

NGOÀI GIỜ LÀM VIỆC

Đã là người đứng đầu một nước thì hẳn là bận trăm công ngàn việc. Bác Hồ kính yêu của chúng ta làm Chủ tịch nước trong thời kỳ mà nhân dân Việt Nam vừa làm xong cuộc Cách mạng Tháng Tám thắng lợi đã phải đứng lên gồng mình đương đầu với thực dân Pháp, rồi tiếp đến kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, càng bận bịu biết bao công việc. Cho nên Bác Hồ luôn xây dựng rèn luyện cho mình một nền nếp làm việc và sinh hoạt thường ngày rất đàng hoàng, thư thái, không hấp tấp, vội vã, dành thời gian cho đi cơ sở, cho tham gia trồng cây, chăm cá, cho xem văn hóa, văn nghệ, cho việc đọc báo, sử dụng báo, góp ý phê bình báo và nhất là viết bài cho báo để góp phần chỉ đạo công tác cách mạng, kháng chiến, đấu tranh với địch, biểu dương tấm gương người tốt, việc tốt, phê bình cái hư, cái xấu. Chỉ riêng đối với báo *Nhân dân*, kể từ khi ra số đầu

ngày 11-3-1951 đến khi Người qua đời ngày 2-9-1969, Bác đã viết 1.025 bài báo với 23 bút danh khác nhau. Đã viết báo, Bác tự tay đánh máy. Giấy viết báo, Bác thường dùng những tờ còn sử dụng được mặt trắng phía sau. Những năm tháng ở chiến khu Việt Bắc, không ít lần Bác dùng cả vỏ bao thuốc lá, lật trái phía sau mặt bao còn trắng để viết báo. Bác hình thành một phương pháp rất khoa học, hợp lý, hiệu quả trong việc đọc báo, sử dụng báo, góp ý và viết cho báo. Bác coi công tác báo chí là một nhiệm vụ cách mạng.

Hằng ngày, sáng dậy, sau khi tập thể dục, làm vệ sinh cá nhân và ăn sáng xong, còn vài ba mươi phút, trước khi đến giờ làm việc, Bác xem nhanh một lượt số báo mới đến, dùng bút đánh dấu vào bên lề, hoặc dưới tit, hoặc dưới góc trái của những tin, bài để tối đến có nhiều thời giờ Bác xem lại. Sự đánh dấu khác nhau đó tùy thuộc nội dung bài báo theo từng chủ đề mà Bác đã sắp sẵn trong đầu để sau này tiện tra cứu, xem lại. Đọc xong, Bác thường liên hệ với địa phương, ngành, cơ sở nào đó có thể vận dụng học tập nếu là tốt; gợi ý rút kinh nghiệm nếu là xấu, kịp thời giúp nhiều đơn vị phát huy mặt tốt, uốn nắn điều xấu.

Cách đánh dấu của Bác bên lề bài báo còn giúp cho cơ quan, nhất là những đồng chí giúp Bác về công tác báo chí trả lời được nhanh chóng những yêu cầu của Bác, không phải mất nhiều thời gian lục lọi, tra cứu. Thấy Bác đánh dấu tròn có gạch ngang (θ) bằng bút bi hoặc bút chì đỏ, nghĩa là có thể thưởng huy hiệu của Người. Thấy Bác đánh dấu một dấu chéo (/) là bài báo đó cần lưu ý nghiên cứu thêm. Thấy Bác đánh dấu hỏi (?) là có nghĩa bài báo đó viết nội dung chưa rõ, phải tìm hiểu tiếp. Thấy Bác đánh dấu hai vạch song song (//) là có nghĩa bài báo đó Bác đã xem xong... Các đồng chí phục vụ cứ nhìn vào các ký hiệu đó để hiểu và thực hiện theo ý của Bác. Cũng có khi Bác sử dụng chữ Hán, chữ Pháp, chữ Nga, chữ Anh làm ký hiệu bên lề trang báo, trang tài liệu. Bài báo nào cần giữ làm tư liệu, Bác cho cắt dán.

Sách, báo, tạp chí Bác đọc có nhiều thể loại, từ nhiều nguồn khác nhau gửi đến, trong đó có cả sách biếu của các tác giả, của các tổ chức ở trong nước và ngoài nước. Mỗi khi đọc xong, Bác dặn gửi sách, báo đó tới những nơi cần sử dụng. Vì thế Bác không có thư viện riêng.

Dựa vào báo chí để phát hiện, trong thời gian Người làm Chủ tịch nước, nhất là sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc vừa khôi phục và phát triển kinh tế, rồi tiếp đến vừa chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, vừa hết lòng chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam, Bác Hồ đã thường huy hiệu của Người cho hàng trăm cá nhân nêu gương tốt trong các lĩnh vực sản xuất, chiến đấu, văn hóa, khoa học... Nhưng không phải Bác căn cứ hoàn toàn vào báo đăng. Sau khi đọc xong một gương tốt nào đó đăng trên báo, trước khi quyết định khen thưởng, Bác đều cho kiểm tra lại. Một thí dụ, năm 1960, một tờ báo nêu gương về một người đạp xe xích lô tuổi hơn 50, hằng ngày đã còng lưng vất vả đạp xe xích lô chở khách trên một số đường phố quanh co của Hà Nội để kiếm tiền nuôi gia đình, mà còn tranh thủ giúp đỡ, giáo dục một đứa trẻ hơn mười tuổi ở phố Khâm Thiên từ nghịch ngợm, hư hỏng trở thành thiếu niên ngoan. Đọc xong bài báo đó, Bác gọi đồng chí Cù Văn Chúc - người giúp việc báo chí cho Bác, đến giao việc đi kiểm tra, xác minh. Kết quả xác minh thì việc người đạp xe xích lô quan tâm giúp đỡ, giáo dục đứa trẻ ấy là có thật. Nhưng đứa trẻ đó chưa đến mức trở thành một thiếu niên

ngoan. Thế là Bác ngưng ngay ý định thưởng Huy hiệu của Người, rồi bảo đồng chí Cù Văn Chúc tìm cách liên hệ với người viết bài báo đó rút kinh nghiệm về tính trung thực của báo chí.

Từ năm 1962 trở về sau, để giữ gìn đôi mắt cho Bác và theo yêu cầu của Hội đồng bảo vệ sức khỏe Trung ương, Bác cần có nhiều thời gian nghỉ ngơi, nhất là vào ban đêm, cho nên cơ quan phân công một số đồng chí giúp việc, khi thì đồng chí Vũ Kỳ, khi thì đồng chí Cù Văn Chúc, khi thì đồng chí Lê Hữu Lập..., đến đọc sách hoặc báo cho Bác nghe. Có hôm Bác bảo đọc thư của những người không còn biết kêu đâu phải gửi lên Bác. Những lúc có thư như vậy, Bác yêu cầu người giúp việc đọc chậm rãi, kỹ càng, đúng theo nguyên văn câu chữ, nguyện vọng của người viết thư.

Đồng chí Lê Hữu Lập kể rằng, một lần có hai chị nông dân ở Hà Tây (nay là Hà Nội) viết thư gửi lên Bác "tố" những chuyện khổ sở, tủ nhục bị chồng chửi mắng, đánh đập. Nghe thư xong, Bác bảo đưa cho Bác. Không ngờ ngày hôm sau trong cuộc họp Ban Bí thư, Bác đưa bức thư ấy ra, lên án tệ nạn chồng bắt nạt vợ và đề xuất biện pháp khắc phục để bảo đảm quyền bình đẳng nam nữ trong xây dựng

cuộc sống mới, nhất là ở nông thôn còn nhiều hủ tục lạc hậu.

Hoặc thư của một chị y tá ở cơ quan nọ viết lên cho Bác kể rằng hai vợ chồng chị đều là cán bộ, công nhân viên, đã có hai con nhỏ, cuộc sống hằng ngày đều dựa phần lớn vào lương chồng. Khuyết điểm của chồng chị là khai man lý lịch, bị phát hiện, chi bộ đã khai trừ ra khỏi Đảng, đơn vị đã sa thải ra khỏi cơ quan. Như vậy gia đình sẽ tan nát, chị xin Bác cứu cho. Nghe thư xong, Bác nằm lặng thinh. Hôm sau, Bác cho mời đồng chí Nguyễn Lương Bằng - Tổng Thanh tra Nhà nước, Trưởng ban Kiểm tra Trung ương Đảng sang. Chờ cho đồng chí Nguyễn Lương Bằng đọc xong thư đó, Bác mới nói:

- Kỷ luật Đảng phải nghiêm, nhưng cũng phải mở cho người phạm lỗi có con đường sửa chữa để trở thành người tốt, chứ không phải là đuổi khỏi cơ quan. Nên xem xét có thể cho một công việc lao động để họ có điều kiện cải tạo.

Hai năm sau người chồng của chị viết thư đó lại được kết nạp Đảng.

Còn nghe đọc báo, dù bài báo đó dài mấy Bác cũng theo dõi bằng hết. Hôm đồng chí Cù Văn Chúc đọc bài báo khá dài viết về nhà chí sĩ yêu nước

Phan Bội Châu. Bài báo có nhiều lần nhắc tên trống không “Phan Bội Châu”. Nghe xong, Bác bảo đồng chí Chúc:

- Ngày mai chú nhớ gọi điện thoại bảo với đồng chí Tổng biên tập lưu ý nhắc anh chị em trong tòa soạn cần làm tốt hơn nữa khâu biên tập. Nếu bài báo đó là người ngoài tòa soạn viết gửi đến thì cũng tìm cách nhắc người ấy không thể gọi tên trống không “Phan Bội Châu” như vậy, mà nên gọi: “Cụ Phan Bội Châu”. Tập quán xưng hô của dân tộc ta luôn biết kính trên nhường dưới, có văn hóa.

Rõ ràng trong khi nghe hoặc đọc, Bác Hồ còn chú ý cả câu chữ nào, chi tiết nào nêu trên báo không phù hợp để góp ý kiến với tòa soạn, hoặc bảo tòa soạn nói lại cho người viết biết để rút kinh nghiệm. Cũng có khi Bác liên hệ vào mình để học tập báo, nhất là những gương người tốt, việc tốt. Đồng chí Nguyễn Văn Mùi - người có gần chục năm lái xe cho Bác (từ năm 1961 đến năm 1969), kể lại một câu chuyện thật cảm động:

Chiều hôm đó, chiếc xe Pôpêđa màu sữa quen thuộc đưa Bác đi công tác ở ngoại thành Hà Nội về, vừa dừng lại trên “đường xoài” phía sau nhà sàn, thì Bác đã hỏi ngay đồng chí Nguyễn Văn Mùi:

- Bây giờ chú Mùi có bận việc gì không?

Đồng chí Nguyễn Văn Mùi liếc nhanh ra sân vườn Phủ Chủ tịch thấy ánh nắng mặt trời còn trải dài trên những ngọn cây, thảm cỏ, gió thổi nhẹ nhẹ làm đung đưa bóng lá chiều hè. Đoán chắc Bác cần việc gì đấy, đồng chí Nguyễn Văn Mùi lễ phép thưa:

- Dạ! Thưa Bác có việc gì cần không ạ? Giờ này cháu cũng rồi rồi.

- Thế thì chú hãy khoan xuống xe, ngồi lại dạy cho Bác học cách lái vớ!

Đồng chí Nguyễn Văn Mùi lấy làm ngỡ ngàng và hết sức cảm động. Một ý nghĩ thoáng nhanh trong óc: “Bác bận bịu biết bao công việc. Bác là vị lãnh tụ tối cao của dân tộc. Mình đâu được phép dạy...”.

Thấy Nguyễn Văn Mùi ngạc nhiên, lúng túng, Bác nói luôn ý nghĩ của Bác cho anh hiểu rõ:

- Bác học lái xe là để khi ngồi vào xe cũng biết được đâu là số tiến, đâu là số lùi, cách khởi động máy ra sao. Học chỉ để biết thôi, chứ thật sự lái xe phải có bằng, nắm chắc luật lệ giao thông, và phải được phân công.

Lặng một chút, Bác Hồ nói tiếp với người lái xe:

- Chú Mùi ạ! Chẳng là thế này, tối hôm qua Bác đọc một tờ báo nước ngoài. Trong mục “Người thật

việc thật” tờ báo đó có đăng chuyện một cô giáo dạy lớp 1 đưa các cháu đi thăm cảnh đẹp quê hương. Chiếc xe ô tô chở khoảng 30 cháu. Cô giáo ngồi phía trước, gần người lái xe để vừa dẫn đường vừa thỉnh thoảng nhìn bao quát các em ngồi phía sau. Xe chạy từ từ đến một đoạn dốc thì chậm lại. Vì phía trước dốc, hướng xe đi tới là một đoạn đường quanh gò cánh tay. Bên cạnh đoạn đường quanh là hồ nước. Xe đang từ từ bò xuống dốc, đến đoạn đường quanh ấy thì người lái xe bỗng bị cảm, ngất xỉu. Xe chệch choạng, thấy vậy, nhanh như sóc, cô giáo cầm ngay cần phanh kéo mạnh về phía sau; xe đứng khựng lại, không bị lao xuống hồ nước. Qua mẩu chuyện đó, Bác thấy nếu biết được việc gì hay việc đó.

Thế là từ đấy, những chiều đi công tác về, còn thời gian rỗi rãi, Bác lại tranh thủ bảo đồng chí Nguyễn Văn Mùi hướng dẫn cách thao tác những bộ phận cần thiết của xe. Bác còn chỉ thị cho đồng chí Vũ Kỳ, đồng chí Cù Văn Chúc nhắc anh em cơ quan cũng nên cố gắng học lái xe để khi cần là có thể giải quyết được kịp thời công việc, không bị động, không lúng túng. Riêng Bác còn bảo đồng chí Nguyễn Văn Mùi vẽ các bộ phận cần thiết của xe ra giấy, ghi tên, chức năng của các bộ phận rõ ràng để

Bác xem cho dễ nhớ. Đồng chí Nguyễn Văn Mùi vâng lời và đã vẽ đầy đủ lên giấy đưa trình Bác. Kỷ vật đó hiện còn lưu trong kho tư liệu của Bảo tàng Hồ Chí Minh.

*

* *

Giờ giải lao Bác cũng sử dụng rất hợp lý, tiết kiệm. Thời còn hút thuốc lá, giữa buổi làm việc, nghỉ mười phút, Bác mới ngừng tay viết, hoặc ngừng đọc, lấy điếu thuốc trong bao để sẵn trên bàn phía trước mặt, rồi đánh diêm châm lửa hút. Thói quen hút thuốc lá, như Bác từng thổ lộ với anh em giúp việc là do “xuất xứ” khi còn trẻ đi hoạt động cách mạng trong thời kỳ bí mật. Thuở ấy, mỗi lần Bác đi ra khỏi nhà, thế nào bọn mật thám cũng “đánh hơi” rình mò, theo dõi. Để phát hiện chúng và che mắt chúng, nhất là đi trên các đường phố để biết chúng có đuổi theo mình hay không, đang đi Bác đột ngột dừng lại, đưa tay vào túi lấy bao thuốc lá ra, rút một điếu, đưa lên miệng ngậm. Rồi nhanh chóng kéo mũ phớt xuống nghiêng nghiêng che mặt, đánh diêm châm lửa cho thuốc. Miệng rít từ từ hơi thuốc. Mắt thì liếc nghiêng

nhìn theo chúng nó đang ở đâu, đi đến đâu để tìm cách đối phó hoặc lẩn tránh. Thói quen ấy dần dần làm cho Bác thành thói quen hút thuốc. Sau này, cách mạng thành công, nước nhà độc lập, tuổi cũng đã cao và theo lời bác sĩ khuyên, Bác quyết tâm từ bỏ thuốc lá. Nhưng quá trình bỏ được thuốc lá, Bác phải đấu tranh khá vất vả. Ngày đầu bỏ hút thuốc lá, người Bác buồn buồn cảm thấy chưa dứt ra được. Những ngày sau, Bác dùng một lọ thủy tinh không đặt trước mặt, trên bàn làm việc. Khi quá thèm thuốc, Bác rít vài hơi; phần còn lại của điếu thuốc đang cháy Bác bỏ cả vào trong lọ làm cữ để so sánh ngày sau bỏ hơn ngày trước bao nhiêu. Cứ thế, kiên trì một thời gian, Bác bỏ không hút thuốc lá. Đồng thời Bác kiên quyết bỏ thói quen uống cà phê, vì như Bác nói “uống cà phê lại gọi lên cái thèm hút thuốc lá”.

Từ đó, những phút giải lao ngoài giờ làm việc, Bác thường ra đứng gần lan can nhà sàn, nhìn cây cảnh quanh vườn, vươn vai hít thở khí trời, hoặc trò chuyện vui vẻ với vài đồng chí giúp việc. Và cũng thường nhằm vào thời điểm đó, để khỏi ảnh hưởng đến mạch suy nghĩ luôn vì dân, vì nước của Bác trong những giờ Bác chí thú ngồi làm việc, các đồng

chí giúp việc được phân công trách nhiệm về đưa trình tài liệu, công văn xin ý kiến hoặc chữ ký của Bác thường tranh thủ bước nhanh lên cầu thang nhà sàn đặt số hồ sơ, tài liệu trên bàn làm việc của Bác.

Một hôm, khoảng sau Tết Nguyên đán một tháng. Đất nước đang hùng hực trong khí thế sẵn sàng đánh trả đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc. Bác dự kiến xong chương trình công tác, ra nghỉ giải lao bên hành lang nhà sàn, đang ngắm nhìn cây cảnh trong vườn khoe sắc dưới nắng xuân hiem hoi. Thấy vậy, đồng chí Vũ Kỳ - người đã từng giúp việc cho Bác từ sau Cách mạng Tháng Tám thành công, đi lên cầu thang nhà sàn, tay cầm cuốn sách, định đến trình với Bác. Nhưng Bác đã hỏi trước:

- Chú Kỳ có cuốn sách gì đây?

Được dịp, đồng chí Vũ Kỳ thưa luôn với Bác là sáng nay đơn vị nọ đã cho người đưa đến văn phòng để nhờ chuyển lên kính biểu Bác cuốn sách này.

Bác cảm ơn, rồi cầm cuốn sách lật lật từng trang, trong đó in nhiều mẫu chuyện với những dòng tít lớn. Nhân lúc đang nghỉ giải lao, Bác vui vẻ nói luôn:

- Giờ chú Kỳ thử “bói Kiều” một chuyện, rồi đọc cho Bác nghe chuyện đó xem sao!

Làm theo lời Bác, đồng chí Vũ Kỳ nâng cuốn sách lên, lim dim đôi mắt, làm động tác như dân ta có người thường bói Kiều, rồi mở ra, dõng dạc đọc cho Bác nghe một chuyện dài không đầy năm trăm chữ. Chuyện đó kể rằng, dạo ấy đang trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, ở chiến khu Việt Bắc, trời vừa tối nhò nhò, một chiến sĩ trên đường đi đến vọng gác, không may rơi “uỵch” một cái xuống hố cá nhân bên đường. Người chiến sĩ loay hoay không trườn lên được, vì hầm sâu đến gần cổ. Vừa lúc đó có một cụ già đi gần, nghe tiếng “uỵch”, vội vàng chạy đến. Nhưng một chiếc guốc của cụ văng ra khỏi chân; còn một chân vẫn còn guốc. Đến nơi, cụ già liền cúi xuống luồn hai tay mình vào nách người chiến sĩ, rồi gắng sức nâng người chiến sĩ lên khỏi hầm cá nhân. Cụ già đó là Bác Hồ kính yêu của chúng ta.

Mẫu chuyện chỉ có vậy. Nghe đồng chí Vũ Kỳ đọc xong, Bác chưa “bình luận” gì. Thông thường Bác dành cho người đọc có ý kiến trước. Cũng như khi xem xong một lượt tờ báo hay cuốn sách, dù là ngoài giờ làm việc, Bác chưa vội có nhận xét ngay, chỉ dùng bút đánh dấu vào những câu, những đoạn nào đó của bài báo hay trong sách để khi có dịp Bác

ngiên cứu tiếp. Phong cách làm việc của Bác là cầu thị, thư thái, đàng hoàng, thận trọng. Cho nên khi nghe đồng chí Vũ Kỳ đọc xong mẫu chuyện đó, lặng một chút, Bác hỏi đồng chí Vũ Kỳ:

- Theo chú thì chuyện này viết có được không?

Đồng chí Vũ Kỳ ngập ngừng, với dụng ý chò ý kiến của Bác. Không ngờ Bác lại vui vẻ nhận xét và như để qua đồng chí Vũ Kỳ mà nói lại với người viết mẫu chuyện đó rút kinh nghiệm. Bác nói rằng chuyện đó là có, nhưng không đến như vậy. Bác đã có tuổi, sức đâu mà xốc nách để nâng được người chiến sĩ trẻ lên khỏi hầm. Và Bác làm gì đến nổi vội vàng, hấp tấp, để guốc văng ra khỏi một chân. Trong lúc nghỉ giải lao hôm đó, nhân câu chuyện ấy, Bác nói luôn ý nghĩ của Người về viết hồi ký. Ý nghĩ đó, sau này đồng chí Vũ Kỳ vẫn còn nhớ mãi. Bác Hồ nói, khi viết hồi ký cần lưu ý ba điểm:

Thứ nhất, chuyện có tác dụng giáo dục;

Thứ hai, sự việc, tình tiết diễn ra phải hợp lý;

Thứ ba, bảo đảm cao tính chính xác.

*

* *

Trước khi hết giờ làm việc buổi chiều, mùa hè là vào lúc 17 giờ; mùa đông là vào lúc 16 giờ 30 phút, Bác Hồ thường dành ra ít phút để xem lại những văn bản mà văn phòng trình lên xin ý kiến Bác phê duyệt. Cái nào được, không còn phân vân gì nữa, Bác cho chuyển đi để triển khai thực hiện. Cái nào cần có ý kiến sớm, nếu hết giờ làm việc chiều, Bác tạm gác lại đó, tối tranh thủ xem thêm, không vội vàng, qua loa “duyet” cho xong việc. Bác thường nhắc nhở đã là cán bộ của Đảng, của dân càng đòi hỏi “làm ra làm, chơi ra chơi”. Làm việc thì phải sâu sát, tỉ mỉ, trung thực, chính xác và thực sự đem lại hiệu quả.

Đồng chí Cù Văn Chúc kể lại một trường hợp là vào buổi sáng, sau khi đưa lên trình Bác một bản danh sách các đơn vị của một số bộ, tỉnh có thành tích trong sản xuất mà cơ quan theo dõi phong trào thi đua khen thưởng đã tổng hợp để trình Chủ tịch nước phê duyệt tặng thưởng huân chương. Trình xong, đồng chí Cù Văn Chúc chưa ra khỏi phòng đã nghe Bác nói:

- Chú cứ để đấy..., gần hết giờ làm việc chiều, chú lên lấy!

Phong cách giao tiếp của Bác đã hẹn là gặp, đã gặp là cho biết kết quả được hay không được; hiếm

thấy có trường hợp lỡ hẹn với ai. Theo lời Bác, gần hết giờ làm việc chiều, đồng chí Cù Văn Chúc bước nhanh lên cầu thang nhà sàn, vừa tới cửa phòng làm việc của Bác, đã nghe Bác hỏi:

- Chú Chúc đã lên đấy à!

Đồng chí Cù Văn Chúc hăm hở, phấn khởi, định ninh là Bác đã ký duyệt, vội nhanh nhẩu trả lời:

- Dạ! Thưa Bác! Cháu đây ạ!

Trả lời xong, đồng chí Cù Văn Chúc bước vào phòng, đứng trước bàn làm việc của Bác với tư thế sẵn sàng chờ lệnh. Không ngờ sau giây lát, Bác vừa trao lại bản danh sách vừa thư thả, nhẹ nhàng nói với người giúp việc với giọng thông cảm nhưng cũng có sự nghiêm khắc:

- Bác đã xem danh sách này, nhưng Bác chưa ký. Chú cầm xuống bảo với văn phòng trao lại cho bên cơ quan theo dõi phong trào thi đua để kiểm tra xem. Chứ theo Bác biết, và theo báo cáo tổng hợp thì năm nay nhiều chỉ tiêu sản xuất không đạt kế hoạch đề ra. Sao mà bản danh sách này lại có nhiều đơn vị được đề nghị thưởng huân chương vậy?

Quả là ít ngày sau, những bộ, tỉnh này đã phải trình lại bản danh sách đề nghị số đơn vị được tặng thưởng huân chương chỉ còn không đầy một nửa so

với bản trình lần trước. Đúng giờ hẹn, cũng vào lúc sắp hết giờ làm việc buổi chiều, đồng chí Cù Văn Chúc lên phòng làm việc của Bác để lấy lại bản trình đã được Bác ký duyệt. Trao xong cho người giúp việc, Bác nói thêm:

- Đấy! Chú xem! Bác không bảo kiểm tra lại, cứ để danh sách như trình lần trước mà Bác ký vào thì Bác cũng có khuyết điểm là để cho một số đơn vị “làm thì láo, báo cáo thì hay”, như vậy còn đâu là ý nghĩa, mục đích của thi đua là yêu nước.

Vừa lúc hết giờ làm việc chiều, đến giờ nghỉ, trời đã vào hè. Bác cởi chiếc áo ngoài, mặc áo mayô, xuống cầu thang nhà sàn, đi qua cổng uốn vòm cong bằng hàng cây râm bụt. Đến cầu ao, Bác dừng lại, đưa hai tay vỗ “bốp, bốp” gọi đàn cá lên, cho cá ăn.

Ao cá trước nhà sàn của Bác, nguyên là một ao nước đọng nối với hồ Bách Thảo bị lấp từ lâu, có cống thông với hệ thống thoát nước luôn qua đường Ngọc Hà. Dưới thời Pháp đô hộ nước ta, viên Toàn quyền Đông Dương nuôi đàn hươu trong khuôn viên này vừa làm cảnh vừa lấy thịt ăn, xương thì nấu cao. Ao nước là chỗ hươu uống và tắm. Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, kết thúc cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp xâm lược,

miền Bắc được giải phóng, Bác và các đồng chí giúp việc của Bác về Hà Nội, ở khu nhà "54". Thấy ao nước đọng này, Bác nói:

- Mặt nước rộng, để vậy lãng phí, nên nuôi cá mà dùng.

Thế là từ đó, tranh thủ những ngày chủ nhật, cơ quan nhờ một số chiến sĩ công an đóng quân gần đó đến hót rác, nạo bùn, đào đất đắp bờ, trồng cây chung quanh, tạo thành ao sạch thả cá. Lúa cá Bác thả xuống nhiều là khoảng vài trăm con cá rôphi mua của Hợp tác xã Yên Duyên, huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội. Một số cá của các cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc theo Hiệp định Giơnevơ năm 1954 nuôi được gửi tặng Bác cũng được Bác thả xuống đây. Cá càng ngày càng lớn nhanh, mật độ nuôi vừa phải. Loại thì ăn nổi, loại thì ăn chìm, loại thì lảng lảng ở khoảng giữa, hình thành rõ dần những tầng cá sống trong ao này rộng hơn 3.000 m².

Mỗi lần đứng trên cầu ao, trước khi cho cá ăn, Bác đưa đôi mắt sáng nhìn bao quát một lượt khắp mặt ao đang lăn tăn gợn sóng bởi những con cá lượn lờ đuổi nhau tìm mồi. Thời kỳ đầu, Bác cho cá ăn bằng cách cứ lạng lẽ vãi xuống nước một nhúm

thức ăn là vụn bánh mỳ hay ít com nguội mà Bác ăn sáng, ăn trưa dành dùm lại. Về sau, thức ăn cho cá được đồng chí giúp việc chuẩn bị trước, để sẵn bên cầu ao. Cứ mỗi lần cho cá ăn, Bác thử vỗ tay “bốp, bốp” mấy cái. Ngày sau vỗ nhiều, tiếng kêu to hơn ngày trước. Đàn cá nghe quen dần thành phản xạ có điều kiện. Thế là từ đó thành nếp. Hễ mỗi lần cho cá ăn, Bác dùng tay vỗ “gọi” chúng đến. Nhìn những đàn cá lớn nhỏ đủ loại chen chúc nhau ngoi đầu lên há miệng “chóp, chóp” đón thức ăn làm mặt nước gợn sóng xao động một vùng, Bác lim dim đôi mắt cười thoải mái. Khi cá ăn hơi vãn, Bác lại ném tiếp thức ăn từ ngoài xa vào gần cho cá. Vỗ nhịp tay xong, ném một nhúm thức ăn, Bác lại vỗ nhịp tay tiếp. Cứ thế, từng đàn cá rẽ nước đuổi xa, đuổi gần đón đón thức ăn theo nhịp tay Bác “bốp! bốp!”. Độ mười ngày, nửa tháng, Bác bảo vài ba đồng chí giúp việc hay mấy đồng chí cảnh vệ, sau giờ làm việc chiều, thả vó xuống ao vây bắt những con cá to đưa cho nhà bếp làm thêm thức ăn cải thiện. Nhất là vào những dịp Tết Nguyên đán, Tết Độc lập ngày 2-9, hay sơ kết đợt thi đua nào đó. Những con cá béo tròn nuôi từ “ao cá Bác Hồ” được góp vào trong những bữa ăn liên hoan càng thêm đậm đà ý nghĩa.

Cũng có lần Bác cho mỗi đồng chí giúp việc vài con cá đem về cùng gia đình cải thiện bữa ăn. Hơn thế nữa, sắp đến mùa vụ nuôi thả cá, Bác thường nhắc nhở người giúp việc lấy một số cá giống từ ao cá của Bác tặng cho những hợp tác xã có điều kiện nuôi cá ao, cá đồng, mở rộng phong trào “vườn cây, ao cá” ra nhiều vùng ở miền Bắc. Huyện Thanh Trì, Hà Nội có nhiều ao, ruộng trũng. Sau khi được Bác Hồ tặng một số cá làm giống đem về nuôi, đã nhân rộng ra, dần dần phát triển thành “vùng cá nuôi” nổi tiếng của Hà Nội.

Một lần, theo lệnh Bác, vài đồng chí bảo vệ bủa lưới xuống ao, vây bắt được con cá trắm to, dài, mình đen lóng. Đặt lên bàn cân nó cứ vùng vẫy, giãy giụa, không tài nào nằm yên để cân. Vừa lúc hết giờ làm việc chiều, bước xuống cầu thang, đi ra, thấy vậy, Bác bảo cho cách cân, rất đơn giản và chóng vánh:

- Một chú ôm chặt lấy cá rồi đứng cả người lên cân. Xong, bỏ cá xuống, cân riêng người của chú đó. Lấy kết quả hai lượt cân ấy đối chiếu nhau, số chênh lệch là trọng lượng của con cá.

Quả vậy, làm theo lời Bác bảo, cân ngay được con cá trắm đó nặng 24 kg. Một đồng chí cảnh vệ thích quá, nói:

- Bác không vẽ cho, bọn mình chắc còn loay hoay mãi với việc cân cá.

*

* *

Việc chăm sóc vườn hoa, cây cảnh Bác cũng thường làm vào sau giờ làm việc buổi chiều bằng cách gợi ý, góp sức một cách tỉ mỉ, cụ thể, giúp các đồng chí có trách nhiệm vừa vận dụng được kinh nghiệm truyền thống của bà con nông dân, vừa cố gắng áp dụng những tiến bộ của khoa học kỹ thuật. Điển hình là Bác chăm sóc cây vú sữa do Đoàn cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc theo Hiệp định Giơnevơ năm 1954, trong đó có các đồng chí Lê Đức Thọ, Nguyễn Văn Kinh đưa đến tặng Bác năm 1955. Loại cây vú sữa này có thể không thích hợp với khí hậu miền Bắc rét nhiều. Cho nên cứ mỗi lần nghe Đài Tiếng nói Việt Nam thông báo sắp có gió mùa đông bắc tràn xuống, dù bận việc gì Bác cũng bảo đồng chí giúp việc lấy rom quấn quanh gốc và thân cây vú sữa. Có hôm Bác xuống xắn tay áo lên quấn rom cùng anh em. Đồng thời Bác không quên chỉ thị cơ quan nhắc đồng chí Chủ tịch Ủy ban hành chính Thành phố Hà Nội chú ý cho các cháu học sinh mẫu giáo, lớp 1 nghỉ học, nếu rét đến

mười độ. Khi đợt rét qua rồi, dỡ bỏ rơm quanh gốc. Cứ thế hết mùa đông này đến mùa đông khác, cây vú sữa vẫn sống khỏe, chóng lớn, lá xanh, mầm nhú bụ bẫm. Đến nay, cây vú sữa này đã thích nghi với khí hậu miền Bắc, cao to, xum xuê cành lá, nghiêng nghiêng bóng che mát một đầu nhà sàn Bác ở.

Đồng chí Ngô Văn Các, là người đã có vinh dự mười năm, sau khi đồng chí Ngô Văn Hay và đồng chí Nguyễn Văn Hạng giao lại nhiệm vụ giúp Bác Hồ lo việc chăm sóc vườn hoa, cây cảnh quanh nhà sàn Bác ở và quanh nơi ở của Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong khuôn viên Phủ Chủ tịch. Đồng chí Ngô Văn Các kể lại, cứ mỗi chiều, sau giờ làm việc, được Bác xuống góp phần chăm cây cảnh và gợi ý, Ngô Văn Các và số anh em giúp việc càng hiểu thêm sự kỳ công về “mười năm trồng cây, trăm năm trồng người” mà Bác thường nói với cán bộ, đồng bào. Bác nhắc nhở trồng người đã khó, trồng cây cũng không phải dễ. Đã là trồng cây trong vườn thì cố gắng trồng loại cây có quả vừa được lợi cả hai: thân, cành thì lấy gỗ làm nhà, làm củi; quả thì cải thiện đời sống.

Bác đi thăm tỉnh Phú Thọ. Hợp tác xã Nam Tiến biểu Bác cây dứa đôi, nghĩa là một quả dứa có hai mầm mọc nhú lên. Dem về, anh em giúp việc cứ loay

hoay chọn chỗ đất phía sau nhà sàn để trồng cây dứa đôi đó. Thấy vậy, Bác bảo:

- Các chú không nên trồng phía sau vườn, mà trồng ra chỗ quang đãng phía trước, gần đường để ai đi qua cũng thấy được mà rút kinh nghiệm làm sao có được nhiều cây dứa đôi như vậy.

Hôm nhận được ba cây dứa cọ lấy giống từ Hải Nam, Trung Quốc, Bác cũng bảo anh em giúp việc đem ba cây dứa cọ đó trồng ở phía cổng “đỏ” gần nhà Phủ Chủ tịch để nhiều người thấy. Vì quả cây cọ có thể ăn thay lương thực; nếu chế biến thành dầu thì sản phẩm nó như bơ. Bây giờ, ba cây dứa cọ đó, đến mùa có quả, quả nào cũng tròn căng hình quả cau; bóc ra hạt to hơn hạt dẻ, màu trắng tinh.

Còn hôm trồng cam thì Bác bảo cam là loại cây có quả sai, nhưng khó tính, đòi hỏi nhiều sự chăm sóc tỉ mỉ hằng ngày; nào là bắt sâu đục thân, làm sạch cỏ dưới tán lá và quanh gốc. Như để thí nghiệm đất và giống, Bác cho trồng trong vườn phía sau nhà sàn một số cây cam Bồ Hạ, cam Xã Đoài, cam Hải Dương... Và chiều nào có chút thì giờ rảnh rỗi là Bác không quên ra ngắm nghía những mầm lá cam đang nhú và tìm bắt sâu cho cam. Hôm đoàn khách Liên Xô có anh hùng phi công vũ trụ Titốp sang Việt Nam

vào thăm Bác. Trong không khí thắm tình hữu nghị Việt - Xô, lại vào lúc cam trong vườn ương ương quả chín mùa đầu, Bác Hồ tự tay hái cam và tặng khách. Vừa trao tặng, Bác vừa nói vui vui, thoải mái:

- Của ít lòng nhiều, xin quý khách nhận cho.

Đến mùa cam sau sai quả hơn. Nhân cuộc họp phiên cuối năm của Hội đồng Chính phủ, Bác bảo đồng chí giúp việc ra vườn cam hái tặng mỗi vị một quả “cây nhà lá vườn”. Khi người giúp việc bê rổ cam ra, quả nào cũng chín vàng, tròn lẳn, Bác tự tay lấy tặng mỗi vị một quả và nói rất chân tình:

- Cam của vườn Bác chắc không ngon ngọt bằng cam của bà con nông dân ta trồng, chú nào cần ăn thêm đường thì lấy...

Riêng có một cây đa trong vườn, khi đến tuổi mọc rễ, từ cành to nó mọc thông xuống lơ lửng giữa không gian một dây rễ non tơ cách mặt đất gần hai mét. Để cho rễ non đó cắm nhanh xuống đất, anh em văn phòng chưa biết tính sao. Chờ nó mỗi ngày thông xuống được vài phân thì lâu lắm! Thời tiết lại nắng gió thất thường. Sợ nhất là nắng nóng dài ngày hay vào mùa gió hanh khô làm đầu rễ non tơ mọng nước đó héo teo mất. Anh em cơ quan tìm cách “giữ” nó bằng việc dùng một ống bơ, trong đựng ít nước, cho đầu rễ non nhúng vào

nước, vừa bảo vệ nó, vừa giúp rễ mọc nhanh hơn. Thấy vậy, Bác gợi ý cho số anh em giúp việc:

- Các chú thử làm thế này được không: Lấy một đoạn tre chẻ đôi ra, chọc thủng hết mắt tre, bỏ đầy bùn đất vào hai nửa đoạn tre, cho rễ cây đa nằm dọc giữa, rồi ép hai nửa đoạn tre đầy bùn đất đó vào nhau, ôm lấy rễ; lấy dây buộc ngoài cho chắc. Rễ cây đa đó sẽ lần theo bùn đất trong ống tre mà cắm thẳng xuống mặt đất. Như vậy vừa bảo đảm được độ ẩm của đất cho rễ “ăn” xuống nhanh, vừa ngăn ngừa được nắng gió tấp vào, và đề phòng nếu có ai đó thiếu ý thức đi ngang “ngứa tay” vặt mất ngọn rễ.

Quả nhiên làm theo gợi ý của Bác, chẳng bao lâu rễ cây đa mỏng manh ấy cắm chặt xuống lòng đất. Đến nay rễ cây đa “con” đó đã lớn như một cây “mẹ”, tạo thêm thế đứng vững chãi cho cây đa ngày càng xum xuê lá, che bóng mát mùa hè cho khách thăm nhà Bác.

Còn chuyện trồng hoa, Bác thường dặn người giúp việc phải chú ý khi đã có ý định trồng hoa trong vườn thì không chỉ chọn cây có hoa đẹp mà hoa phải tỏa được hương thơm. Một loại hoa không thể tỏa hương thơm suốt ngày. Nhưng đã là vườn hoa quanh nhà thì ít nhiều phải tỏa ra được hương vị

giúp con người thư giãn, sáng khoái, giảm bớt mệt nhọc trong khi làm việc. Theo gợi ý đó, vườn hoa trong khuôn viên nhà Bác và Phủ Chủ tịch đã trồng nhiều loại. Hoa mộc, hoa sói, hoa nhài... thường tỏa hương thơm vào buổi chiều tối, giúp cho Bác thư giãn nhẹ nhàng sau mỗi ngày làm việc vất vả vì dân, vì nước. Sáng dậy, bước ra khỏi nhà sàn lại được thưởng thức mùi hoa lan, hoa huệ... Con người và thiên nhiên ở đây đã tạo nên sự hoàn chỉnh, bổ sung, dung hòa trong sự sinh tồn tự nhiên. Hằng ngày, Bác bận nhiều việc dân, việc nước, nhưng khi ngẩng nhìn cảnh vật thiên nhiên bao quanh là những giây phút thư giãn cho Bác thêm nguồn sinh lực mới luôn sáng tạo và minh mẫn.

Cho đến nay đã ở tuổi 78, về hưu đã hơn chục năm, đồng chí Ngô Văn Các vẫn còn nhớ rõ và đã kể lại kỷ niệm đầu tiên từ một công nhân nông trường cam Bố Hạ được điều động về cơ quan của Bác Hồ chuyên lo việc trồng và chăm sóc cây cảnh trong vườn Bác. Đó là khi đồng chí Ngô Văn Các sắp bước ra khỏi cơ quan để đi đến vườn ươm cây giống ở Thụy Khuê bên Hồ Tây, mua cây về trồng, thì nghe tiếng Bác gọi phía sau:

- Chú Các, đứng lại đã!

Nghe vậy, Ngô Văn Các hồi hộp đoán già đoán non, không biết có chuyện gì trục trặc đây? Nào ngờ khi hai Bác cháu đi đến với nhau thì bỗng nghe Bác ân cần dặn dò:

- Chú đến mua cây giống, nhớ không được nói là để về trồng trong vườn Bác. Nghe vậy thì thế nào họ cũng bán rẻ cho chú, gây thiệt cho họ. Chú nhớ nhé!

*

* *

Sau năm 1954, cũng có chiều, sau giờ làm việc, Văn phòng Trung ương Đảng cử đồng chí Nguyễn Văn Mảng - cán bộ miền Nam tập kết, đến cắt tóc cho Bác. Như đã thành nếp, cứ khoảng một tháng, Bác cắt tóc một lần. Bác thường không quên hỏi người giúp việc là tóc Bác đã cắt được chưa. Bác thường nói với anh em trong văn phòng, dân ta còn nghèo, việc ăn mặc, sắm sửa còn phải tiết kiệm, giản dị. Nhưng không vì thế mà luộm thuộm, thiếu vệ sinh, lịch sự. Bác dù rất bận, nhưng những công việc cần thiết cho cuộc sống hằng ngày, Bác vẫn sắp xếp thời gian để tiến hành đâu vào đấy, rất khoa học, hợp lý, có hiệu quả. Riêng việc cắt tóc, chỉ có một lần

Bác phải tranh thủ trong giờ giải lao của một cuộc họp. Đó là dạo ở chiến khu Việt Bắc, khoảng giữa mùa hè năm 1952. Trời nóng oi bức. Tóc Bác thì đã tốt. Người chuyên lo việc cắt tóc cho Bác là đồng chí Hoàng Hữu Kháng, lúc này là Trưởng Ban tiếp tế An toàn khu Trung ương vì công tác không đến được đúng hẹn. Đồng chí Hoàng Tùng, lúc đó là Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, cử đồng chí Hoàng Phát Hiền đã từng cắt tóc cho các đồng chí Trường Chinh, Lê Duẩn, Lê Văn Lương, Nguyễn Khang, đến phục vụ Bác. Lúc ấy mới nửa chiều, đồng chí Hoàng Phát Hiền đang ngồi làm việc thì có chuông điện thoại reo. Cầm máy lên, đồng chí Hoàng Phát Hiền áp vào tai, bỗng nghe tiếng nói quen thuộc của đồng chí Hoàng Tùng ở đầu dây bên kia:

- Hiền đây à, mang ngay tráp¹ sang nhà 41 nhé!

Đồng chí Hoàng Phát Hiền giật mình, vừa bị bất ngờ vừa hồi hộp quá do hiểu được ý đồng chí Hoàng Tùng gọi sang cắt tóc cho Bác. Mặc dầu đồng chí Hoàng Phát Hiền đã được một lần trực tiếp gặp Bác và vinh dự được Bác cho uống sữa. Đó là vào lúc

1. Tráp là hộp đựng dụng cụ cắt tóc. 41 là bí danh nơi Bác Hồ ở.

chiều tối, cách đây đã gần nửa năm, ở một địa điểm sơ tán khác. Là một người vừa làm nhiệm vụ giao thông, vừa quản lý tài liệu và phụ trách công tác bảo vệ của Văn phòng Trung ương Đảng, đồng chí Hoàng Phát Hiền tuy tâm thước vừa phải, nhưng nhanh nhẹn, khéo tay, tháo vát, công việc nào làm cũng đến nơi đến chốn. Đồng chí Hoàng Phát Hiền được lệnh của đồng chí Trường Chinh đưa tài liệu khẩn sang cho Bác Hồ kịp nghiên cứu tối hôm đó để Bác chuẩn bị cho cuộc họp sáng mai. Đi đến nơi Bác ở phải qua một con suối nhỏ, cạn, lội nước chỉ quá mắt cá chân. Nhưng lúc đồng chí Hoàng Phát Hiền sắp đi, trời bỗng đổ mưa như trút. Nước trên các sườn đồi đổ xuống. Chẳng mấy chốc con suối cạn, nhỏ đó nước dềnh lên đầy ắp, chảy xiết. Trời càng tối sẫm. Hoàng Phát Hiền quyết định buộc tài liệu đã bọc kín nilông vào người, rồi nhờ một người bạn cầm đèn bão bơi qua suối, sang trước đứng lên bờ làm “mục tiêu”. Theo ánh đèn “mục tiêu” đó, Hoàng Phát Hiền bơi sang theo. Hai người đến chỗ làm việc của Bác thì đã mười giờ đêm. Đồng chí Hoàng Phát Hiền rất lo, thế nào cũng bị Bác phê bình là đưa tài liệu đến chậm, không đúng hẹn. Nhưng khi gặp Bác và trình Bác tài liệu thì thấy Bác vui vẻ bảo người giúp việc pha hai

cốc sữa, một cho Hoàng Phát Hiền, một cho người dẫn đường. Bác nói không hề có ý trách móc:

- Hai chú uống sữa đi, đỡ mệt. Vượt được mưa lũ thế là tốt.

Giờ đây Hoàng Phát Hiền được lệnh sang cắt tóc cho Bác, càng không nén được hồi hộp, vinh dự, cảm động. Hoàng Phát Hiền tay xách tráp, chân bước như chạy, luôn giữa rừng cây. Đường từ Văn phòng Trung ương đến nhà Bác ở lúc đó tại Kim Quan Thượng, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, xa chừng hai cây số. Đến trước cửa nhà Bác, Hoàng Phát Hiền thấy các đồng chí trong Bộ Chính trị đang làm việc, đồng chí Hoàng Tùng làm thư ký. Và khi thấy Hoàng Phát Hiền đến đứng thập thò trước cửa, chưa dám bước vào, đồng chí Hoàng Tùng liền đi ra bảo:

- Tóc Bác dài quá, trời lại nóng bức, Hiền vào hót đi cho Bác đỡ nóng.

Hoàng Phát Hiền vẫn còn chần chừ vì thấy Bác và một số đồng chí khác đang ngồi làm việc nên chưa dám vào. Đồng chí Hoàng Tùng nói tiếp:

- Bác bảo, cứ vào làm cho Bác.

Thấy Hoàng Phát Hiền vào, Bác đứng dậy kéo chiếc ghế ra cách bàn họp chừng hai mét, rồi ngồi xuống ghế, Bác nói rất tự nhiên:

- Chú cứ bắt đầu đi, ai làm việc này.

Hoàng Phát Hiền để bộ đồ cắt tóc lên chiếc bàn nhỏ gần đó, lấy chiếc khăn trắng quàng lên vai Bác, bần khoăn chưa biết cắt theo kiểu nào, nhưng không dám hỏi. Nếu như đối với các đồng chí khác thì Hoàng Phát Hiền thường hỏi “cắt cao hay cắt thấp”. Thấy bộ tóc của Bác bên dày bên mỏng, anh cứ liều cầm kéo tỉa hai bên cho đều. Tia phía sau thấy tạm được, Hoàng Phát Hiền mừng thầm, rồi dùng tông đơ sửa lại cho đều đặn, gọn gàng. Nhưng muốn ngắm lại xem được hẳn chưa thì anh lại sợ. Bí quá, Hoàng Phát Hiền đành nhìn sang đồng chí Hoàng Tùng “cầu cứu” với ý nhờ xem đã được chưa. Hiểu ý, đồng chí Hoàng Tùng nói luôn:

- Thưa Bác! Trông Bác trẻ hẳn ra đấy ạ!

Đồng chí Trường Chinh cũng nói vui thêm:

- Tôi đã kiểm tra tay nghề thợ Hiền này rồi!

Bác nói ngay:

- Bác chỉ cần cắt ngắn đi cho mát thôi.

Qua những phút đầu hồi hộp, đồng chí Hoàng Phát Hiền đã bình tĩnh trở lại. Sang việc thứ hai là sửa bộ ria của Bác mới gay go. Từ khi biết cắt tóc, anh chưa được sửa ria mép cho ai. Sợ để kéo xước vào môi Bác, Hoàng Phát Hiền không kìm nổi hồi

hộp, mồ hôi trán vã ra. Đoán biết người thợ đang lo, Bác đưa tay lên vuốt ria mép và khôì hài nói:

- Chú cắt ngắn đi chút nữa kẻo Bác ăn mắmm nó dính vào ria Bác đấy!

Hoàng Phát Hiền sửa xong bộ ria, bỗng nghe Bác bảo:

- Chú nghỉ uống nước đi rồi làm tiếp.

Phần còn lại là cạo mặt. Hồi này Bác gây nên gò má, gáy của Bác nhiều chỗ lõm khó cạo, phải thật nhẹ tay để khỏi đứt da. Nghĩ vậy, Hoàng Phát Hiền càng làm hết sức cẩn thận. Xong, anh cầm bàn chải, chải sạch tóc và lễ phép thưa với Bác:

- Thưa Bác! Cháu cắt xong rồi ạ!

Bác cười đôn hậu và nói:

- Bác cảm ơn chú. Chú làm tốt đấy!

Rồi Bác thư thả đứng dậy đưa hai tay vuốt lên mái tóc hoa râm, nhẹ nhàng quay sang bàn hộp lấy một quả cam và một điều thuốc lá đưa cho Hoàng Phát Hiền và nói:

- Công của chú đấy!

Từ ngày ấy, thỉnh thoảng Hoàng Phát Hiền lại được đến cắt tóc cho Bác Hồ. Trong những lần cắt tóc cho Bác, cũng như các đồng chí phục vụ khác, Bác thường bảo: “Chú có chuyện gì kể cho Bác nghe

kẻ Bác ngủ gật đây”. Vốn sẵn có tình đồng chí, tình đồng đội cùng cơ quan Văn phòng Trung ương, tình Bác cháu, nay lại thêm tình cảm giữa “khách” và “thợ”. Khách cắt tóc là Bác Hồ. Thợ cắt tóc là vài đồng chí như Hoàng Hữu Kháng, Hoàng Phát Hiền... Cho nên trong những dịp cắt tóc đó, thỉnh thoảng khi thì “khách” hỏi chuyện “thợ”; khi thì “thợ” được “khách” gọi chuyện. Đã có lần Bác kể là khi còn đi học ở Trường Quốc học Huế, khoảng năm 1908, Bác cũng tham gia phong trào cắt tóc ngắn. Thuở đó, dưới chế độ phong kiến, đế quốc, không chỉ có nữ để tóc dài, mà nam cũng để tóc dài rồi búi lên một cục tròn sau gáy. Muốn phá bỏ tập tục đó và để biểu thị sự phản đối chế độ phong kiến - đế quốc, ông Nguyễn Quyền - một sĩ phu của Trường Đông Kinh nghĩa thực khởi xướng lên trong học sinh, thanh niên phong trào cắt tóc ngắn. Ông Nguyễn Quyền còn viết một bài thơ ngắn để kêu gọi mọi người hưởng ứng. Bác còn nhớ bài thơ đó. Bác đọc:

*Lược bên tay trái
Kéo bên tay phải
Cắt! Cắt! Cắt!
Cắt bỏ sự ngu dốt
Bỏ đi sự dân độn
Cắt! Cắt! Cắt!*

Thuở đi học ấy, Bác tên là Nguyễn Tất Thành. Từ chỗ hưởng ứng phong trào cắt tóc ngắn, bà con nông dân ở Công Lương tiến lên huy động biểu tình đòi giảm thuế. Nguyễn Tất Thành có biết ít nhiều tiếng Pháp nên được bà con nông dân giao làm phiên dịch cho đoàn biểu tình để đòi tên Toàn quyền Lovéché giảm thuế và bỏ lao dịch. Là phiên dịch, Nguyễn Tất Thành phải đi hàng đầu, cho nên thường bị bọn cảnh sát quát cho roi mây vào lưng đau quặn người. Nhưng Nguyễn Tất Thành và đoàn người biểu tình vẫn không chùn bước, tiếp tục tràn lên, giơ cao khẩu hiệu. Thấy tình hình đó, tên Toàn quyền Lovéché phải nhún, chuyển sang thủ đoạn giả vờ đồng ý cho đoàn biểu tình cử người đại diện vào phòng làm việc của nó để “thương thuyết” nhằm giải tán đám đông. Nguyễn Tất Thành được bà con cử tiếp làm phiên dịch đi theo số người đại diện. Đúng như dự đoán, âm mưu thủ đoạn của chúng dùng kế “hoãn binh” đó là để chúng có thời gian điều quân Pháp tới dùng súng bắn vào những người biểu tình đang dừng lại trên chiếc cầu mới bắc qua sông Hương một cách tàn bạo. Nguyễn Tất Thành thoát được đạn chúng,

về tạm lánh trong đêm ở nhà một người bạn của đội quân đi cắt tóc ngắn.

*

* *

Cũng như các đồng chí khác từng có nhiều năm giúp việc cho Bác kể lại, mỗi lần có dịp Bác cháu ngồi với nhau trong giờ giải lao, sau bữa ăn, hay ra vườn cùng chăm bón cây, hoa..., Bác thường hỏi chuyện người giúp việc về bố mẹ, vợ con, gia đình, cuộc sống quê hương, đường phố... trong những giây phút chân tình đó, Bác thường chủ động tạo ra không khí tự nhiên, thoải mái, bình đẳng, vui vẻ để cho anh em khỏi phải e dè, mặc cảm là những người giúp việc. Nhiều anh em còn nhớ đã có lần Bác thổ lộ một cách nhẹ nhàng, thanh thản về điều mà ai cũng mong muốn là mong Bác có vợ. Bác nói rằng những năm hoạt động ở nước ngoài, kể cả thời trai trẻ, Bác cũng không đến nỗi xấu trai; đi đâu, đến đâu cũng có đôi ba bạn gái để mắt tới, và cũng có người muốn kết bạn đời với Bác. Bác cũng là một con người như bao con người bình thường khác chưa có vợ thì được quyền lấy vợ là chuyện thường tình không ai cấm.

Nhưng sở dĩ Bác chưa lấy vợ là thời ấy Bác xa nhà, xa quê hương, đất nước; ra đi là để rồi có dịp trở về nước cùng đồng bào làm cách mạng giải phóng Tổ quốc khỏi ách phong kiến, đế quốc. Muốn vậy thì Bác phải hết sức bí mật, cơ động nay đây mai đó, giữ kín mình để che mắt địch thì mới hoạt động cách mạng được. Mà đã lấy vợ, thì thông thường vợ phải đi theo chồng. Vợ con đã đi theo thì khó mà giữ kín được. Đạo ở Pháp, nhiều đồng chí Đảng Cộng sản Pháp cũng khuyên Bác nên lấy vợ. Khi về hoạt động ở Trung Quốc, đồng chí Chu Ân Lai, đồng chí Chu Đức và vài đồng chí khác cũng bảo Bác lấy vợ. Bác đã nói rõ lý do trên, các đồng chí ấy đều thông cảm. Lúc về nước, cùng toàn dân làm Cách mạng Tháng Tám thành công, giành được chính quyền rồi, chưa kịp nghỉ ngơi, lại phải cùng cả nước dồn sức vào cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp xâm lược. Những năm tháng ấy, cũng có đồng chí trong Trung ương, trong Mặt trận, trong Hội Phụ nữ... gợi ý Bác và giới thiệu người để Bác hỏi làm vợ. Nhưng Bác nghĩ cả nước ai ai cũng đang hướng về Trung ương Đảng, Chính phủ ở chiến khu Việt Bắc với quyết tâm lãnh đạo nhân dân cả nước kiên quyết kháng chiến đến thắng lợi. Trong lúc nóng bỏng như

vậy, các chú thử nghĩ xem, nếu người dân nghe tin ở Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh lấy vợ thì người ta không khỏi suy nghĩ, bàn tán, ảnh hưởng đến quyết tâm kháng chiến thắng lợi. Hòa bình lập lại trên miền Bắc năm 1954, mới bắt tay khôi phục và phát triển kinh tế chưa được bao lâu thì lại phải cùng miền Nam đứng lên đánh đuổi đế quốc Mỹ xâm lược. Hơn nữa lúc đó tuổi của Bác cũng đã cao, còn chút trí tuệ, sức lực nào là tập trung cho cách mạng, cho kháng chiến thành công...

Nghe những lời thổ lộ chân tình trên của Bác, nhiều anh em giúp việc không nén nổi xúc động, rơm rớm nước mắt.

Bác lại căn dặn:

- Các chú biết rồi, nếu ai đó có thắc mắc, băn khoăn về chuyện tại sao Bác không lấy vợ, các chú nói hộ nhé.

ĐẾN VỚI DÂN

Bác Hồ thường nói đã là cán bộ cách mạng thì phải đến với dân, gần dân, hiểu dân. Cho nên, theo lệnh Bác, hàng tháng cơ quan giúp việc phải bố trí, sắp xếp lịch để Bác đi cơ sở một vài lần. Tết Nguyên đán Đinh Hợi trùng vào ngày 21-1-1947. Đây là Tết đầu tiên sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, ngày 19-12-1946: “*Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ*”¹.

Lúc đó, ở Nam Bộ, nhân dân ta đã đứng lên kháng chiến được hơn một năm. Ở Bắc Bộ, giặc Pháp bất chấp các hiệp ước đã ký với ta, hùng hổ đưa quân lần lượt đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, Hà Nội và đang tìm cách mở rộng chiến sự ra nhiều tỉnh. Chúng còn móc nối với những phần tử phản động, mua chuộc, lôi kéo một số đồng bào Công giáo,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.534.

nhất là ở vùng giáp ranh giữa hậu phương của ta với những nơi chúng mới chiếm được gây nên các điểm “nóng”.

Trước tình hình nước sôi lửa bỏng đó, sau Tết Nguyên đán Đinh Hợi (9-2-1947) được ít ngày, tại nơi tạm sơ tán ở chùa Một Mái, xã Sài Sơn, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây (cũ), Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định đi công tác vào Ninh Bình và Thanh Hóa, tạo ra mặt trận mới, sẵn sàng đương đầu với giặc Pháp xâm lấn tới. Hai đồng chí Hoàng Hữu Kháng và Tạ Quang Chiến được lệnh đi theo làm nhiệm vụ tháp tùng, bảo vệ Bác.

Ngày 19-2-1947, trời đầy mây, se se lạnh, không một tia nắng, chuyển đi “tạo mặt trận” bắt đầu. Đồng chí Hoàng Hữu Kháng đi trước đưa đường, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi giữa, đội chiếc mũ cát, khăn vòng quanh cổ che kín bộ râu điểm bạc. Đồng chí Tạ Quang Chiến đi sau cảnh giới. Cả ba thầy trò ra khỏi núi Thầy, đi bộ qua con đường xóm dài hơn một trăm mét, đến nơi có chiếc xe Jeep cũ màu đen do đồng chí Phạm Văn Nền lái đang chờ sẵn. Khi xuất hành, xe đi theo đường liên tỉnh, vòng ra đường số 6, qua vùng núi nhấp nhô Xuân Mai, rẽ vào đường 21. Đến đồn điền Chi Nê, gà đã gáy canh ba,

Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định dừng chân và nghỉ lại đây. Sáng hôm sau, ngày 20-2, vào lúc 8 giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm nơi sơ tán của Bộ Canh nông, sau đó, Người đến thăm Nhà máy in tiền thuộc Bộ Tài chính và thăm gia đình ông Đỗ Đình Thiện - một thành viên trong Đoàn Việt Nam đàm phán với Pháp năm 1946 ở Phôngtenoblô, đảng viên Đảng Cộng sản Pháp.

Đúng 10 giờ sáng ngày 20-2-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có mặt tại rừng thông, cách thị xã Thanh Hóa chừng 3km về phía tây¹. Tại đây, đứng dưới những cây thông xanh đậm lá, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói chuyện với hàng trăm cán bộ, nhân dân, đại biểu thân hào, trí thức của địa phương. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói:

- Cán bộ là cái dây chuyền của bộ máy. Nếu dây chuyền không tốt, không chạy thì động cơ dù tốt, dù chạy, toàn bộ máy cũng tê liệt. Cán bộ là những người đem chính sách của Chính phủ, của Đoàn thể thi hành trong nhân dân, nếu cán bộ dở thì chính sách hay cũng không thể thực hiện được.

1. Xem Hồ Chí Minh : *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.68-70.

Nói về ý nghĩa cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược đang ngày càng lan rộng ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh dùng hình ảnh so sánh, dễ hiểu, thuyết phục. Người nói:

- Hai hòn đá cùng chọi nhau thì hai hòn cùng vỡ, hai cái trứng cùng chọi nhau thì hai cái cùng vỡ. Phải một cái cứng, một cái mềm thì khi chọi nhau một cái mới còn. Nên hai bên cùng dùng mưu trí.

Hàng trăm người đứng nghe vỗ tay ran, đồng tình, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói tiếp:

- Pháp có xe tăng, đại bác, thì ta phá đường. Pháp có máy bay thì ta đào hầm. Pháp muốn đánh chớp nhoáng thì ta kéo dài. Nhất định ta thắng!

Những tiếng vỗ tay lại vang lên lan tỏa khắp khu rừng thông. Mười sáu giờ ba mươi phút chiều hôm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh lên xe rời thị xã Thanh Hóa, về thẳng đồn điền Chi Nê và nghỉ đêm tại đây.

Sáng hôm sau, ngày 21-2-1947, vào lúc 10 giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh dự cuộc họp đã dự kiến trước do ông Vũ Đình Huỳnh ở lại tổ chức. Cuộc họp này gồm nhiều vị chức sắc Thiên chúa giáo thuộc vùng Bùi Chu - Phát Diệm, có cả giám mục Lê Hữu Từ, người đứng đầu giáo hội ở vùng này. Sau mấy lời

thăm hỏi sức khỏe các đại biểu, Chủ tịch Hồ Chí Minh giới thiệu tóm tắt tinh thần nội dung *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* ngày 19-12-1946. Người nhấn mạnh đến chính sách đoàn kết lương giáo, sẵn sàng mở ra mặt trận trên vùng này để tiếp tục kháng chiến đến thành công, thực sự bảo vệ độc lập, thống nhất Tổ quốc.

Nói xong, Chủ tịch Hồ Chí Minh ngồi chăm chú nghe các vị đại biểu nêu ý kiến, chất vấn, thảo luận. Khoảng hơn một giờ sau, Người kết luận cuộc họp. Người khẳng định rõ chính sách tôn giáo, tôn trọng tự do tín ngưỡng của Chính phủ cách mạng, vận động mọi người không nên mắc mưu lừa phỉnh, chia rẽ của thực dân Pháp; phải đề cao lòng yêu nước, kính Chúa trong đồng bào giáo dân.

Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh về lại địa điểm sơ tán ở chùa Một Mái, Sài Sơn thì thực dân Pháp lại dùng máy bay ném bom, bắn phá Chi Nê, Nhà máy in tiền thuộc Bộ Tài chính và nhà ông Đỗ Đình Thiện, làm hư hỏng nhiều tài sản, may mà không ai bị thương nhờ phòng tránh kịp. Chuyển đi bí mật, khẩn trương, đến với dân, với cơ sở một cách bất ngờ đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời chuẩn bị tạo ra

mặt trận mới về phía nam Hà Nội và càng thấy Người luôn nhìn xa trông rộng.

*

* *

Bác Hồ đến với dân khi thì công khai với cương vị Chủ tịch nước để giới thiệu, giải thích chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; khi thì cải trang làm người dân thường trà trộn trong đồng bào để nghe ngóng tình hình, quan sát thực tế cuộc sống. Nhớ lại Tết Bính Tuất - Tết Nguyên đán đầu tiên nước nhà độc lập. Hà Nội lúc đó chưa khắc phục hết tập tục, tàn dư của chế độ cũ. Bọn phản động, kẻ xấu còn lén lút trong các ngõ ngách đường phố. Nhưng tin ở mình, ở uy tín của Đảng và Chính phủ cách mạng, ở sự che chở của nhân dân vừa đứng lên làm Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, giành chính quyền trong tay đế quốc - phong kiến, tối 30 Tết, Bác xuống đường đi bộ cùng đồng bào Hà Nội vui đón xuân. Bác cải trang bằng cách quấn khăn xếp lên đầu, chân đi giày Gia Định, mặc quần áo dài the như một ông thầy nho. Đồng chí Vũ Kỳ đi bên cạnh Bác cũng mặc quần trắng, áo dài đen. Hai thầy trò hòa trong dòng người nam nữ đủ mọi lứa tuổi đi bên

bờ Hồ Gươm, vào đền Ngọc Sơn, rồi vòng lên phố Hàng Đào. Sắp đến phút giao thừa, Bác về đọc thư chúc Tết của Người gửi đồng bào cả nước.

Trước đó, lúc 19 giờ 30 phút, Bác đi xe cùng với hai đồng chí giúp việc đến tìm hiểu Tết và chúc Tết ở bốn gia đình có bốn mức sống trong xã hội: người nghèo nhất không có tiền để mua sắm Tết; người tuy có chút ít nhưng Tết còn nghèo; người lo đủ Tết, tầng lớp trung lưu; người giàu sang, khá giả. Bốn gia đình này ở rải rác trong các phố Lương Sứ C, Lãn Ông, Hàng Lọng (nay là phố Lê Duẩn). Đến gia đình người nghèo nhất, sau khi hỏi thăm sức khỏe, cách làm ăn và thấy trên bàn thờ chưa có gì để bày biện, Bác lấy bánh chưng (người giúp việc mang theo) đặt lên bàn thờ và cho các cháu quà. Thấy vậy, người chủ gia đình là một phụ nữ không nén nổi xúc động, đưa cả hai tay nắm lấy hai tay Bác, nói trong rom róm nước mắt:

- Dạ, thưa Bác! Gia đình cháu không ngờ lại được Bác đến thăm...

Bác cũng xúc động nói:

- Bác không đến thăm những gia đình như cô còn thăm ai! Bác chúc sức khỏe cô và các cháu.

Sau Tết Bính Tuất độc lập đầu tiên đó, ai cũng nghĩ rằng nhân dân Hà Nội từ đây sẽ mãi mãi được

sống cùng Bác Hồ giữa Thủ đô của Tổ quốc để cùng cả nước xây dựng cuộc sống hòa bình, độc lập, tự do, hạnh phúc. Nhưng không ngờ sau đó, ngày 20-11-1946, giặc Pháp bội ước ở Hải Phòng rồi lăm le đánh lên Hà Nội. Trước tình hình như dầu sôi lửa bỏng, ngày 26-11-1946, Bác Hồ chuyển ra ngoại thành ở. Chiếc xe Ford mui vải đưa Bác rời Hà Nội lúc 19 giờ 30 phút. Bác đội khăn xếp, mặc áo the, ngồi trong xe ung dung như một thầy nho. Xe chạy về thị xã Hà Đông rồi rẽ lên làng Vạn Phúc thì dừng lại. Tại đây, ở trong nhà dân, đêm ngày 18-12-1946, Bác Hồ đã viết *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*.

Lời kêu gọi hùng hồn toàn quốc kháng chiến như một mệnh lệnh chiến đấu phát đi khắp cả nước và thế giới ngày 19-12-1946 qua làn sóng điện. Cũng trong ngày lịch sử đó, vào lúc 18 giờ 45 phút, Bác Hồ và số anh em giúp việc rời Vạn Phúc, mang balô, máy chữ và những thứ cần thiết lên Xuyên Dương, Cần Kiệm, Sài Sơn. Rồi từ Sài Sơn đi dần lên chiến khu Việt Bắc. Ngày 3-4-1947, Bác Hồ đặt chân trở lại Tân Trào, Bác đi chuyển nhiều nơi để cùng toàn dân, toàn quân tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ. Trong những năm tháng đầy gian khổ và kiên cường ấy, do phải cơ động địa điểm liên tục vì phải giữ

bí mật, nhưng hễ có dịp, có điều kiện là Bác đi đến với dân, bộ đội, thanh niên xung phong, cơ quan hay trường học... Bác đã quyết là đi, đã đi là đến. Có lần đi bộ mấy ngày mà chưa đến địa điểm, số anh em giúp việc đi theo sốt ruột hỏi đường. Bác nói: “Khắc đi, khắc đến”. Để quên bớt vất vả, mệt nhọc, vừa đi Bác vừa kể chuyện cổ tích, khơi dậy tính tò mò, ham thích trong anh em giúp việc. Thấy Bác đã có tuổi, lại đi bộ nhiều, anh em chuẩn bị ngựa cho Bác đi. Bác từ chối nói:

- Cả đoàn bốn, năm người mà trong đó có một người đi ngựa thì lộ mất, vì chỉ có cán bộ cấp cao mới được đi ngựa.

Thế là đi xa mấy ngày đường Bác cũng chỉ đi bộ. Theo sổ ghi của đồng chí Tạ Quang Chiến, chín năm ở chiến khu Việt Bắc, Bác đã đi (phần lớn là đi bộ, chỉ một số lần đi ngựa hoặc đi xe ô tô vận tải của bộ đội) bình quân mỗi tháng trên 20 km. Tổng cộng chín năm kháng chiến chống Pháp, Bác đi gần 2.000 km, có nghĩa là hơn chiều dài đất nước. Bác đến với dân, thường chỉ có vài ba người cùng đi. Bác cải trang, khi mặc áo quần nâu như người lão nông địa phương; khi mặc bộ áo quần bộ đội đã phai màu như người lính thực sự; khi trùm khăn lên đầu như bà con dân tộc;

khi vắt khăn qua vai quấn một vòng quanh cổ, che cả bộ râu lốm đốm bạc. Để đỡ mệt nhọc, đi đường Bác dùng cái gậy chống, tăng thêm sức dướn của bước chân, vững vàng thêm khi gặp trời mưa, đường trơn hoặc leo dốc, vừa làm vũ khí chống đỡ khi gặp phải thú dữ hoặc rắn rết. Bác thường nói với anh em giúp việc: “Đi bộ là một phương pháp rèn luyện sức khỏe dẻo dai. Con người ta vừa phải có quyết tâm vừa phải có sức lực thì mới có thể làm được việc”. Ngay cả những năm tuổi Bác đã cao, sức khỏe yếu dần, với một nỗi mong canh cánh trong lòng là làm sao vào được miền Nam để thăm đồng bào, đồng chí đang anh dũng chiến đấu kiên cường, bất khuất trước kẻ thù, Bác càng chịu khó rèn luyện đi bộ. Từ sau năm 1965 trở đi, sức khỏe của Bác không được như trước. Để cho đồng bào, đồng chí yên lòng thực hiện nhiệm vụ kiên quyết chi viện miền Nam, bảo vệ miền Bắc, đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ đến ngày thắng lợi, buổi sáng tập thể dực Bác đi bộ trong khuôn viên Phủ Chủ tịch, nhưng đường đi có chệch ra phía sau nhà sàn, luôn trong những hàng cây nhấp nhô. Con đường mới đó, lúc đầu mấp mô, gồ ghề, Bác đi phải chú ý từng bước sợ vấp phải. Thấy vậy, anh em cơ quan lấy xỉ than rải đều lên đường

đôi bằng phẳng để Bác đi cho dễ. Ý của Bác là vẫn kiên trì tập đi bộ, rèn luyện sức khỏe dẻo dai để khi có dịp là Bác theo đường Trường Sơn vào thăm đồng bào, đồng chí miền Nam “đi trước về sau”. Miền Nam - nơi mà sau khi nước nhà giành được độc lập đã hơn một năm, Bác có dịp đến nhưng chưa đặt chân lên đất liền. Đó là ngày 18-10-1946, sau thời gian ở Pháp, Bác về nước trên chiến hạm Duymông Duyécvin đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh tiến vào vịnh Cam Ranh. Tại đây, Đô đốc thủy quân Đácgiăngliơ và tướng Moclie đã long trọng làm lễ nghinh đón Hồ Chủ tịch trên chiến hạm Suffren. Bốn mươi tám giờ sau, ngày 20-10-1946, chiến hạm Duymông Duyécvin lại rời vịnh Cam Ranh đưa Hồ Chủ tịch về cảng Hải Phòng an toàn. Kỷ niệm ngàn ngủi ấy Bác thường nhắc lại với tấm lòng da diết nhớ miền Nam. Cũng như sau lần đầu tiên về thăm quê hương làng Sen, ngày 14-6-1957, Bác đã có kế hoạch vào tận Vĩnh Linh, nơi tuyến đầu của hậu phương lớn miền Bắc tiếp giáp với miền Nam trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Theo kế hoạch, được sự đồng ý của Bộ Chính trị, sau khi thăm làng Sen quê nội, Hoàng Trù quê ngoại và một số nơi khác ở Nghệ An, Bác đi máy bay quân sự từ sân bay Vinh vào sân bay Đồng Hới để thăm nhân dân

Quảng Bình, rồi vào thăm quân và dân Vĩnh Linh. Nhưng khi Bác Hồ đến Đồng Hới thì có điện từ Hà Nội “đánh” vào cho biết bên kia sông Bến Hải có những biểu hiện khác thường. Bộ Chính trị đề nghị Bác ở lại Đồng Hới, không đi vào Vĩnh Linh. Thế là Vĩnh Linh phải cử một số cán bộ, chiến sĩ, một số đại diện cho nhân dân Vĩnh Linh ra cùng nhân dân Quảng Bình đón Bác, chúc sức khỏe Bác và nghe Bác dặn dò nhiệm vụ.

Về lại Hà Nội, nhắc đến chuyến đi trên, Bác nói một câu rất cảm động:

- Bác đã đi đến nơi nhưng về chưa đến chốn.

Hai tiếng “miền Nam”, đối với Bác không ngày nào Bác không nghĩ đến. Đầu năm 1968, trong một cuộc họp có các đồng chí Bộ Chính trị dự, sau khi nghe đồng chí Lê Đức Thọ báo cáo chuyến đi miền Nam, Bác lên tiếng ngay:

- Chú vào trong đó bàn với chú Phạm Hùng bố trí để Bác vào thăm đồng bào miền Nam...

Một câu đề nghị của Bác đầy chân tình, quyết tâm và xúc động làm các đồng chí dự họp rom róm nước mắt, lặng đi trong giây lát. Biết trả lời với Bác sao đây? Một đồng chí phát biểu với ý từ chối khéo:

- Dạ thưa Bác! Bác chỉ có thể đi đường hàng không qua Phnôm Pênh. Nhưng muốn đi vậy phải làm hộ chiếu. Mà có hộ chiếu thì người ta cũng dễ dàng nhận ra Bác vì Bác có râu.

Bác nói ngay:

- Bác sẽ cạo râu!

Cuộc họp hơi lúng túng, chưa biết “chống chế” ra sao. Một đồng chí nói:

- Thưa Bác! Bác cạo râu thì đồng bào miền Nam không còn nhận ra Bác nữa!

Bác ngồi lặng thinh, nét mặt hơi buồn. Nhưng rồi Bác không chịu lùi bước trước ý định và quyết tâm của mình là phải đến với đồng bào, đồng chí miền Nam đang anh dũng chiến đấu kiên cường. Bác tiếp tục đề nghị:

- Hay là cho Bác đi theo đường biển...

Mọi người dự họp càng hết sức ngạc nhiên. Sau lời đề nghị đi đường biển, Bác Hồ trình bày luôn một phương án đã dự kiến “đi” rất tỉ mỉ, chi tiết. Phương án “đi” ấy là Bác dựa vào tàu biển miền Bắc chở vũ khí tiếp tế cho miền Nam dạo đó thường đi ra hải phận quốc tế rồi vòng xuống theo đường vào cảng Xi-han-ú-cvin ở Campuchia. Từ Campuchia, Bác vào miền Nam Việt Nam. Để giữ bí mật, Bác sẽ

cải trang làm một thủy thủ hoặc nằm ẩn nấu dưới hầm tàu.

Việc gì, chứ làm thủy thủ thì Bác đã từng trải. Lúc sắp bước sang tuổi 20, khoảng giữa mùa thu năm 1909, sau khi bị chính quyền thực dân phong kiến đuổi khỏi Trường Quốc học Huế vì “tội” tham gia với nông dân biểu tình đòi giảm thuế, Bác tìm đường vào Nam Bộ. Nhưng đi đến Phan Thiết, Bác dừng lại, vừa để tìm cách nuôi sống mình, vừa để dò la bắt mối liên lạc với các sĩ phu yêu nước. Bác nhận lời dạy học ở Trường Dục Thanh. Trường này do một số sĩ phu yêu nước lập ra từ năm 1907, nằm bên bờ sông Phan Thiết, cách bờ biển khoảng 5 km. Bác ăn ở cùng một số giáo viên tại trường. Dạy học đến năm 1911, Bác Hồ lặng lẽ rời khỏi trường không cho ai biết. Ngày 2-6-1911, Bác xuất hiện ở cảng Sài Gòn với cái tên “Anh Ba” thân thương và tự mình xin vào làm việc cho một tàu biển nước ngoài. Vị thuyền trưởng tàu này tên là Mayxen thấy anh Ba tuy thông minh nhưng vóc người gầy, thanh mảnh, lầy lăm ái ngại. Anh Ba vẫn nài nỉ thuyết phục bằng được là hứa làm được các việc rửa xoong nồi, bát đĩa, lau sàn bếp, xúc than vào lò... Ngày hôm sau 3-6, vị thuyền trưởng chấp nhận anh Ba vào làm. Ngày 5-6 con tàu rời bến rú còi, nhả khói, chào bến cảng Nhà Rồng, từ từ

đi qua vùng đầm lầy sông Sài Gòn hướng ra Biển Đông để lướt tới cập cảng hải quân Anh ở Xingapo. Thuở ấy, dân số Sài Gòn khoảng vài chục vạn người. Từ đó, anh Ba xa quê hương, Tổ quốc đi đến nhiều nước với nhiều nghề: phụ bếp, nấu ăn, thợ ảnh... để kiếm sống và tìm con đường làm cách mạng cứu dân, cứu nước. Tám năm sau, vào tháng 6-1919, cả dân tộc Việt Nam như bừng tỉnh và lấy làm tự hào khi nghe tin chính tại nước Pháp có một người Việt Nam nguyên là thủy thủ tàu biển, tên là “Anh Ba”, đã viết tám yêu sách đòi chính quyền Pháp phải giải quyết cho nhân dân Việt Nam được tự do, dân chủ và bình đẳng. Ký dưới bản yêu sách đó với cái tên đầy lòng yêu nước: Nguyễn Ái Quốc.

Là một thủy thủ tàu biển từng trải, nay lại trước sự quyết tâm và đầy tình thương yêu của Bác đối với đồng bào miền Nam ruột thịt, một lần nữa tại cuộc họp, các đồng chí trong Bộ Chính trị lại phải khéo léo trì hoãn với Bác:

- Thưa Bác! Quân và dân miền Nam đang chiến đấu kiên cường giành được nhiều thắng lợi, nhưng cũng còn không ít khó khăn. Bộ Chính trị sẽ cố gắng thu xếp để đồng bào miền Nam có thể sớm được đón Bác.

Hôm đó cũng là buổi chia tay đồng chí Lê Đức Thọ lên đường vào Nam. Trong không khí tiễn đưa, Bác đã ôm chặt lấy đồng chí Lê Đức Thọ và rom róm nước mắt. Thật cảm động! Cũng như lần tiễn đưa đồng chí Phạm Hùng và Đại tướng Lê Trọng Tấn vào Nam chiến đấu, tới dự có cả Bác Tôn Đức Thắng, Bí thư thứ nhất Lê Duẩn, Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, Bác Hồ không nén được xúc động đã lấy khăn mùi xoa chấm chấm nước mắt. Và cũng như mỗi lần có cán bộ, chiến sĩ từ Thành đồng Tổ quốc ra miền Bắc, đến thăm Bác, kể cho Bác nghe những gương chiến đấu kiên cường anh dũng và lòng quả cảm hy sinh chịu đựng mọi khó khăn, gian khổ, thiếu thốn của đồng bào, đồng chí trong đó là Bác không khỏi rom róm nước mắt. Đúng như Bác Hồ đã từng nói tự đáy lòng mình: “Miền Nam ở trong trái tim tôi”.

*

* *

Mỗi lần Bác đến với dân dù ở nông thôn hay thành thị, đơn vị bộ đội hay cơ quan, trường học, anh em giúp việc cho Bác luôn cố gắng hết sức làm

tốt công tác chuẩn bị về tài liệu, hậu cần, phương tiện đi lại. Bác đi xe ô tô lần đầu tiên với cương vị Chủ tịch Chính phủ Cách mạng của nước Việt Nam là ngày 26-8-1945. Ngày đó, hầu hết các địa phương trong cả nước đã làm xong cuộc Cách mạng Tháng Tám, giành được chính quyền về tay nhân dân. Bác và một số đồng chí Trung ương từ chiến khu Tân Trào về Hà Nội, đến làng Chèm, bên bờ sông Hồng thì trời sấm sấm tối. Vừa lúc đó, đồng chí Trường Chinh đến đón Bác. Chiếc xe ô tô Ford cũ, màu đen đưa Bác chạy từ Chèm, dọc theo đê sông Hồng về đến Yên Phụ thì rẽ vào trung tâm thành phố. Nhưng nước nhà độc lập chưa được bao lâu, kẻ thù lại rắp tâm đánh chiếm nước ta. Bác Hồ và Trung ương Đảng lại phải tạm rời Hà Nội, lên chiến khu Việt Bắc. Thời kỳ đầu gian khổ ở chiến khu, để thỉnh thoảng có xe ô tô chở Bác đi công tác, đồng chí Nguyễn Lương Bằng đã vận động được nhà tư sản yêu nước là chủ hãng thuốc lá ở Hà Nội tặng cách mạng một chiếc ô tô con. Nhưng chiếc xe đó đã cũ, chỉ chạy được một thời gian thì hỏng. Cuối cùng cũng kiếm được một xe khác để phục vụ Bác Hồ đi công tác thời kỳ 1946 và đến ngày kháng chiến toàn quốc 19-12-1946. Năm 1950, ta mở chiến dịch Biên giới

thắng lợi, thu được một số xe quân sự của thực dân Pháp. Nhưng đã là xe quân sự thì phần lớn là xe vận tải, công kênh, nặng nề. Không ngại, khi cần đến với cơ sở, Bác vẫn lên xe tải đi. Một hôm, người lái xe tải chở Bác đi công tác là một chiến sĩ trẻ, thường ngày rất hồn nhiên, cười nói luôn miệng. Nhưng sau khi lái xe đưa Bác đi công tác được nửa đường, xe chết máy, người chiến sĩ lái cứ im thin thít. Hết loay hoay chữa phía đầu xe, người chiến sĩ lại vào buồng lái, mở khóa điện, dậm ga... Chốc chốc người chiến sĩ lại ngược mắt nhìn về phía tây. Mặt trời sắp tụt xuống đỉnh núi, chỉ còn không đầy một gang tay. Trời se lạnh mà trên trán người chiến sĩ lái xe vẫn lấm tấm mồ hôi. Anh lo lắng không biết làm sao đây. Các đồng chí giúp việc cho Bác đã cho anh biết là Bác đi bộ quen rồi. Không có xe Bác vẫn luôn đi đến với cơ sở những lúc cần thiết. Bác đã quyết là làm, đã đi, dù gặp khó khăn, trở ngại cũng tìm cách vượt qua để đi đến nơi về đến chốn. Nhưng người chiến sĩ lái xe trẻ này nghĩ rằng có ô tô đây mà chịu bó tay để Bác đi bộ sao đành. Anh cứ cặm cụi chữa bằng được.

Như hiểu được bản khoăn lo lắng của đồng chí lái xe, Bác đến động viên:

- Chú cứ bình tĩnh chữa. Chiều nay không đến kịp nơi đã hẹn, tối Bác cháu ta sẽ đi tiếp...

Như được tiếp thêm sức mạnh, người chiến sĩ lái xe lấy lại bình tĩnh, sửa chữa tiếp. Chỗ hỏng của máy được phát hiện. Chữa xong, người chiến sĩ lái xe lau qua dầu mỡ dính đầy tay và vội cúi xuống cầm chiếc tay quay để quay cho máy nổ, thì Bác đã nhẹ nhàng nói ngăn lại:

- Chú vào buông lái đi! Bác quay động cơ cho.

Vừa nói Bác vừa cầm tay quay luồn nó vào đầu xe ô tô. Tư thế Bác Hồ đứng quay giống như một công nhân lái xe thực thụ: lưng cúi khom khom, chân hơi choãi ra, vững chãi, tay nắm chặt tay quay, chiếc khăn quàng vắt vai một đầu thông xuống trước ngực:

- Hai... ba... nào!

Theo nhịp hô của Bác, anh lái xe mở máy, rú ga. Bác quay mạnh một vòng. Xe nổ máy ậm ạch, rồi tắt. Bác lại vừa hô "Hai... ba... nào!" vừa quay tiếp vòng khác.

Ngồi trong buồng lái, nhìn qua tấm kính, thấy vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc làm những động tác như một công nhân thực thụ, không hề có chút cách xa, mà rất gần gũi, thoải mái, bình dị, anh lái xe xúc

động quá tay chân cứ luống cuống ấn nút điện, giậm ga mà không đều. Xe nổ máy rồi lại rồ rồ, im bật.

Một lần nữa, Bác Hồ lại phải “Hai... ba... nào!”.

Lần này tiếng máy nổ to hơn, rồi dần dần chuyển thành tiếng vo... vo, đều đều, êm nhẹ. Xe lên đường. Đêm đó, tuy có khuya, nhưng cả Bác cháu đến kịp với cơ sở mà Bác đã dự kiến.

Hòa bình lập lại ở miền Bắc. Thời kỳ đầu thịnh thoảng Bác đi công tác cơ sở bằng chiếc xe “gát tròn” HNA-368 của lực lượng cảnh vệ. Ít lâu sau, Bác chính thức dùng xe Pôpêđa màu sữa do Chính phủ Liên Xô tặng. Và Bác dùng mãi chiếc xe đó cho đến khi Người qua đời. Những đồng chí lần lượt tiếp nối nhau lái xe cho Bác Hồ trong 24 năm Người làm Chủ tịch nước là các anh Hào, Tiệt, Nguyên, Nền, Mùi. Trong số đó anh Mùi tức Nguyễn Văn Mùi phục vụ thời gian gần chục năm, từ năm 1961 đến năm 1969. Đồng chí Nguyễn Văn Mùi kể rằng, đầu tháng 3-1961, khi được lên trình diện với Bác Hồ để chính thức nhận nhiệm vụ lái xe cho Người, trong lòng không nén được lo lắng, hồi hộp. Nhưng nào ngờ, sau vài lời giới thiệu của đồng chí Vũ Kỳ thưa với Bác:

- Dạ! Thưa Bác, từ hôm nay đồng chí Nguyễn Văn Mùi đây sẽ lái xe cho Bác...

Bác liền ân cần hỏi Nguyễn Văn Mùi về gia đình, quê hương, nghề nghiệp. Rồi đột ngột bằng giọng nhẹ nhàng, âu yếm nhưng nghiêm túc, Bác hỏi Nguyễn Văn Mùi một câu:

- Chú Mùi này! Đã có lần nào chú lái xe đâm phải xe ai chưa? Hay có va phải người đi đường gây nên thương tích hoặc tai nạn chưa?

Anh đứng nghiêm, lễ phép thưa với Bác:

- Dạ! Thưa Bác cháu chưa có lần nào và cháu xin hứa với Bác là sẽ mãi mãi không để xảy ra trường hợp va quệt nào.

Từ đó, với chiếc xe Pôpêđa màu sữa đã đưa đón Bác đi công tác nhiều năm trở thành rất quen thuộc với Nguyễn Văn Mùi. Đến năm 1964, nền kinh tế miền Bắc sau gần tám năm khôi phục và xây dựng theo tinh thần “mỗi người làm việc bằng hai vì đồng bào miền Nam ruột thịt” đã có bước tiến khấm khá. Các ngành, địa phương đang ra sức phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất - kinh doanh 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965). Nhiều loại xe ô tô mới xuất hiện qua lại trên các đường giao thông. Đồng chí Nguyễn Văn Mùi cũng muốn được trang bị xe mới phục vụ Bác, thay chiếc xe Pôpêđa màu sữa đã cũ. Nhưng Nguyễn Văn Mùi không dám nói với Bác ý muốn đó.

Nhân một hôm có Thủ tướng Phạm Văn Đồng đang đứng chờ trước nhà sàn để đón Bác đi công tác, Nguyễn Văn Mùi mạnh dạn đề nghị với Thủ tướng nói hộ cho Bác biết nỗi mong muốn của mình và của số anh em giúp việc cho Bác. Nhưng khi đón Bác, đồng chí Phạm Văn Đồng chưa kịp nói gì sau lúc chào Bác thì Bác đã chỉ vào một chiếc xe Vônga đen bóng nhoáng đang đậu xa xa trên “đường xoài” gần phía nhà Phủ Chủ tịch, rồi hỏi đồng chí Phạm Văn Đồng:

- Vị nào mà đi xe sang thế?

Thủ tướng Phạm Văn Đồng thưa thật với Bác:

- Dạ! Thưa Bác! Xe của đồng chí Bộ trưởng...

Bác nói ngay:

- Xe cũng có cấp à?

Đồng chí Phạm Văn Đồng từ tốn nói tiếp:

- Dạ! Thưa Bác! Bây giờ có điều kiện hơn, các đồng chí Bộ trưởng có thể được dùng loại xe đó... thay số xe cũ.

Bác không nói gì thêm. Im lặng giây lát, rồi Bác nhanh chóng bước đến bên chiếc xe Pôpêđa quen thuộc mà đồng chí lái xe Nguyễn Văn Mùi đang đứng chờ để đón Bác lên xe đi công tác. Như mọi ngày, sau mấy lời thăm hỏi gia đình và sức khỏe người lái xe phục vụ mình, Bác bước vào xe ngay.

Lần này, Bác chưa vào xe vội, đứng hỏi đồng chí Nguyễn Văn Mùi:

- Này chú Mùi! Xe mà chú lái cho Bác còn tốt không?

Được dịp như mở cò trong bụng, Nguyễn Văn Mùi phấn khởi, lễ phép trình bày với Bác:

- Dạ! Thưa Bác! Xe mà cháu đang lái, dùng đã gần chục năm, máy tuy còn tốt, nhưng một số bộ phận khác đã mòn, cũ...

Bác nhẹ nhàng nói luôn:

- Bộ phận nào cũ, mòn, sắp hỏng thì chú cho thay; còn máy đang tốt thì cứ dùng một thời gian nữa...

Và như để mọi người đứng quanh đang chờ để cùng đi công tác với Bác đều nghe được, Bác lấy giọng nói tiếp to hơn:

- Bác đi cơ sở không nhiều. Đồng chí nào đi nhiều, nhất là các đồng chí làm ngoại giao cần tiếp xúc với khách nước ngoài thì nên dành xe tốt, xe sang cho các đồng chí đó.

Vậy là ý muốn thay xe mới cho Bác của Nguyễn Văn Mùi và số anh em giúp việc hậu cần cho Bác không thực hiện được. Ít lâu sau, Văn phòng nhận được hai chiếc xe Pôzô kiểu 204 của Hội Việt kiều ở nước ngoài tặng Bác. Cơ quan trình Bác và đề nghị

với Bác cho dùng một chiếc để thay chiếc Pôpêđa mà Bác đang dùng. Bác thấy chưa cần thiết.

Trong những năm đế quốc Mỹ gây chiến tranh phá hoại miền Bắc, nhất là khi chúng ném bom, bắn phá bừa bãi vào Thủ đô Hà Nội. Một quả rốc két Mỹ bắn vào vườn Phủ Chủ tịch làm chiến sĩ cảnh vệ Hồng chết giữa lúc làm nhiệm vụ. Một quả rốc két khác làm cháy chiếc xe ô tô con đang đậu dưới cây sấu sau Văn phòng Phủ Thủ tướng gần phía cổng đỏ. Một quả bom rơi phía phố Ngọc Hà, cách nhà sàn và hầm phòng tránh của Bác Hồ không đầy ba trăm mét. Trước tình hình liều lĩnh điên cuồng của đế quốc Mỹ, cơ quan đề nghị Bác đi chiếc xe ZIS cho an toàn. Chiếc xe ZIS được cấu tạo bằng loại thép chịu lực dãn nhiều lớp. Kính xe thuộc loại đặc biệt: mảnh bom hoặc đạn bắn ở cự ly gần không thủng. Xe trông bình thường, nhưng nặng gấp nhiều lần xe Pôpêđa màu sữa, khi chạy tay lái vẫn nhẹ nhàng, êm ru như xe du lịch. Chiếc xe ZIS đó do Đảng và Chính phủ Liên Xô tặng Bác Hồ khi miền Bắc mới hòa bình sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954. Hôm tặng, các bạn Liên Xô kể lại, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô chỉ sản xuất thêm ba chiếc xe ZIS, chuyên dùng cho việc bảo vệ nguyên thủ quốc gia khi đi

công tác. Nhận chiếc xe ZIS đó, Bác chỉ dùng vào những dịp đón các vị nguyên thủ như Chủ tịch Liên bang Xôviết Vôlôsilốp; Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai; Anh hùng phi công vũ trụ Titốp sang thăm nước ta. Hoặc Bác dùng xe ZIS cho những lúc khẩn trương cần cử đồng chí nào trong Bộ Chính trị hoặc Chính phủ phải đi vượt qua những đoạn đường có máy bay Mỹ bắn phá để đến kịp thời xử lý công việc, bảo đảm kế hoạch tiến độ đã định. Còn Bác đi xe ZIS là gặp phải hôm thời tiết xấu. Chẳng hạn, hôm đi lên biên giới Lạng Sơn, theo kế hoạch đã vạch, Bác sẽ đi bằng máy bay. Nhưng sáng sớm hôm đó mây mù dày đặc. Trời không chịu hửng. Đợi đến tám giờ sáng và theo dự báo của khí tượng, mây mù còn dày đặc vài ngày nữa. Không thể lỡ công việc đã dự kiến, Bác bảo các đồng chí lo việc hậu cần bố trí xe cho Bác để đi bằng đường bộ. Thế là chiếc xe ZIS lăn bánh trên đường dài đưa Bác lên tận biên giới Việt - Trung.

Đã ngồi vào xe ô tô, dù đi xa hay đi gần là Bác chú ý không làm ảnh hưởng đến sự tập trung lái của người lái xe. Chỉ khi nào nhìn thấy một cảnh vật mới lạ, Bác mới hỏi người giúp việc ngồi bên cạnh. Chẳng hạn hôm xe Pôpêđa màu sữa quen thuộc đưa Bác đi

theo đường 5 đến Hải Dương. Xe đang chạy bon bon, nhìn sang hai bên đường và cánh đồng lúa xanh ròn, nhấp nhô lượn sóng. Xa xa phía trước, lấp ló sau lũy tre làng là một dãy nhà ngói cao cứ hiện lên mỗi lúc một gần. Thấy khác so với lần trước đi qua đây, Bác hỏi nhanh đồng chí ngồi ghế trước:

- Chú có biết dãy nhà mới xây đó là công trình gì không?

Đồng chí ấp úng trả lời:

- Dạ, thưa Bác! Có lẽ..., có lẽ...

Bác nhẹ nhàng uốn nắn lại ngay, giáo dục mọi người tính nhanh nhẹn, thật thà, trung thực:

- Chú này buồn cười nhì, biết thì nói biết, không biết thì nói không biết, sao cứ ề à “có lẽ” mãi.

Đối với anh em lái xe và những đồng chí bảo vệ Bác khi đi công tác cơ sở thường có tâm lý lo nhất là khi xe gặp phải đoàn người đi chợ, hay có đèn đỏ khi đến ngã ba, ngã tư thị xã, thành phố. Vì những lúc đó, nếu biết có Bác Hồ ngồi trong xe, thế nào bà con cũng chạy và đến bao quanh xe để chúc mừng, hỏi thăm sức khỏe của Bác, được nghe Bác nói chuyện. Đối với Bác thì đây là dịp được biết thêm tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của người dân, nhất là tầng lớp lao động. Tết năm Kỷ Dậu, trời se se lạnh, không

một ánh nắng. Mông một Tết, sau khi thăm bộ đội phòng không - không quân, Bác lên xe đi trồng cây ở xã Vật Lại, tỉnh Hà Nội. Trên đường về, xe đang chạy từ từ, Bác thấy phía trước nhân dân đứng chật hai bên đường để chuẩn bị đón Bác. Người lái xe chưa biết tính sao thì đồng chí bảo vệ ngồi cạnh đã nói sang:

- Anh cho xe chạy chậm và hạ tấm kính cửa xe để Bác nhìn thấy và vẫy chào đồng bào.

Nhưng Bác không đồng ý vậy, liền bảo:

- Các chú cứ cho Bác xuống xe, đi bộ.

Thế là đám đông bà con được dịp chào Bác, chúc mừng Bác bước sang năm mới dồi dào sức khỏe. Cùng lúc đó, Bác thấy trên thửa ruộng ở cạnh đường xe chạy có một cô gái làm cỏ lúa đứng nhìn theo. Kinh nghiệm dày dặn từng trải của nhiều năm hoạt động cách mạng, Bác thầm đoán không phải đây là lúc cô gái làm cỏ lúa, Bác bảo đồng chí giúp việc cho gọi cô gái đó lên. Được dịp hiếm có, cô gái mạnh dạn đi tới phía Bác và được Bác hỏi nhẹ nhàng:

- Cháu có phải đang bảo vệ không?

Cô gái ấp úng, mặt đỏ ửng, lấy lại bình tĩnh, rồi thưa thật với Bác:

- Dạ! Thưa Bác! Vâng ạ!

Bác cười rồi nói với cô gái giọng âu yếm như để giải thích cho tất cả mọi người đứng xung quanh cùng nghe:

- Cháu làm thế là được. Nhưng mình cháu bảo vệ Bác không được đâu. Muốn bảo vệ tốt phải có sự đóng góp của tất cả mọi người.

Và không ngờ, đây là Tết cuối cùng Bác lên xe đi ra khỏi Hà Nội tham gia Tết trồng cây với đồng bào, đồng chí.

Còn Tết đầu tiên sau ngày Toàn quốc kháng chiến (19-12-1946) Bác đi xe ô tô đến cơ sở, cũng là một kỷ niệm khó quên và là bài học nhớ đời cho anh em lái xe nói riêng, số anh em phục vụ Bác nói chung. Đồng chí Phạm Văn Nền lái xe cho Bác. Ngày 30 Tết Đinh Hợi năm đó, tức ngày 21-1-1947, trời âm u. Tại nơi tạm sơ tán ở Quốc Oai, Hà Nội, sau khi cùng Chính phủ họp phiên “tất niên”, Bác Hồ lên xe ô tô đi đến hang chùa Trầm, nơi vừa mới đặt Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam, để Bác thay mặt Đảng và Chính phủ gửi lời chúc Tết đồng bào cả nước, nhất là đồng bào Nam Bộ đã đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược hơn một Tết rồi. Lúc này đã hơn bảy giờ tối. Đêm ba mươi Tết tối như bưng. Trời lại mưa lất phất, mỗi lúc một dày thêm, nặng hạt. Đường càng trơn và nhầy nhựa bùn nước. Đến hang

Chùa Trâm, Bác đứng trước máy của Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam đọc lời chúc Tết đồng bào cả nước bằng một bài thơ:

*“Cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió,
Tiếng kèn kháng chiến vang dậy non sông.
Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến,
Chí ta đã quyết, lòng ta đã đồng.
Tiến lên chiến sĩ! Tiến lên đồng bào!
Sức ta đã mạnh, người ta đã đông.
Trường kỳ kháng chiến, nhất định thắng lợi!
Thống nhất độc lập, nhất định thành công!”¹*

Xong, Bác lên xe về nơi sơ tán. Đồng chí Phạm Văn Nền trở tài hết sức mà xe đi dưới trời mưa, trên đường trơn cứ chệch choạng, khi chồm sang trái, khi liệng sang phải. Bác Hồ và các đồng chí Vũ Kỳ, Hoàng Hữu Kháng tháp tùng hôm đó như ngồi trên thuyền lách giữa biển sóng. Xe đi còn khoảng hai cây số nữa là về đến nơi ở. Không may gặp phải chỗ quá trơn và người lái xe sơ ý một chút, xử lý chưa thật cao tay, xe tụt cả hai bánh sau xuống ruộng. Loay hoay mãi, đồng chí Phạm Văn Nền cũng không tài nào cho xe bò lên khỏi ruộng. Mỗi lần rú ga, hai bánh cứ quay tít. Bùn nước

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.5, tr.20.

văng tung tóe. Không thể nhờ người dân ra đẩy hộ vì xe lại tụt ở nơi xa làng. Xem đồng hồ thì kim đã chỉ sang 0 giờ 45 phút của ngày mồng một Tết. Thế là không ai dám vào làng nhờ dân ra đẩy xe lên, sợ “xông đất” đầu năm mới, phiền cho họ. Bác động viên đồng chí Phạm Văn Nên ở lại trông xe. Còn Bác Hồ, đồng chí Vũ Kỳ và đồng chí Hoàng Hữu Kháng xắn quần quá gối lấm lũi đi trong mưa. Ba thầy trò về đến nơi sơ tán, vừa lúc gà cất tiếng gáy sáng.

*

* *

Mỗi lần Bác đi cơ sở chỉ có ba hoặc bốn người giúp việc cần thiết đi theo, rất đơn giản, gọn nhẹ, không kình cang, nặng nề, gây phiền toái cho ai. Chuyến đi nào cần có cán bộ hiểu biết chuyên sâu về một lĩnh vực nào đó đi cùng thì Bác bảo bộ chủ quản lĩnh vực ấy cử một người đến cùng đi với Bác. Cách tổ chức “đi” như vậy, theo ý Bác vừa là linh hoạt, tiện cơ động, mau lẹ, không cần phải có một bộ phận thường trực ở văn phòng Bác, vừa nâng cao trách nhiệm và có điều kiện hiểu biết cơ sở của từng bộ, ngành chuyên trách. Đến cả những lần đi nước ngoài

(trừ những lần đi thăm chính thức theo nghi lễ phải có đoàn này, bộ nọ), Bác chỉ cho “biên chế” ba người gồm Bác, đồng chí Vũ Kỳ, đồng chí cần vụ. Bác nói Bác chỉ cần một khoảng nho nhỏ trên máy bay. Nghĩa là Bác vẫn đi chung với hành khách trong một máy bay. Phiên dịch thì Bác bảo sang đến nước bạn, lấy một người trong số cán bộ, sinh viên của ta đang học ở bên đó. Thầy thuốc thì Bác nói Bác không ốm đau gì mà cần đến thầy thuốc đi theo. Nếu có ốm đau thì một thầy thuốc Việt Nam cũng chẳng giải quyết được. Còn bảo vệ thì Bác cho rằng có đem theo một tiểu đội cũng không làm gì được nếu có sự cố xảy ra...

Nói tóm lại, Bác luôn luôn nghĩ đến dân, tin vào dân và cơ sở. Bác coi việc đến với dân như sự sống cần đến không khí. Bác coi đây là một “kênh” rất quan trọng không thể thiếu được để kiểm tra nhận thức, kết quả của cán bộ, người dân ở cơ sở trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đồng thời cũng qua sự tiếp xúc này mà gợi ý, bổ sung, giáo dục, động viên những mặt được; uốn nắn, nhắc nhở, phê phán những nhận thức, hành động không đúng, giúp cán bộ cơ sở và người dân quyết tâm thêm trong việc thực hiện nhiệm vụ. Bác ít

khi mời dân tới mà Bác đến tận nơi người dân đang lao động, cùng chuyện trò, làm việc với dân. Vụ gặt lúa đông xuân năm 1963, Bác đến tận ruộng ở một xã ngoại thành Hà Nội. Trên đường đi ra đồng, mấy đồng chí bảo vệ và cán bộ địa phương có dụng ý mời Bác đến những ruộng khô, sát đường đi để Bác đỡ vất vả và tiện bảo vệ. Nhưng Bác kiên quyết không xuống ruộng đó. Bác tháo dép, xắn quần cao quá gối, lội xuống đồng, bước về phía những thửa ruộng nước ngoài xa mà bà con đang gặt. Thế là cán bộ địa phương đành phải tháo dép, xắn quần, xuống ruộng bước theo Bác. Đến nơi bà con đang gặt, Bác vừa đưa tay nâng những bông lúa chín vàng, vừa hỏi chuyện bà con về cách chọn giống có năng suất, về cách bón phân, tưới nước, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật. Ai cũng thoải mái, vui vẻ thưa với Bác, chúc sức khỏe Bác. Có người, nhất là những cụ ông, cụ bà không nín nổi xúc động, rom rớm nước mắt khi được Bác hỏi về cách làm ăn đã từng trải “một nắng hai sương” trên đồng đất này làm sao đưa năng suất lên cao hơn nữa.

Cũng như trước đó, đầu năm 1962, vào dịp Tết Nguyên đán, Bác Hồ đi chợ Đông Xuân, nơi mua bán đông đúc nhất của người dân Hà Nội và của cả miền Bắc lúc bấy giờ. Đồng chí Phan Văn Xoàn - người

bảo vệ Bác đi chợ Đồng Xuân hôm ấy kể lại rằng, Bác đã hóa trang đi hòa vào trong dòng người mua bán tấp nập. Bác đội chiếc mũ cát màu trắng, đeo kính trắng mắt tròn, gọng kính nhỏ thanh mảnh giống kính các cụ đồ nho ngày xưa thường dùng. Trời se lạnh. Bác mặc áo ấm, ngoài khoác thêm chiếc áo vải sòn vai; quần thì bằng vải xô cũ đã phai màu; chân đi đôi dép cao su; cổ quàng khăn nhiều vòng che kín bộ râu. Đồng chí Phan Văn Xoàn và một cảnh vệ trẻ nữa cũng cải trang đi bên Bác giống như ba ông cháu cùng đi chợ. Bác Hồ là “bố”, Phan Văn Xoàn là “con”, người cận vệ trẻ là “cháu”. “Bố” và “con” đi tay không; người “cháu” thì tay xách làn mây, trong đựng mấy củ hành, cà rốt và một ít rau thơm. Đi đến cuối phố Hàng Khoai, tạt sang chợ Bắc Qua rồi Bác đi thẳng vào chợ Đồng Xuân. Vừa đi chậm chậm, Bác vừa quan sát, nghe ngóng tình hình giá cả, nguồn hàng, quan hệ trao đổi, mua bán giữa những người mua và những người bán hàng. Đến quầy hàng bán hoa, Bác ngồi xuống chọn một bó hoa tươi và hỏi giá. Chị bán hàng nói giá năm hào. Sợ bị lộ, đồng chí Phan Văn Xoàn nhanh miệng trả giá bó hoa hai hào rồi “mời” Bác đi. Hiểu ý câu trả giá rẻ của người giúp việc đi cùng, Bác đứng dậy đi hòa vào dòng

người. Nhưng sau đó Bác nói vui như có ý nhắc nhở người giúp việc:

- Trả giá như “con” thì đi chợ cả ngày cũng chẳng mua được gì!

Về lại nhà nghỉ, Bác nói vui như kết luận:

- Buổi đi chợ hôm nay biết được nhiều điều; nhưng Bác cháu ta chẳng mua sắm được gì cả.

Ít lâu sau, Bác viết một bài báo đăng trên báo *Nhân dân* số ra ngày 17-9-1962, ký tên: T.L. Nội dung bài báo, sau khi nêu một số dẫn chứng cụ thể về sản phẩm làm ra chưa tốt; giá cả không hợp lý, có phần kết luận: *“Quần chúng thiết tha yêu cầu rằng: Những hàng hóa bán cho nhân dân, từ cái nhỏ đến cái to, đều phải bảo đảm chất lượng, và “thuận mua vừa bán”, chứ không được gò ép người mua hàng”*.

Bác luôn lấy từ hơi thở thực tế cuộc sống để đề xuất, góp ý. Khi tiếp xúc với dân hay cán bộ, Bác đều chú ý tùy từng đối tượng, hoàn cảnh mà nói một cách đơn giản, dễ hiểu, không chung chung, lý luận cao xa, làm cho người nghe tiếp nhận rất thoải mái mà sâu sắc. Đến nay, nhiều anh em giúp việc còn nhớ hôm Bác tiếp đoàn đại biểu bộ đội, dân quân, du kích của Quảng Trị, Quảng Bình và khu vực Vĩnh Linh, nơi mà Mỹ và tay sai hằng ngày

dùng máy bay B52 ném bom rải thảm và cho quân càn quét “bình định” xóm làng nhằm chia cắt vĩnh viễn đất nước ta ở vĩ tuyến 17, vừa ra công tác ở Hà Nội. Dự buổi gặp với Bác hôm đó có cả Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Cuộc gặp diễn ra tại nhà hầm Phủ Chủ tịch. Đây là lần đầu tiên được gặp Bác, ngồi quây tròn quanh Bác, người nào cũng lảng lảng xúc động, vừa chăm chú nghe Bác hỏi, vừa nghe Bác nói với giọng ấm áp, nhẹ nhàng, âu yếm, vừa nhìn kỹ Bác với ánh mắt hiền từ, từng nụ cười thoải mái chan chứa tình yêu thương... để nay mai về lại xóm làng, đơn vị kế cho bà con biết cùng chia sẻ niềm vui vinh dự hiếm có này. Cho nên chẳng mấy ai để ý đến uống nước, ăn kẹo mà Bác đã bảo đồng chí phục vụ bày sẵn trên bàn. Kết thúc cuộc gặp, các đĩa kẹo không voi là bao. Thấy vậy, Bác đưa tay chỉ vào các đĩa kẹo, nói rất thoải mái:

- Kẹo Bác mời đây, các cô, các chú không kịp ăn thì chia nhau đem về...

Như mở cò trong bụng, đại biểu nào cũng lấy một ít kẹo đem về làm quà kỷ niệm. Trong không khí đầy phấn khởi, chân tình, cởi mở đó, mọi người lại nghe Bác nói vui một câu chứa đầy ý nghĩa sâu

sắc, và như nhắc nhở mọi người quyết tâm hơn nữa, nỗ lực hơn nữa cùng toàn dân tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Bác nói:

- Chia kẹo đem về, nhưng tuyệt đối không được chia nước (đất nước)!

ĐÊM XUỐNG

Bác ăn cơm tối xong, nghỉ ngơi một lát là vào khoảng 19 giờ. Từ thời gian ấy trở đi, ngày thường thì Bác đọc báo, xem sách. Tối thứ bảy, Bác dành riêng để xem phim hoặc xem văn nghệ. Chỉ trừ những lúc đi công tác xa ở lại cơ sở, hoặc có cuộc họp cần kíp, Bác mới thay đổi nền nếp sinh hoạt tối thường ngày như vậy.

Khi đọc báo, trước hết Bác xem những tin, bài đánh dấu từ sáng, trước khi vào giờ làm việc. Tin, bài nào có những chi tiết cần thiết cho nghiên cứu, tham khảo, Bác ghi lại trong cuốn sổ tay. Tin, bài nào cần lưu đầy đủ, Bác cho cắt, dán thành tập theo những chuyên đề riêng. Những số liệu, dẫn chứng của báo trong nước và báo nước ngoài viết về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, Bác đọc khá kỹ. Trên cơ sở tư liệu đó, có khi Bác kịp thời viết bài tố cáo kẻ thù, chỉ đích danh kẻ cầm đầu;

kêu gọi quân và dân ta tin tưởng và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Trong lĩnh vực nông nghiệp, Bác chú ý đến những bài báo phản ánh tình hình hạn hán, sâu phá hoại cây trồng, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất cây trồng, vật nuôi. Trong lĩnh vực công nghiệp, Bác đọc nhiều những bài, tin phản ánh tình hình quản lý xí nghiệp, nâng cao ý thức trách nhiệm, chống các tệ quan liêu, tham ô, lãng phí... Bác đọc báo không chỉ là để đọc, để biết, mà Bác đã sử dụng những thông tin từ báo chí và thông qua báo chí để góp phần tích cực chỉ đạo, lãnh đạo kháng chiến, sản xuất, xây dựng, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần trong nhân dân và mở rộng quan hệ đối ngoại. Bác Hồ không chỉ thường xuyên đọc báo trong nước vào buổi tối, mà Bác còn đọc báo nước ngoài in bằng nhiều thứ tiếng khác nhau, như báo *L'Humanité* của Đảng Cộng sản Pháp, báo *Pòravoda* của Liên Xô trước đây, báo *Nhân dân nhật báo* của Trung Quốc, báo *Goranma* của Cu Ba... Riêng báo trong nước, Bác đã đọc tới 70 loại báo khác nhau của Trung ương, địa phương, các giới, các ngành. Đối với Bác, báo chí là món ăn tinh thần, là vũ khí sắc bén phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ xây dựng cuộc sống

mới, con người mới. Đến nay, tại Bảo tàng Hồ Chí Minh còn lưu giữ hàng tập báo đã được Bác Hồ đọc và cắt dán trong suốt những năm Người làm Chủ tịch nước.

*

* *

Trước khi xem phim vào tối thứ bảy, Bác không quên nhắc đồng chí giúp việc cho các cháu thiếu nhi, con em của số cán bộ, nhân viên Văn phòng Phủ Chủ tịch và của những đồng chí phục vụ cùng đến xem. Mọi người đến tề tựu đông đủ là Bác động viên cùng nhau hát một vài bài quen thuộc, tạo không khí vui vẻ, đầm ấm, chan hòa. Lần nào đến xem phim cũng thấy Bác đến rất đúng giờ và không có chút nào thể hiện, dù rất nhỏ, sự cách biệt giữa vị Chủ tịch nước và người dân bình thường, cho nên ai cũng hăm hở, thoải mái đến xem phim cùng Bác.

Một lần, Bác vừa ngồi vào ghế, nhìn quanh phòng chiếu phim chỉ thấy người lớn, không thấy các cháu thiếu nhi, Bác hỏi ngay đồng chí bảo vệ:

- Sao hôm nay không thấy các cháu?

Đồng chí bảo vệ lễ phép trả lời:

- Dạ! Thưa Bác! Cho các cháu vào sợ chật chỗ, dễ mất trật tự...

Bác nói ngay:

- Nếu có cháu nào làm mất trật tự thì khuyên răn, bày vẽ cho cháu giữ trật tự, xếp đặt đủ chỗ ngồi cho các cháu; chứ không vì thế mà ngăn cấm các cháu tới xem...

Vừa lúc có cháu con của đồng chí T. trong văn phòng, từ ngoài cửa xông xộc bước vào, chẳng chào hỏi ai. Thấy vậy, Bác nói với đồng chí T.:

- Chú nhớ về bày vẽ cho cháu hiểu khi đến đâu thấy người lớn là phải lễ phép chào, biết đứng dậy, nhường chỗ... Tập quán truyền thống văn hóa của nhân dân ta là biết kính trên nhường dưới. Chú nhớ nói cho cháu hiểu, không được quát mắng cháu.

Ngày 5-9-1964, đế quốc Mỹ dùng máy bay ném bom một số nơi ở Đồng Hới (Quảng Bình), Vinh (Nghệ An), Quảng Ninh và từ đó mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. Những tối thứ bảy, chủ nhật Bác bận thêm việc và cũng từ đó hạn chế các cháu vào xem phim với Bác. Trong khuôn viên Phủ Chủ tịch, Bác cho đào một nhà hầm để phòng tránh bom đạn Mỹ khi chúng đến liều lĩnh bắn phá.

Có đồng chí giúp việc đoán chắc Bác viết thư thường là vào ban đêm, sau giờ đọc sách báo. Bởi vì thỉnh thoảng thấy Bác bảo cơ quan gửi hộ thư cho Bác thường là vào lúc trước giờ làm việc buổi sáng. Để kịp thời thăm hỏi, động viên bạn bè, người thân, khi cần là Bác gửi thư riêng. Nhiều anh em giúp việc còn nhớ chuyện đầu năm 1948 ở chiến khu Việt Bắc. Trời vừa qua đợt rét, bắt đầu ấm dần lên. Anh em trong Văn phòng Phủ Thủ tướng, lúc đó đang ở Lập Bình, xã Bình Yên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang chí thú làm việc, bỗng thấy ông Bộ trưởng Tư pháp Vũ Đình Hòe bước vào. Sau vài lời hỏi thăm sức khỏe, ông Bộ trưởng Tư pháp đưa cho anh em một giỏ cam Bó Hạ (Bắc Giang) và một miếng giấy gấp tư vuông vắn, rồi nói:

- Tôi nhờ văn phòng chuyển lên Bác Hồ.

Lúc đó khoảng 5 giờ chiều, hoàng hôn ở núi rừng đến sớm. Văn phòng “hỏa tốc” cho liên lạc chuyển ngay đến C.Q41. Thế mà sáng hôm sau, trên đường đi tập thể dục qua lán ở cửa số anh em trong cơ quan, Bác đã đưa thư và bảo:

- Các chú bỏ hộ thư này vào phong bì rồi gửi ngay sáng nay cho ông Bộ trưởng Tư pháp Vũ Đình Hòe.

Bức thư ngắn, Bác viết:

“Gửi ông Bộ trưởng Tư pháp.

Cảm ơn chú về cam, ngọt lắm.

Mong chú gửi báo cáo về cuộc kinh lý¹ và mong gặp chú kỳ Hội đồng² sau.

Chúc chú và nhờ chú chuyển lời chúc ông cụ, thím Hòe và các cháu năm mới mạnh khỏe và vui vẻ.

Chào thân ái và quyết thắng.

Tháng 2 năm 1948

HỒ CHÍ MINH”.

Khoảng tháng 10-1950, sau những ngày ra mặt trận, về lại nơi ở và làm việc của C.Q41 tại Việt Bắc là Bác thăm hỏi từng người. Lúc đó sắp hết giờ làm việc chiều, ai cũng ngồi lại chào đón Bác, nghe Bác truyền niềm vui chiến thắng của quân và dân ta từ mặt trận về. Và ai cũng đoán chắc đêm nay Bác sẽ ngủ sớm, bù lại những ngày qua lăn lộn với cán bộ, chiến sĩ ở phía trước. Nhưng ngay đêm hôm đó, Bác lại tranh thủ viết thư gửi cho một số gia đình có chồng, con đang ở ngoài mặt trận mà Bác đã gặp trong chuyến

1. Ông Vũ Đình Hòe vừa đi công tác ba tháng ở các tỉnh miền núi Tây Bắc về.

2. Hội đồng Bộ trưởng, nay là Chính phủ.

công tác vừa rồi. Thư của Bác viết cho chị Đặng Bích Hà như sau:

“Cháu Hà.

Bác mạnh khỏe luôn. Cháu cũng khỏe chứ? Bác không bảo cháu đến chơi vì nay cháu đã có thai 4 - 5 tháng cần phải cẩn thận, nếu không cẩn kíp lắm thì không nên cưỡi ngựa, lội nước trèo đèo, và làm gì nặng nề mệt nhọc quá.

Bao giờ có dịp Bác sẽ đến thăm cháu.

“Hai” cũng mạnh giỏi, độ vài hôm nữa sẽ về đến nhà.

Hôn cháu.

BÁC”.

“Hai” trong thư là tên mật lúc đó của Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp. Chị Đặng Bích Hà là vợ của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, dạo đó đang thời kỳ mang thai, lại ở nơi rừng núi, đi lại khó khăn.

Nói đến chuyện Bác viết thư, nhiều anh em giúp việc còn nhớ câu chuyện đồng chí Nguyễn Lương Bằng kể. Khi ở chiến khu Việt Bắc, nơi ở và làm việc của Bác Hồ được bố trí cách xa nơi ở và làm việc của một số đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, thường là xa khoảng gần 1 km theo đường chim bay. Sau khi đến báo cáo xong công việc với Bác, đồng chí Nguyễn Lương Bằng về lại nơi ở. Trên đường đi qua

lần của mấy đồng chí giúp việc cho Bác, đúng lúc nghỉ giải lao, đồng chí Nguyễn Lương Bằng tạt vào thăm hỏi. Không ngờ lúc đó, số anh em này cũng đang “tán” thêm với nhau về niềm vui phấn khởi của một đồng chí trong cơ quan vừa nhận được thư người yêu dưới quê gửi lên. Thấy vậy, đồng chí Nguyễn Lương Bằng nhớ đến cách đây gần chục năm, Bác đã viết một thư ngắn rất “yêu” cho đồng chí. Thế là cùng hòa trong không khí vui vẻ, thân mật, đồng chí Nguyễn Lương Bằng kể luôn câu chuyện Bác Hồ viết thư “yêu”. Đồng chí kể rằng dạo đó, Bác Hồ mới trở lại Trung Quốc, đang bí mật hoạt động ở Thượng Hải. Bọn Tưởng Giới Thạch kiểm soát gắt gao thành phố. Đồng chí Nguyễn Lương Bằng và vài đồng chí khác cũng đang công tác ở vùng Thượng Hải. Một hôm, đồng chí Nguyễn Lương Bằng nhận được một bức thư ngắn. Nhưng lời lẽ trong thư rất dịu dàng, tha thiết, mong đợi như một cô gái đang nóng ruột chờ người yêu. Đọc thư xong, đồng chí Nguyễn Lương Bằng cứ đoán già đoán non “Ai đây?”, “Mình đã quen cô gái nào đâu?”, “Hay là mật hiệu liên lạc?”. Đồng chí Nguyễn Lương Bằng quyết định lần theo địa chỉ hẹn trong bức thư ngắn đó để xem sao. Dĩ nhiên là

đồng chí Nguyễn Lương Bằng hết sức cảnh giác, đề phòng. Bức thư viết như sau:

“Anh yêu, em cần gặp anh gấp, lúc... giờ, tối ngày..., tại cột đèn số... ở đại lộ... tại Thượng Hải. Hôn anh nhiều. Em rất yêu anh và rất nhớ anh”.

Khi đến gặp, đồng chí Nguyễn Lương Bằng mừng hết chỗ nói. Người viết bức thư “yêu” hẹn hò đó là Bác Hồ kính yêu của chúng ta. Hôm đó giữa thành phố Thượng Hải tấp nập, rộn ràng tàu xe qua lại, Bác Hồ đã đóng vai ông thầy bói đến gặp và giao nhiệm vụ cho đồng chí Nguyễn Lương Bằng.

Đối với quê hương, suốt 24 năm với trọng trách làm Chủ tịch nước, bận trăm công nghìn việc, khi cần Bác vẫn gửi thư về xứ Nghệ với cả tấm lòng sắt son tình sâu nghĩa nặng, với cả mong mỏi ngày đêm quê hương làm ăn tiến tới, trở thành tỉnh kiểu mẫu, với cả trách nhiệm của người con, người em sinh ra và lớn lên ở quê nội làng Sen, quê ngoại Hoàng Trù, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Đầu năm 1950, ta mở chiến dịch Biên giới. Bác lên tận Đông Khê, Thất Khê quan sát, chỉ đạo sau gần một tháng đi sát mặt trận, trở lại Tân Trào, đang trong niềm vui thắng lợi của chiến dịch thì Bác nhận được tin một số nơi ở Nghệ An, trong đó có huyện Nam Đàn,

quê hương Bác, đã phạm phải sai lầm trong việc thực hiện khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng!”. Sai lầm đó là không kiên trì phương châm tuyên truyền, vận động; không mạnh dạn kiến nghị với cấp trên điều chỉnh mức đóng góp cho một số gia đình và một số nơi gặp khó khăn. Đã vậy, có nơi còn dùng mệnh lệnh, gò ép người đóng góp, đón đường thu giữ thóc của những người ra mua ở chợ về nộp. Những việc làm đó đã và đang gây không khí căng thẳng, làm tổn thương không nhỏ đến tinh thần phấn khởi, đoàn kết kháng chiến của nhân dân đang được phát huy. Không vì quê hương mà Bác xuê xoa, nể nang cho qua. Ngày 1-7-1950, Bác viết thư về quê nhận có phần trách nhiệm của mình, xin lỗi đồng bào và nghiêm khắc phê bình những cán bộ đã làm sai chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Thư Bác viết:

“Từ ngày kháng chiến đến nay, đồng bào mọi nơi đã cố gắng và đang cố gắng làm tròn nhiệm vụ người công dân đối với Tổ quốc.

Phần đông cán bộ thì tận tụy, biết gần gũi dân, đoàn kết dân, học hỏi dân, và lãnh đạo dân thi đua làm mọi công việc kháng chiến.

Nhưng tiếc rằng ở một vài nơi, cán bộ làm sai

chỉ thị của Chính phủ và đường lối của Đoàn thể. Họ xa rời nhân dân, không hiểu biết nhân dân. Làm việc thì chỉ dùng mệnh lệnh, chứ không biết tuyên truyền cổ động, giải thích cho mọi đồng bào hiểu rõ và vui vẻ xung phong làm. Thậm chí họ còn dùng những cách ép uống, cưỡng bức, bắt bớ dân”¹.

Bốn tháng sau, cũng từ chiến khu Việt Bắc, ngày 9-11-1950, khi được biết người anh ruột là Nguyễn Sinh Khiêm ở quê nhà đã mất, Bác liền gửi thư điện:

“Gửi họ Nguyễn Sinh

Nghe tin anh Cả mất, lòng tôi rất buồn rầu. Vì việc nước nặng nhiều, đường sá xa cách, lúc anh đau yếu tôi không thể trông nom, lúc anh tạ thế tôi không thể lo liệu.

Than ôi! Tôi xin chịu tội bất đê trước linh hồn anh và xin bà con nguyên lượng cho một người con đã hy sinh tình nhà vì phải lo việc nước.

Ngày 9 tháng 11 năm 1950

HỒ CHÍ MINH”²

Năm 1965, miền Bắc kết thúc kế hoạch 5 năm lần thứ nhất xây dựng và phát triển kinh tế với

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.396, 463.

khẩu hiệu “Mỗi người làm việc bằng hai vì đồng bào miền Nam ruột thịt”. Bác vừa ăn cơm tối xong. Hôm đó vào một ngày đầu tháng giêng. Bác nhận được tin ông Nguyễn Sinh Mọi, người anh thúc bá ở quê Kim Liên bị đau nặng. Vì bận nhiều công việc, Bác không về thăm được. Sau khi nghe đọc báo theo thường lệ hằng ngày, Bác ngồi một mình bên ngọn đèn bàn viết thư cho đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Nghệ An. Thư Bác viết:

“Thân gửi đồng chí Võ Thúc Đông

Được tin cụ Mọi đau nặng, tôi không có điều kiện về thăm nom chăm sóc. Tôi nhờ đồng chí giúp đỡ chữa chạy. Tôi cảm ơn. Thân ái”.

Xong đâu đấy, Bác mới lên giường nằm nghỉ. Lúc này Đài Tiếng nói Việt Nam cũng vừa kết thúc buổi phát thanh cuối ngày.

GIẤC NGỦ NGON LÀNH

Thông thường sau giờ đọc báo tối, vào khoảng 21 giờ 30 phút, nếu có đồng chí nào trong số anh em giúp việc được phân công trực còn nấn ná chờ ý kiến của Bác thì Bác bảo đồng chí đó về nghỉ. Còn Bác ở lại gác hai nhà sàn, vào phòng ngủ, nằm một mình trên chiếc giường gỗ rộng 1,2 mét, nghe đài đến khi cô phát thanh viên nói câu chào cuối cùng trong ngày. Bác ngủ ngon lành cho đến sáng thì dậy, rất đúng giờ. Đúng giờ đến nỗi nhiều đồng chí cảnh vệ khi sắp làm xong nhiệm vụ gác đêm, thấy ánh đèn trong phòng ngủ trên nhà sàn của Bác hắt ra cửa sổ là biết ngay, không cần liếc đồng hồ đeo tay, lúc đó là năm giờ về mùa hè, năm giờ ba mươi về mùa đông.

Giấc ngủ, nền nếp làm việc sinh hoạt thường ngày của Bác Hồ chuẩn mực như đồng hồ sinh học. Các bác sĩ, thầy thuốc được vinh dự Trung ương giao

chăm sóc, kiểm tra sức khỏe của Bác Hồ đều có chung một suy nghĩ: Cả cuộc đời của Bác gặp không ít khó khăn, vất vả. Nhưng sở dĩ Bác vẫn tràn đầy nghị lực, vẫn minh mẫn cho đến phút chót, vẫn dẻo dai đến tuổi “trường thọ” là nhờ Bác đã tự xây dựng, rèn luyện cho mình một cách sống vừa khoa học, văn minh, vừa giản dị, lịch sự trên cơ sở tư tưởng luôn luôn vì dân, vì nước.

Quả vậy! Lên mười tuổi, Bác Hồ - cậu bé Nguyễn Sinh Cung - đã phải mồ côi mẹ - Bà Hoàng Thị Loan mất trưa ngày 22 tháng Chạp năm Canh Tý (1900). Chưa đầy 12 tuổi, Bác lại phải chịu tiếp cái tang đau đớn là người em ruột thân thương kề mình - Nguyễn Sinh Xin mất vì thiếu sữa mẹ và lâm bệnh. Hai năm sau đó, Bác lại chịu tiếp cái tang bà ngoại mất. Người bà ngoại đã từng hết lòng cưu mang giúp đỡ gia đình Bác trong những lúc khó khăn, trắc trở. Vậy là trong tuổi niên thiếu của Bác Hồ, khi ở quê hương Nam Đàn, khi ở Huế, vừa đi học vừa giúp đỡ gia đình, Bác đã phải chịu bốn cái tang đau đứt ruột: mẹ, em, ông ngoại, bà ngoại. Đến tuổi 18, Bác đang học ở Trường Quốc học Huế thì bị chính quyền thực dân - phong kiến kết tội tham gia cuộc biểu tình của nông dân Công Lương (Thừa Thiên Huế), chúng bắt phải

thôi học. Không cam chịu làm nước mất nhà tan, sang tuổi 19, Bác tìm đường vào Phan Rang, Phan Thiết, vừa dạy học để kiếm sống, vừa tìm đường làm cách mạng. 21 tuổi, Bác vào Sài Gòn, đến cảng Nhà Rồng với cái tên “Anh Ba” xin làm các việc rửa bát đĩa, rửa rau, xúc than vào lò... cho một tàu biển để có dịp ra nước ngoài tìm đường cứu nước. Năm đó, ngày 6-7-1911, Bác đến cảng Mácxây, nước Pháp. Năm 30 tuổi (năm 1920), Bác Hồ mới có dịp đọc Luận cương của Lênin đăng trên báo *Nhân đạo* của Đảng Cộng sản Pháp: *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về các vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*. Sau này, Bác đã kể lại: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!”¹. Phòng Bác ở lúc ấy là một buồng nhỏ mang số 9 ngõ Công Poanh - một ngõ cụt ở Patinhôn, thuộc vùng Tây Bắc Pari, nơi dành cho những người thợ. Phòng đó Bác chỉ đủ kê một chiếc

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.562.

giường, một chiếc bàn nhỏ và một tủ nhỏ đựng quần áo. Phòng không có điện, Bác phải dùng đèn dầu. Nước thiếu đến nỗi có khi chỉ một cái chậu, vừa rửa mặt vừa giặt quần áo. Mùa đông đến, để sưởi ấm, Bác dùng một viên gạch đã ủ nóng trong lò sưởi của chủ nhà cho thuê rồi dùng tờ báo gói lại để bên giường chống lạnh. Sống trong hoàn cảnh thiếu thốn trăm bề, nhưng Bác vẫn kiên trì một lòng đấu tranh cho cách mạng, cho Tổ quốc. Năm 33 tuổi, thay mặt hàng triệu nông dân Việt Nam, Bác dự Đại hội Quốc tế nông dân lần thứ I. Quốc tế nông dân là một tổ chức cách mạng quốc tế, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Quốc tế Cộng sản nhằm đoàn kết rộng rãi giai cấp nông dân trên thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. Đại hội Quốc tế nông dân lần thứ I diễn ra từ ngày 12 đến ngày 15-10-1923, tại Mátxcova, Liên Xô. Với tư cách là đại biểu nông dân các nước thuộc địa, Bác Hồ đã tham gia Đại hội này. Tại đây Người được bầu làm Ủy viên Đoàn Chủ tịch Quốc tế nông dân. Trong phiên họp chiều ngày 13-10-1923, Người đã đọc bản tham luận tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân đối với nhân dân Việt Nam nói riêng và nhân dân các nước thuộc địa nói chung. Người vạch trần tội ác và những mảnh khéo đầu độc,

bóc lột nhân dân Việt Nam của bọn thực dân Pháp. Tham luận của Người viết: “... Về thuốc phiện, tôi sẽ xin chỉ kể lại với các đồng chí rằng mỗi năm chính quyền Pháp ở thuộc địa đã bán cho dân An Nam gồm 20 triệu người, trên 400 triệu đôla thuốc phiện. Và mặt khác, người ta đã tính ra rằng cứ 1.000 ty bán rượu và thuốc phiện thì không có được lấy 10 trường học. Đây là những sự thật... Trong chiến tranh thế giới, chỉ riêng ở nước Pháp, người ta đã đưa từ các thuộc địa về gần một triệu người bản xứ để tham gia chiến tranh...”¹.

Hai năm sau, ở tuổi 35, Bác cho ra đời tác phẩm lớn *Bản án chế độ thực dân Pháp* gồm 12 chương chính và phần phụ lục. Nội dung chủ yếu của tác phẩm là nhằm tố cáo tội ác của thực dân Pháp trên mọi phương diện đối với nhân dân Việt Nam và các dân tộc thuộc địa toàn thế giới². Nguyễn Ái Quốc, tên của Bác ký dưới tác phẩm đó, gieo niềm tự hào cho dân tộc Việt Nam kiên quyết đứng lên đấu tranh.

Quá trình đi tìm đường làm cách mạng của Bác không thuận buồm xuôi gió. Năm 41 tuổi, đang hoạt động ở Hồng Kông, Trung Quốc, trong một cư xá đông

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.229-231.

người, Bác bị bọn cảnh sát Anh bắt (ngày 6-6-1931) để trục xuất về Việt Nam giao cho tên Toàn quyền Pháp. Nhưng Bác chỉ bị giam hơn hai tháng nhờ có luật sư Lôđơbai bào chữa cho Bác trắng án (ngày 14-8-1931). Đến tuổi 51, nghĩa là vừa tròn 30 năm bôn ba ở nước ngoài tìm đường cứu nước, ngày 18-1-1941, Bác Hồ về nước. Từ đó, tại Việt Bắc, cùng một số đồng chí khác, Bác xây dựng nên trung tâm lãnh đạo cách mạng cả nước. Ngày 13-8-1942, Bác có việc phải đi công tác sang Trung Quốc. Đến thôn Túc Vinh, huyện Đức Bảo, tỉnh Quảng Tây, không may Bác bị quân Quốc dân Đảng Tưởng Giới Thạch bắt. Ngày 10-9-1943, sau hơn một năm bị chúng đày ải qua 12 huyện, 30 nơi giam giữ, Bác mới được trả tự do. Trong thời gian bị chính quyền Tưởng Giới Thạch giam giữ, Người đã viết tập thơ *Ngục trung nhật ký (Nhật ký trong tù)* nổi tiếng với hơn 100 bài thơ bằng chữ Hán. Đây cũng là thời gian mà nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, của Bác chuẩn bị tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám, rồi tiếp đến kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp, khẩn trương bắt tay khôi phục miền Bắc sau khi hòa bình được lập lại năm 1954 và tích cực chuẩn bị cho kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam,

thống nhất Tổ quốc. Cho nên tác phẩm *Ngục trung nhật ký* của Bác Hồ, sau khi ra đời đã “chìm vào giữa bộn bề lịch sử gần 20 năm”.

Đồng chí Tạ Quang Chiển, người từng được vinh dự giúp việc cho Bác Hồ từ tháng 10-1945 kể lại rằng: Một hôm vào khoảng giữa năm 1955, khi hòa bình đã lập lại trên miền Bắc được gần một năm, tại Văn phòng giúp việc cho Bác, đồng chí Tạ Quang Chiển đang ngồi nhận số công văn các nơi gửi đến thì thấy trong số đó có một phong bì dày cộm hơn các phong bì công văn khác. Ngoài phong bì này không đề tên ai gửi mà chỉ biết từ Cao Bằng gửi đến, ghi là: “Gửi Văn phòng Chủ tịch Phủ để trình lên Bác Hồ”. Khi bóc phong bì ra, thấy một cuốn sổ nhỏ viết tay chữ Hán, không có chỗ nào gạch xóa. Đồng chí Tạ Quang Chiển đưa lên trình Bác. cầm cuốn sổ nhỏ này xem qua một lượt, niềm vui của Bác hiện rõ trên nét mặt. Bỗng Bác nắm chặt tay đồng chí Tạ Quang Chiển và nói:

- Bác cảm ơn chú!

Lặng giây lát, Bác nói tiếp rất cảm động với đại ý: Qua kháng chiến chín năm, Bác tưởng nó thất lạc đâu rồi. Bác chỉ nhớ mang máng khi ở Cao Bằng, công việc cách mạng cuốn hút khẩn trương, Bác gửi

lại, dặt nó trên mái tranh của một nhà đồng bào. Rồi Bác lại nói là Văn phòng nên có thư cảm ơn và thưởng cho người giữ và chuyên “tài liệu” này đến đây.

“Tài liệu” mà Bác nói chính là bản thảo gốc cuốn *Ngục trung nhật ký* của Bác Hồ. Tập *Ngục trung nhật ký* đó, năm 1960 nhờ có sự giúp đỡ của nhiều nhà thơ, nhà văn, sự khuyến khích của nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta, đã được Viện Văn học dịch sang chữ quốc ngữ với tên *Nhật ký trong tù*. Cùng năm đó, *Nhật ký trong tù* được Nhà xuất bản Phổ thông Hà Nội in 45 vạn bản, và Nhà xuất bản Văn hóa in hai vạn bản. Chỉ trong mấy tháng, hai loại bản in *Nhật ký trong tù* đã đến tay bạn đọc rộng rãi. Năm 1993, hơn 20 giáo sư và nhà nghiên cứu chuyên ngành đã đưa trọn vẹn *Ngục trung nhật ký* của Bác Hồ vào tập sách dày 659 trang với nhan đề *Suy nghĩ mới về Nhật ký trong tù*, của Viện Văn học, mà Nhà xuất bản Giáo dục ấn hành. Sách dùng cho các trường đại học, cao đẳng, phổ thông trung học. Thật hạnh phúc cho dân tộc ta, *Nhật ký trong tù* - một tác phẩm văn học lớn, đến nay không những trong nước và nhiều nước trên thế giới đều biết đến và trân trọng đón đọc.

Và năm 1955 ấy, khi nhận lại bản thảo gốc *Ngục trung nhật ký*, Bác Hồ vừa tròn 65 tuổi. Ai cũng tưởng rằng từ đây Bác sẽ đỡ vất vả, thanh thản hơn. Nào ngờ hòa bình lập lại chưa được bao lâu, Bác lại cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân cả nước đứng lên tiến hành quyết liệt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Gian khổ nối tiếp gian khổ. Bác vẫn kiên cường một lòng vì dân, vì nước và không ngừng rèn luyện nếp sống thường ngày cho thích nghi với mọi hoàn cảnh. Đây cũng là cơ sở giúp Bác luôn luôn dẻo dai, minh mẫn.

*

* *

Chuyến đi của Bác sang Liên Xô năm 1955 có cả đồng chí Trường Chinh và một số đồng chí lãnh đạo khác. Lúc đó, miền Bắc mới lập lại hòa bình được một năm. Đời sống nhân dân vừa ra khỏi cuộc kháng chiến chín năm còn nhiều thiếu thốn. Ngành hàng không chưa có gì. Cho nên Bác Hồ và đoàn phải đi ô-tô từ Hà Nội lên biên giới Việt - Trung. Từ đấy, Bác và đoàn lên xe lửa đi sang Nam Ninh, Trung Quốc; rồi từ Nam Ninh đi máy bay đến Bắc Kinh; từ Bắc Kinh

đi máy bay sang Ulanbato, Thủ đô Mông Cổ. Ngồi trên máy bay, Bác cũng chỉ mặc bộ đồ kaki, đi đôi dép cao su quai to. Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, lúc đó là Thứ trưởng Bộ Y tế đã lần lượt phát xong thuốc chống nôn cho từng người trong đoàn, một đồng chí vội nói với bác sĩ Phạm Ngọc Thạch:

- Bác sĩ quên phát thuốc cho Bác Hồ rồi đấy!

Như để mọi người cùng biết, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch trả lời khá to, trong lúc máy bay vẫn rì rì bay rất êm:

- Không phải bây giờ, đã từ lâu, Bác Hồ đã rèn luyện cho mình thói quen không dùng thuốc, hoặc chỉ dùng vào những lúc thật cần thiết. Bác luôn chú ý tập luyện để thích nghi với mọi hoàn cảnh, khí hậu, thời tiết.

Trận ốm đáng kể của Bác là dạo sơ tán ở chiến khu Việt Bắc, năm 1948. Đêm cuối tháng 2, Bác bắt đầu hâm hấp sốt, nhưng đến sáng ngày 1-3 thì sốt li bì. Bác không họp được Hội đồng Chính phủ, phải nhờ người đi họp rồi về thuật lại cho Bác. Lúc đó, Bác đang ở Khuôn Tát, Thái Nguyên. Nằm trên chiếc giường liếp đan bằng nứa ở nơi sơ tán, Bác cố gắng húp từng thìa cháo thịt băm nhỏ nấu với hành tằm cho người nóng lên chóng ra mồ hôi; chịu đắng

miệng uống từng chén nước thuốc lá dân gian theo kinh nghiệm của bà con dân tộc, nơi Bác đang ở. Ba ngày sau, sốt bị đẩy lùi, Bác lại cố gắng ăn giữ bữa và tập thể dục, thể thao đều đặn lúc sáng dậy và sau giờ làm việc chiều, để chóng lại sức. Vậy là sức khỏe của Bác lại được bình phục. Nhưng được hơn một tháng sau, chuyển đến nơi sơ tán tại Nà Lọm, Định Hóa, Thái Nguyên, Bác lại bị đau răng dai dẳng làm cho Bác ăn không ngon, ngủ không yên, quả là như nhân dân thường nói “đau mắt, dất răng”. Suốt hơn ba tuần, Bác vừa chịu đau ê ẩm bên hàm, vừa nằm trên giường nửa nghiêng cứu tài liệu, hoặc có khi cắn răng chịu đau đến ngồi bên chiếc bàn tre cầm cúi viết. Việc nước, việc dân trong thời chiến tranh lắm lúc khẩn trương, thôi thúc, Bác càng nóng lòng muốn chóng lành bệnh.

Các bác sĩ được vinh dự nối tiếp nhau chăm lo sức khỏe cho Bác, như bác sĩ Lê Văn Chánh, bác sĩ nha khoa Nguyễn Dương Hồng, bác sĩ Nhữ Thế Bảo - nguyên Cục trưởng Cục Bảo vệ sức khỏe Trung ương; bác sĩ Phạm Ngọc Thạch - nguyên Thứ trưởng rồi Bộ trưởng Y tế; bác sĩ Lê Văn Mẫn; bác sĩ Trịnh Kim Ảnh; bác sĩ Trần Hữu Tước; bác sĩ Tôn Thất Tùng... và các nữ y tá biệt phái là Nguyễn Thị Mùi (sau là

bác sĩ); Nguyễn Thị Thanh (sau là bác sĩ)... thường nói rằng, Bác Hồ của chúng ta luôn luôn tự mình khắc phục khó khăn, cố gắng giữ gìn sức khỏe, ít làm phiền đến thầy thuốc. Nhiều anh em giúp việc còn nhớ khoảng giữa năm 1958, miền Bắc mới hòa bình được vài ba năm, đang trong thời kỳ khôi phục và bước đầu xây dựng kinh tế, Bác Hồ đến thăm công trường xây dựng Cống Chèm ở Từ Liêm, Hà Nội, đang trong giai đoạn hoàn thiện để đưa vào sử dụng. Đến cổng công trường, Bác xuống xe đi bộ. Bác đi được vài chục bước lại dừng chân đứng hỏi han công việc của những tốp thợ. Không may trên đường đi, chân Bác vấp phải một mẩu đá nhô lên ở đoạn đường vừa san phẳng, ngón chân cái bị bật móng, máu chảy nhiều. Thấy vậy đồng chí Hoàng Hữu Kháng - Cục trưởng Cục Cảnh vệ tháp tùng Bác, vội vàng xin thuốc lào và lấy băng băng tạm cho Bác. Bác lại tiếp tục đi, và chốc chốc dừng lại gặp gỡ công nhân, vui vẻ, bình thản như không có chuyện gì xảy ra. Cùng lúc đó, đồng chí Vũ Kỳ tìm cách, lặng lẽ báo về Văn phòng để bác sĩ biết mà chuẩn bị thay băng cho Bác. Quả nhiên, sau khi thăm công trường, về lại Văn phòng Phủ Chủ tịch, Bác thấy bác sĩ Trần Hữu Tước và bác sĩ Tôn Thất Tùng đang chờ. Xuống xe, Bác trách đồng chí Vũ Kỳ ngay:

- Chú chỉ làm phiền các bác sĩ.

Khi hai bác sĩ và vài người trong Văn phòng đến bên Bác thì đã nghe Bác nói vui và cũng hàm ý trách:

- Các chú có biết chuyện công chúa đứt tay không?

Chưa ai trả lời, Bác nói luôn câu ca dân gian:

- “Công chúa đứt tay bằng thợ lụng nổ ruột”.

Rồi Bác mới đến chỗ ngồi yên tĩnh để cho bác sĩ băng lại chỗ vấp ở ngón chân. Như để mọi người khỏi lo lắng cho Bác và để gây không khí cởi mở, Bác nói với bác sĩ và mấy người đứng xung quanh:

- Các chú biết không, ngón chân Bác bị vấp sáng nay, cũng đã từng biến dạng cách đây gần 35 năm. Đạo đó, Bác từ Pháp sang Liên Xô, cũng vừa lúc được tin rất đau buồn là đồng chí Lênin không còn nữa. Ai cũng sững sờ, bàng hoàng như mất một người thân trong gia đình. Bác cùng với nhiều người dân Liên Xô đến chỗ sắp hàng chờ suốt một ngày ngoài trời đầy tuyết lạnh để được lần lượt vào viếng người lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân. Viếng xong về đến nơi nghỉ, lạnh quá, Bác cởi giày hơ chân tay gần sát bếp lửa. Hơ được vài phút thì có một nữ đồng chí người Nga đi đến, thấy Bác hơ hơ chân vậy, vội quát lên:

- Anh muốn chết à!

Cô ta không cho Bác hơ chân lên bếp lửa nữa. Hơ nóng đột ngột khi chân tay đang rét cóng dễ làm xương biến dạng. Chạm thêm một chút nữa thì có lẽ nhiều ngón chân của Bác bị biến dạng; may mà mới có một ngón cái hơi cong và bị cứng. Thế là từ đó Bác phải hạn chế đi giày vì xỏ bàn chân vào giày thì ngón cái biến dạng ấy cứ cồm cộm, cắn cái, đau nhức khó chịu. Đó cũng là một lý do từ ngày về nước đến nay, Bác thích đi dép cao su. Vừa không cắn cái ngón chân biến dạng, vừa bền, tiện lợi...

Thường là mỗi tuần một lần, khi thì bác sĩ Bộ trưởng Y tế Phạm Ngọc Thạch, khi thì Giáo sư Tôn Thất Tùng, khi thì bác sĩ Cục trưởng Cục Bảo vệ sức khỏe Trung ương Nhữ Thế Bảo... đến kiểm tra, chăm sóc sức khỏe cho Bác. Một hôm, vào buổi chiều sau giờ làm việc, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch vừa đến thì thấy Bác đang dạo từng bước chậm rãi quanh ao cá, vườn cây trong khuôn viên Phủ Chủ tịch. Thấy bác sĩ Phạm Ngọc Thạch đi đến, Bác tươi cười hỏi ngay:

- Bác sĩ có khỏe không?
- Dạ! Thưa Bác, khỏe ạ!

Thế là Bác bảo bác sĩ Phạm Ngọc Thạch cùng dạo bước thanh thản trong khu vườn. Đang bước chậm chậm, Bác hỏi một cách thoải mái vài nét về ngành y.

Nhân lúc đó, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch mạnh dạn đề nghị với Bác:

- Dạ! Bác nên ra ngoài nghỉ thêm.

Bác cười, nói lại dí dỏm:

- Ngày nào mà Bác chẳng ra ngoài...

Tưởng là Bác chưa hiểu câu đề nghị của mình, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch từ tốn nói tiếp:

- Dạ! Thưa Bác, là Bác nên có thêm những chuyến ra nghỉ ở nước ngoài.

Bác cười, cảm ơn, không nói gì thêm, lại cùng bước đều đều, thư thái.

*

* *

Bác bắt đầu ốm nặng từ sáng ngày 13-8-1969. Thường ngày đã thành nếp, sau đêm ngủ, đến giờ là Bác tỉnh dậy, không cần ai đánh thức, lặng lẽ bước xuống cầu thang nhà sàn, đi tập thể dục. Nhưng sáng ngày 13, Bác nằm lại giường, húng hắng ho mấy tiếng. Bác sĩ liền đến kiểm tra, chẩn đoán Bác bị nhiễm lạnh. Vì chiều hôm trước 12-8, trời Hà Nội cuối hè đang hâm hấp nóng thì bất ngờ chuyển nhanh sang có từng cơn gió giật ào ào, mưa giông đổ

xuống. Trong lúc đó, Bác lại đang ở nhà nghỉ Hồ Tây thăm Phái đoàn ta mới ở Hội nghị Pari về nước. Căn bệnh phải đến sáng 13-8 mới thấy rõ sau khi bác sĩ kiểm tra, xét nghiệm thấy bạch cầu của Bác tăng so với ngày hôm trước. Thế là các giáo sư, bác sĩ liền hội chẩn và quyết định để Bác uống kháng sinh.

Trước đó, dạo đầu năm 1969, vào dịp Tết Nguyên đán, sau khi đến thăm Quân chủng Phòng không - Không quân và lên chúc Tết đồng bào huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây (nay là Hà Nội), sức khỏe của Bác tuy tuổi cao có giảm nhiều nhưng vẫn bình thường. Khi Hội đồng bác sĩ chẩn đoán Bác bước đầu có hiện tượng nhồi máu cơ tim, Bộ Chính trị liền quyết định mời thêm giáo sư và bác sĩ Trung Quốc sang điều trị cho Bác.

Nhưng đợt đau lần này khá dai dẳng. Mấy ngày uống kháng sinh, bệnh của Bác vẫn không giảm. Ngày 18-8, các giáo sư, bác sĩ đề nghị Bác không lên xuống nhà sàn nữa, mà tạm xuống ở ngôi nhà nhỏ phía sau nhà sàn. Ngôi nhà nhỏ này được xây trong dịp Bác sang thăm và làm việc ở Trung Quốc (tháng 5-1967). Nhưng sau đó, Bác không nhận sử dụng riêng cho mình mà dành ngôi nhà này thành nơi họp của Bộ Chính trị, hoặc có những lúc có nhiều đồng chí phụ trách các lĩnh vực đến làm việc với Bác.

Những ngày ở trong ngôi nhà nhỏ này, Bác vừa uống thuốc chữa bệnh, vừa làm việc, khi thì nghe các đồng chí trong Bộ Chính trị đến báo cáo công việc ở hậu phương lớn miền Bắc, ở tiền tuyến miền Nam đang diễn ra có tính “thời sự”, khi thì xem tài liệu, báo chí cần thiết. Bệnh vẫn không giảm. Đến ngày 23-8, bệnh diễn biến nặng thêm, các giáo sư, bác sĩ phải quyết định tiêm Pênixilin cho Bác. Nhưng tối ngày 24, Bác thấy đau trong lồng ngực. Đây cũng là lần đầu tiên anh em giúp việc Bác cũng như các bác sĩ, y tá chăm sóc sức khỏe cho Bác nghe Bác nói đến chữ “đau”. Chưa bao giờ Bác nói ra chữ “đau” dù gặp phải lúc ốm nặng, mà những khi đó Bác Hồ luôn tỏ nét mặt vui vẻ, bình thản để không gây lo lắng, phiền muộn cho người khác. Chính trong những ngày đêm cuối tháng 8-1969 này, các đồng chí trong Bộ Chính trị luôn luôn thay nhau có mặt bên Bác. Nhưng mỗi lần đồng chí nào đến, Bác lại hỏi trước về tình hình chiến trường miền Nam, cách đánh trả máy bay Mỹ trên miền Bắc có gì mới. Khi đồng chí đó hỏi thăm Bác về sức khỏe thì Bác trả lời ngay:

- Hôm nay Bác khỏe hơn hôm qua!

Từ ngày 24-8-1969, Bác phải nằm luôn trên giường bệnh. Bộ phận chăm sóc sức khỏe trước chỉ có Hội đồng

sức khỏe Trung ương có sáu, bảy bác sĩ và đoàn chuyên gia Trung Quốc gồm ba, bốn người, nay bổ sung một số bác sĩ, y tá Bệnh viện Quân đội 108, gồm bác sĩ hồi sức, bác sĩ dinh dưỡng, bác sĩ xét nghiệm và mấy y tá, hộ lý. Khi đồng chí Vũ Kỳ giới thiệu với Bác là có một số bác sĩ và y tá¹ của Bệnh viện Quân đội 108 đến chăm sóc cho Bác, Bác nói lại tuy có chậm nhưng vẫn rõ ràng, rành rọt từng chữ với ý nghĩ không phụ lòng, nhưng Bác vẫn lo cho dân trước. Bác nói:

- Bác tuy mệt, nhưng chưa cần nhiều cháu đến chăm sóc cho Bác. Các cháu phải chăm sóc cho thương binh, cho bộ đội.

Rồi Bác nhìn những đồng chí có trách nhiệm đang đứng gần, Bác nói tiếp:

- Các chú đừng để các cháu này ngày đêm ở đây mà vất vả vì Bác.

Những đồng chí có trách nhiệm lại tìm cách thuyết phục Bác. Mãi đến mấy phút sau, Bác mới đồng ý để cả tổ bác sĩ, y tá của Bệnh viện Quân đội 108 ở lại cùng với tổ bác sĩ, y tá của Bệnh viện Hữu nghị².

1. Gồm bác sĩ Nguyễn Khánh, bác sĩ Nguyễn Xuân Bích, bác sĩ Phúc, y tá Trần Thị Quý, y tá Nguyễn Thị Oanh.

2. Gồm bác sĩ Nhữ Thế Bảo, bác sĩ Lê Văn Mẫn...

Mọi công việc trong những ngày cuối tháng 8-1969 ở cơ quan của Bác diễn ra khẩn trương, nhanh chóng. Không một ai dám biểu hiện trên nét mặt sự lo lắng về sức khỏe đang yếu dần của Bác, mà cố nén hết sức bình tĩnh để Bác vui lòng nằm chữa bệnh. Không ngờ, chính Bác lại là nguồn động viên an ủi mọi người yên tâm đừng quá lo về Bác. Sáng ngày 27-8, tuy mệt hơn, Bác vẫn nằm yên lặng và suốt cả thời gian ốm nặng, Bác không hề có một tiếng rên kêu đau nào. Khoảng chín giờ sáng, sau khi y tá Nguyễn Thị Oanh đưa thuốc mời Bác uống và nhẹ nhàng lần lượt cắt ngắn từng móng tay cho Bác, bỗng Bác chủ động gọi chuyện, xua tan không khí buồn lo của mọi người, Bác hỏi y tá Nguyễn Thị Oanh:

- Quê cháu ở đâu?

- Dạ! Thưa Bác! Quê cháu ở xã Liên Châu, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bác hỏi tiếp:

- Cháu có biết hát không?

Nguyễn Thị Oanh hơi lúng túng, đỏ mặt, nhưng kịp trấn tĩnh rồi mạnh dạn hát cho Bác nghe bài "*Chiến sĩ quân y làm theo lời Bác*".

Thấy ánh mắt Bác nhìn mình âu yếm, cổ vũ, Nguyễn Thị Oanh hát tiếp bài dân ca quan họ Bắc Ninh "*Người ơi người ở đừng về*".

Nghe xong, Bác lấy làm hài lòng, mỉm cười. Rồi Bác bảo đồng chí Vũ Kỳ tặng hoa cho Nguyễn Thị Oanh. Đây cũng là bông hoa cuối cùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng cho cá nhân. Ngày 31-8-1969, sau khi nghe tin Sư đoàn tên lửa 361 ở Hà Nội bắn rơi chiếc máy bay không người lái của giặc Mỹ xâm phạm vùng trời Thủ đô, Bác liền bảo Văn phòng gửi tặng lẵng hoa. Đây cũng là lẵng hoa cuối cùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng cho đơn vị tập thể. Mặc dù ốm nặng nhưng Bác vẫn lo đến công việc.

Ngày 1-9, Bác rất mệt, nhưng khi tỉnh Bác vẫn gắng ăn vài thìa con long nhãn.

Đúng 9 giờ 47 phút ngày 2-9-1969, trái tim của Người ngừng đập. Bác đi vào giấc ngủ vĩnh hằng.

Sự nghiệp cách mạng, tư tưởng vĩ đại cũng như cách sống thường ngày luôn luôn vì dân, vì nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành kim chỉ nam cho mọi thế hệ người Việt Nam. Chúng ta mãi mãi đi theo lý tưởng và sự nghiệp của Người.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- Lời Nhà xuất bản	5
- Lời giới thiệu	7
- Người giúp việc	9
- Những nơi ở	22
- Khi mặt trời lên	42
- Cách ăn mặc	54
- Ngoài giờ làm việc	78
- Đến với dân	115
- Đêm xuống	151
- Giác ngủ ngon lành	163

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung: ThS. CHU VĂN KHÁNH
ThS. PHẠM THỊ THINH
Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG
Chế bản vi tính: ĐẶNG THU CHÍNH
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: ThS. PHẠM THỊ THINH

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT - 12/86 phố Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC

HỒNG KHANH

- Kể chuyện xây Lăng Bác Hồ
- Phong cách Bác Hồ đến cơ sở
- Chuyện với người cháu gần nhất của Bác Hồ



8935211171541



9 786045 714232

Giá: 35.000đ